

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **429** /BC-UBND

Hà Nội, ngày **18** tháng **11** năm **2023**

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023,
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XVI (nhiệm kỳ 2021-2026), Ủy ban nhân dân Thành phố kính gửi Hội đồng nhân dân Thành phố Báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024”, nội dung như sau:

PHẦN I

Tình hình thực hiện nhiệm Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Kinh tế - xã hội năm 2023 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới biến động khó lường; ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19; xung đột Nga - Ucraina kéo dài, gần đây xảy ra xung đột tại Dải Gaza; khó khăn tích lũy và nhiều hơn dự báo khi nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao¹; nợ công toàn cầu tăng mạnh²; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro³; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp; lạm phát neo ở mức cao; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm⁴; ngoài ra, nhiều thiên tai bất thường và nghiêm trọng xảy ra⁵ đã cản trở tiến trình phục hồi kinh tế thế giới... đã tác động ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và cầu tiêu dùng giảm sút trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Ở trong nước, kinh tế chịu tác động rõ rệt, nhất là thị trường xuất khẩu sụt giảm, sức mua của thị trường nội địa, sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn. Trước tình hình đó, Thành phố đã triển khai quyết liệt các Nghị quyết, Kết luận của Trung

¹ Từ đầu năm đến 15/10/2023, trên thế giới có 145 lượt tăng và 52 lượt giảm lãi suất; trong đó ECB đã nâng lãi suất tiền gửi 6 lần, lên 4,5%, mức cao nhất kể từ năm 1999; FED tăng lãi suất 4 lần, lên 5,25 - 5,5%, cao nhất trong 22 năm qua; BOA tăng lãi suất 5 lần, lên 5,25%, cao nhất trong 15 năm qua.

² Theo Báo cáo tháng 7/2023 của Liên Hợp quốc, nợ công thế giới tăng lên mức kỷ lục 92 nghìn tỷ USD, 59 quốc gia đối mặt với mức nợ cao, 52 quốc gia đang tiến gần đến vỡ nợ.

³ Trong đó, một số ngân hàng Mỹ, Thụy Sĩ sụp đổ; trong tháng 8/2023, Moody's đã hạ bậc tín nhiệm của 10 ngân hàng quy mô vừa và nhỏ tại Mỹ, cảnh báo hạ bậc tín nhiệm của 06 ngân hàng lớn; Tại Trung Quốc: Tập đoàn Evergrande phá sản, các tập đoàn Country Garden, Sunac China đứng trước nguy cơ vỡ nợ...

⁴ GDP Hoa Kỳ quý I tăng 1,8%, quý II tăng 2,6%; tương ứng EU tăng 1,1% và 0,5%; Nhật Bản tăng 2,0% và 1,6%; Hàn Quốc tăng 0,9% và 0,9%; Singapore tăng 0,4% và 0,5%; Thái Lan tăng 2,6% và 1,8%; riêng Trung Quốc quý I tăng 4,5% và quý II tăng 6,3%...

⁵ Thiên tai nghiêm trọng liên tiếp xảy ra như: Thảm họa cháy rừng ở Hawaii hồi tháng 8/2023, thảm họa vỡ đập gây lũ lụt tại Libya hồi tháng 9/2023, ngập lụt diện rộng tại Trung Quốc hồi tháng 8/2023...

ương, nhất là Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) của Chính phủ, chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ, Thành uỷ Hà Nội ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 28/11/2022 và Kết luận số 100-KL/TU ngày 05/12/2022 về KTXH, tài chính - ngân sách và đầu tư công năm 2022-2023; HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết: số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2023; UBND Thành phố ban hành Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 01/02/2023, trong đó, xác định mục tiêu tổng quát năm 2023 là: Thúc đẩy tăng trưởng ổn định kinh tế Thủ đô, kiểm soát lạm phát; Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, giáo dục; Kiểm soát hiệu quả các loại dịch bệnh; Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; Đồng thời tiếp tục thực hiện chủ đề “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển*”; Tập trung thực hiện 22 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu chủ yếu phát triển KTXH; 06 vấn đề trọng tâm chỉ đạo điều hành; 118 nhiệm vụ cụ thể giao các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã với quyết tâm cao nhất hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển KTXH năm 2023.

2. Thành uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát các nhiệm vụ lâu dài mang tính chiến lược, thường xuyên quan tâm giải quyết các nhiệm vụ mang tính bức xúc dân sinh; HĐND Thành phố tổ chức các nội dung giám sát theo kế hoạch; UBND Thành phố đã đôn đốc thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ đề ra ngay từ đầu năm. Đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; tổng kết và đề xuất sửa đổi Luật Thủ đô; tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và các chương trình công tác toàn khoá nhiệm kỳ 2020-2025; Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hoá Thủ đô, ngày 21/3/2023 Thành phố đã tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “*Phát huy các giá trị và nguồn lực văn hóa xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”*” nhằm nhận diện nguồn lực văn hóa Thủ đô để tiếp tục cụ thể hóa trong định hướng phát triển trong giai đoạn tới⁶. Tổ chức sơ kết giữa kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và 10 chương trình công tác toàn khoá của Thành uỷ và các nghị quyết của Trung ương khóa XII: Số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở

⁶ UBND Thành phố đã ban hành các kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 30/11/2022, số 139/KH-UBND ngày 09/5/2023, số 140/KH-UBND ngày 09/5/2023 với danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đề án cụ thể giao các sở, ban ngành và UBND quận, huyện, thị xã để triển khai thực hiện

thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước...

3. Tập trung triển khai các nghị quyết của Chính phủ: số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi ngành và phát triển bền vững đến năm 2025; số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, cương; các Công điện của Thủ tướng Chính phủ: số 238/CD-TTg ngày 10/4/2023 về thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trong thời gian tới; số 470/CD-TTg ngày 26/5/2023 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp... UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/6/2023 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 về việc Thành lập Tổ công tác đặc biệt về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố...

4. Chỉ đạo thực hiện năm chủ đề “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển*”; Thành ủy ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 về “Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội”; UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 27/4/2023 về khắc phục tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm năm 2022 về kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra công vụ trong năm 2023. Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế; ban hành quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài phạm vi thủ tục hành chính) của các cơ quan hành chính thuộc Thành phố. Tiếp tục thí điểm thực hiện Đề án thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc sở, ban, ngành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp, nâng cao năng lực thực thi của các cấp và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát, đồng thời, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp chuyển đổi số quốc gia, tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030...

5. Chỉ đạo duy trì tốt hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; đảm bảo cung cấp điện, nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, chiếu sáng và chỉnh trang đô thị, trọng tâm là các dịp lễ, Tết, sự kiện văn hóa, thể thao; đảm bảo sắp xếp hàng quán, dịch vụ trông giữ xe, giao thông, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm... Thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nhà; tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng, an toàn giao thông...

6. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng địa phương; đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bố trí lực lượng tuần tra và ứng trực đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông trên những tuyến giao thông quan trọng, khu vực diễn ra các sự kiện chính trị, văn hóa, khu vui chơi, lễ hội; tăng cường các giải pháp phòng chống cháy nổ, rà soát các công trình, chung cư có nguy cơ cháy nổ. Tiếp tục thúc đẩy thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá, phát triển du lịch và dịch vụ, mở rộng quan hệ quốc tế, thúc đẩy đối ngoại toàn diện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... từng bước nâng cao vị thế Thủ đô.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH

Năm 2023, Chính phủ tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ về thuế, phí để góp phần giảm giá thành hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và tạo công ăn việc làm cho người lao động⁷. Triển khai thực hiện chính sách giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với đơn vị đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp⁸, Thành phố đã tích cực chỉ đạo, phổ biến, thông tin chính sách đến người dân, doanh nghiệp, đến hết tháng 9/2023, đã tiếp nhận 3.691 hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 với tổng số tiền đề nghị giảm là 1.113,61 tỷ đồng; đã ban hành 2.615 quyết định giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022 với tổng số tiền được giảm là 756,61 tỷ đồng (cả nước giảm 3,46 nghìn tỷ đồng).

Thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất 2%, đến tháng 10/2023, doanh số hỗ trợ lãi suất của các Ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn đạt 36.577,4 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 14.105,8 tỷ đồng, số tiền đã hỗ trợ cho khách hàng lũy kế từ đầu Chương trình (20/5/2022) đạt 140,73 tỷ đồng cho 310 khách hàng (cả nước đạt 681 tỷ đồng – bằng 1,7% nguồn lực bố trí⁹). Các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn vẫn đang dành nguồn lực tài chính để giảm lãi suất, hỗ trợ khách hàng khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, nhu cầu vay tín dụng thấp, hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn làm giảm khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp.

Sau 4 lần điều chỉnh giảm liên tục mặt bằng lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới giảm khoảng hơn 1% so với thời điểm cuối năm 2022. Đến nay, lãi suất tiền gửi bằng VNĐ bình quân của NHTM trong nước ở mức 0,1-0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,0-4,75%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,5-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng; 5,5-6,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng. Lũy kế 10 tháng đầu năm, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đạt trên 4,9 triệu tỷ đồng, giảm 1,22% so với thời điểm kết thúc năm 2022 (cùng kỳ tăng 7,9%); Tổng dư nợ trên 3,26 triệu tỷ đồng, tăng 10,85% (cùng kỳ tăng 11,2%; mục tiêu đề ra của Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2023 là 14%), trong đó, dư nợ ngắn hạn tăng 12,49%, dư nợ trung và dài hạn tăng 9,73%.

⁷ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội trong thời gian từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023; Nghị định 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước

⁸ Ngày 31/01/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

⁹ <https://nhandan.vn/goi-ho-tro-lai-suat-2-moi-chi-thuc-hien-duoc-681-ty-dong-post772300.html>

Dư nợ cho vay theo Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp đạt 553.176 tỷ đồng. Thành phố cũng đang tích cực triển khai gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay đối với chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Nợ xấu của các TCTD trên địa bàn (tháng 10) chiếm 2,08% trong tổng dư nợ (nợ xấu cùng thời điểm năm 2022 là 1,9%).

2. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm

(1) *Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn vượt dự toán, đảm bảo cho các khoản chi ngân sách;* Dự kiến tổng thu NSNN năm 2023 trên địa bàn là 400.421 tỷ đồng, đạt 113,5% dự toán, tăng 20,0% so với năm 2022; trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 23.610 tỷ đồng, đạt 87,4% dự toán, giảm 10,3%; Thu từ dầu thô 3.700 tỷ đồng, đạt 176,2% dự toán, tăng 27,6%; Thu nội địa 373.096 tỷ đồng, đạt 115,2% dự toán, tăng 22,8%; Thu viện trợ không hoàn lại 27,7 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương dự kiến 102.155,5 tỷ đồng, đạt 97,2% dự toán Thành phố giao đầu năm và đạt 91,1% dự toán sau điều chỉnh; trong đó: Chi đầu tư phát triển 48.600 tỷ đồng, đạt 103,5% dự toán Thành phố giao đầu năm và đạt 91,1% dự toán sau điều chỉnh; Chi thường xuyên 53.482,9 tỷ đồng, đạt 95,9% dự toán giao đầu năm và đạt 92,4% so với dự toán sau điều chỉnh.

(2) *Các TCTD thực hiện hiệu quả các chính sách tiền tệ, tín dụng trên địa bàn; tiết giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay, đảm bảo nhu cầu vốn cho nền kinh tế và thanh khoản của hệ thống.* Luỹ kế 10 tháng đầu năm, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đạt trên 4,9 triệu tỷ đồng, giảm 1,22% (cùng thời điểm năm 2022 tăng 7,9%); Tổng dư nợ tín dụng đạt trên 3,26 triệu tỷ đồng, tăng 10,85% (cùng thời điểm năm 2022 tăng 11,2%; cả nước tăng 6,92%). Do hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhu cầu vốn của doanh nghiệp khá thấp nên chỉ tiêu này còn cách khá xa chỉ tiêu đề ra của Ngân hàng Nhà nước¹⁰.

(3) *Kim ngạch xuất, nhập khẩu suy giảm như tình hình chung của cả nước, chủ yếu do ảnh hưởng của chuỗi cung ứng toàn cầu và nhu cầu giảm tại một số thị trường quan trọng.* Luỹ kế 10 tháng đầu năm: Kim ngạch xuất khẩu đạt 13.819 triệu USD, giảm 1,4% (cùng kỳ tăng 13,6%; cả nước giảm 7,1%); trong đó: Khu vực kinh tế trong nước tăng 5,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 9,7%. Kim ngạch xuất khẩu quý IV phần đầu tăng trên 7,2%; dự kiến cả năm 2023 tăng khoảng 1% (KH năm 2023 tăng 6%). Kim ngạch nhập khẩu đạt 30.600 triệu USD, giảm 9,5% (cùng kỳ tăng 20,9%; cả nước giảm 12,3%), trong đó: Khu vực kinh tế trong nước giảm 7,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 17,9%. Suy giảm kim ngạch xuất, nhập khẩu có nguyên nhân trực tiếp do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới, nhất là các thị trường chiếm tỷ trọng lớn như Châu Âu và Mỹ. Xuất khẩu một số hàng hoá giảm khá mạnh như: Dệt may giảm 18,2%; gỗ và sản phẩm từ gỗ giảm 13%; giày dép và sản phẩm từ da giảm 29,8%...

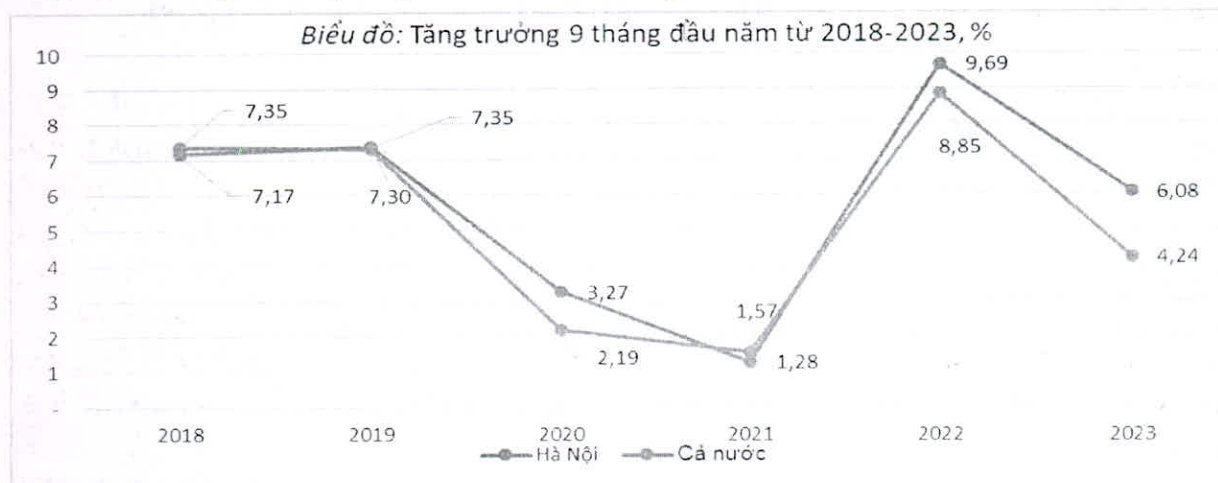
¹⁰ Tín dụng toàn nền kinh tế Việt Nam đạt 12,749 triệu tỷ đồng, tăng 6,92%; Chỉ tiêu đầu năm đề ra tăng trưởng tín dụng năm 2023 là 14-15%, ngày 10/7/2023 NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu này xuống là khoảng 14%

(4) *Lạm phát tiếp tục được kiểm soát.* Thực hiện kiểm soát tốt giá cả, thị trường và phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại¹¹; bình ổn giá, đảm bảo cân đối cung - cầu các mặt hàng thiết yếu... Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 10 tháng đầu năm tăng 1,51% - thấp hơn cùng kỳ năm 2022 (tăng 3,49%) và thấp hơn cả nước (3,2%); trong đó, có 02/11 nhóm hàng CPI giảm nhẹ là: Nhóm giao thông giảm 2,38%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,62%. Một số nhóm hàng có CPI tăng là: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,23%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,45%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,68%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,55%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,25%,... Dự kiến CPI năm 2023 trong giới hạn đề ra là dưới 4,5%.

2.2. GRDP tăng trưởng khá, mức tăng gấp 1,43 lần cả nước

GRDP 9 tháng đầu năm tăng 6,08%, cao hơn cùng kỳ các năm 2020-2021, là mức tăng khá trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn¹²; xu hướng quý sau cao hơn quý trước (Quý I tăng 5,81%, quý II tăng 5,93% và quý III tăng 6,49%), tuy thấp hơn kịch bản đề ra (quý I tăng 6,7%; quý II tăng 6,8%; quý III tăng 7,0%) nhưng tăng gấp 1,43 lần cả nước (cả nước tăng 4,24%). Các ngành duy trì tăng trưởng: Dịch vụ tăng 7,2%; Công nghiệp và Xây dựng tăng 4,57%; Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 2,5%; Thuế sản phẩm tăng 3,03%.

GRDP năm 2023 ước tăng 6,11% (Theo số liệu Tổng cục Thống kê dự kiến lần 1 ngày 12/7/2023). Cục Thống kê Hà Nội dự kiến 02 kịch bản tăng trưởng: (i) Quý IV tăng 6,5% thì GRDP cả năm tăng 6,2%; (ii) quý IV tăng 7,0% thì cả năm tăng 6,35%. Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 7,0% năm 2023 thì quý IV sẽ phải tăng 9,4% - đây là nhiệm vụ rất khó khăn trong bối cảnh hiện nay.



2.3. Các ngành kinh tế duy trì tăng trưởng

(1) Thương mại, dịch vụ duy trì tăng khá

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng lũy kế 10 tháng đầu năm đạt 628.207 tỷ đồng, tăng 10,5% (cùng kỳ tăng 28,8%; cả nước tăng 9,4%); ước cả năm tăng trên 10,0% – đạt mục tiêu đề ra.

¹¹ 10 tháng đầu năm, tổng số vụ thanh tra, kiểm tra là 4.552 vụ, tổng số vụ xử lý là 4.244 vụ với số tiền xử lý là 113,265 tỷ đồng. Trong đó mặt hàng xăng dầu: 108 vụ, xử phạt hành chính 1,573 tỷ đồng; liên quan đến thực phẩm: 666 vụ, xử phạt hành chính 8,746 tỷ đồng...

¹² Tăng trưởng: Cả nước 4,24%; TP HCM 4,57%; Đà Nẵng 2,83%; Cần Thơ 4,71%; Hải Phòng 10,08%; các chỉ tiêu khác xem Phụ lục 03

Hạ tầng thương mại được quan tâm đẩy nhanh tiến độ; Trung tâm thương mại (TTTM) Lotte Mall Tây Hồ đã hoàn thành đưa vào hoạt động từ ngày 28/7/2023; chợ thương mại dịch vụ Bích Hòa (huyện Thanh Oai) đã khởi công xây dựng; 03 TTTM (Aeon Mall Hoàng Mai Giáp Bát, Parkcity, Aeon Mall Bắc Từ Liêm) đang được đẩy nhanh tiến độ; loại hình kinh doanh hiện đại như máy bán hàng tự động tại địa điểm công cộng được đẩy mạnh phát triển; đã đề xuất 01 vị trí đầu tư xây dựng khu Outlet tại tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài (Đoạn 1) với diện tích khoảng 39,45 ha...

Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước: Quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối đối tác thông qua các chương trình Tuần hàng, Hội chợ, Festival, Lễ hội du lịch, ẩm thực, Festival Thu Hà Nội, phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với các địa điểm kinh doanh, du lịch làng nghề du lịch nông thôn... và tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, với các tổ chức, đối tác quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin: Phát triển các website chuyên đề theo lĩnh vực như website nông sản an toàn Hà Nội, website làng nghề Hà Nội,... để tạo kênh tuyên truyền, quảng bá hiệu quả về môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển thương mại, tăng cường cơ hội kết nối, giao thương, giới thiệu tiềm năng Thủ đô. Vận hành gian hàng số trên sàn thương mại điện tử <https://postmart.vn/...>

Vận tải hàng hoá và hành khách tăng khá; lũy kế 10 tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt 311,976 triệu lượt, tăng 25,2% (cùng kỳ tăng 40,3%; cả nước tăng 12,5%); khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.173,6 triệu tấn, tăng 17,7% (cùng kỳ tăng 60,9%; cả nước tăng 14,4%). Tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 160,777 nghìn tỷ đồng, tăng 16,9% (cùng kỳ tăng 46,2%).

(2) Du lịch phục hồi mạnh

Lũy kế 10 tháng đầu năm, tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội đạt 20,7 triệu lượt, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, khách quốc tế 3,6 triệu lượt, tăng 3,5 lần (đã vượt mục tiêu cả năm là 3 triệu lượt); khách nội địa 17,1 triệu lượt, tăng 19,1% (Năm 2019, khách du lịch nội địa 21,92 triệu lượt; khách quốc tế 7,02 triệu lượt); lượng khách có lưu trú đạt 3,9 triệu lượt, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ 2022. Tổng thu từ khách du lịch đạt 76,3 nghìn tỷ đồng, tăng 66,7%; công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn đạt 59,9%, tăng 13,9 điểm % so với cùng kỳ. Dự kiến cả năm, khách nội địa đạt 20 triệu lượt, khách quốc tế 4 triệu lượt, vượt mục tiêu đề ra.

Du lịch phục hồi mạnh một mặt là do dịch COVID-19 đã được kiểm soát, mặt khác Thành phố đã kịp thời kích cầu du lịch, đưa ra một số sản phẩm du lịch mới như: Mở rộng và thúc đẩy hoạt động các tuyến phố đi bộ (Phố đi bộ Hồ Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm; Phố đi bộ Trịnh Công Sơn, quận Tây Hồ; Phố đi bộ Hồ Thuyên Quang, Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng; Phố đi bộ quanh Thành cổ, thị xã Sơn Tây; Phố đi bộ Đảo Ngọc, Ngũ Xã, quận Ba Đình). Xây dựng các sản phẩm du lịch đêm, du lịch trải nghiệm: tour Giải mã Hoàng thành Thăng Long; du lịch văn học chữ Tâm, chữ Tài,... Ngoài ra, đã tổ chức vận chuyển miễn phí cho du khách tham quan Hà Nội bằng xe buýt 2 tầng theo hành trình City tour, dịp nghỉ lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, lễ 30/4, 01/5 và lễ Quốc khánh 02/9 với 271 chuyến xe phục

vụ hơn 13.017 lượt khách tham quan trải nghiệm nhằm mang đến cho du khách những trải nghiệm hoàn toàn mới, góp phần thu hút nhiều hơn nữa du khách đến với Hà Nội.

(3) Sản xuất công nghiệp, xây dựng duy trì tăng trưởng

Luỹ kế 10 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2,6% (cùng kỳ tăng 8,6%; cả nước tăng 0,5%); trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,0%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 5,7%; khai khoáng giảm 6,0%. Một số các ngành sản xuất chế biến, chế tạo tăng khá so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tăng 18,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị tăng 15,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 12,6%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 7,5%;... Tuy nhiên, có 08/23 ngành giảm so với cùng kỳ; một số ngành giảm mạnh như: Sản xuất trang phục giảm 4,1%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 3,2%; Sản xuất máy móc, thiết bị giảm 22,3%...

Thực hiện chủ trương phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL); đến hết tháng 10 đã hỗ trợ 24 doanh nghiệp với 33 sản phẩm lập hồ sơ tham gia đánh giá, xét chọn SPCNCL năm 2023; tổ chức Hội chợ SPCNCL năm 2023... Các hoạt động thông tin tuyên truyền chương trình phát triển SPCNCL trên các trang thông tin điện tử, website được tăng cường.

Thành phố đẩy mạnh công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp (CCN); xây dựng Đề án chuyển đổi số dữ liệu CCN trên địa bàn thành phố Hà Nội; tổ chức khởi công, động thổ đầu tư hạ tầng kỹ thuật 10 CCN trên địa bàn các huyện Phú Xuyên, Phúc Thọ, Thanh Oai, Đông Anh, nâng tổng số CCN đã được khởi công; động thổ lên 19/43 CCN đã có quyết định thành lập giai đoạn 2018-2020¹³; quyết định thành lập đối với 12 CCN¹⁴. Hạ tầng trạm xử lý nước thải được quan tâm đầu tư, đến nay đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung được 38/40¹⁵ CCN, đạt tỷ lệ 95%; 02 CCN đang được tiếp tục đầu tư.

Từ giữa tháng 5 đến khoảng ngày 25/6/2023, nguồn cung điện bị thiếu hụt buộc phải cắt giảm điện luân phiên ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị, doanh nghiệp; ngành điện đã nhanh chóng khắc phục tình trạng này và đến nay duy trì cung ứng điện an toàn, liên tục, ổn định phục vụ các hoạt động, sự kiện chính trị, văn hóa, ngoại giao, hoạt động KTXH và nhu cầu của người dân.

(3) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Năm 2023, diện tích chuyển đổi đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm: rau, hoa, màu là 605,26 ha; sang đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả là 1.119,28 ha;

¹³ CCN làng nghề Đại Thắng, CCN làng nghề Phú Túc, CCN Phú Yên, huyện Phú Xuyên; CCN Dị Nậu, huyện Thạch Thất; CCN Thăng Lợi, CCN Tiền Phong – giai đoạn 2, CCN Ninh Sở – giai đoạn 2, huyện Thường Tín; CCN Đan Phượng – giai đoạn 2, huyện Đan Phượng; CCN Vĩng Xuyên, CCN Thanh Đa, huyện Phúc Thọ; CCN Đông La, huyện Hoài Đức; CCN Cầu Bão – giai đoạn 2, huyện Ứng Hòa; CCN Phương Trung, CCN Thanh Thủy – giai đoạn 2, CCN Hồng Dương, huyện Thanh Oai; CCN Thiết Bình, Thụy Lâm, Dục Tú, Liên Hà 2, huyện Đông Anh.

¹⁴ CCN Đan Phượng – giai đoạn 2, CCN Hồng Hà, CCN Song Phượng, huyện Đan Phượng; CCN Vĩng Xuyên, huyện Phúc Thọ; CCN Sơn Đông, thị xã Sơn Tây; CCN Thiết Bình, huyện Đông Anh; CCN Đình Xuyên, huyện Gia Lâm; CCN Đông La, CCN Dương Liễu – giai đoạn 2, huyện Hoài Đức; CCN Ngọc Liệp (phần mở rộng), huyện Quốc Oai; CCN làng nghề Xuân Thu, CCN CN2, huyện Sóc Sơn.

¹⁵ Đã rà soát, tách, sáp nhập một số CCN để thuận lợi tổng công tác quản lý nên còn 40 CCN phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung

sang đất nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa là 994,65 ha. Giá trị canh tác rau ngắn ngày trung bình từ 200-300 triệu đồng/ha/năm, trồng hoa đạt từ 450-480 triệu đồng/ha/năm.

Dự kiến năm 2023, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 223.507,8 ha, bằng 97,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, lúa vụ Mùa thu hoạch được 67,3 nghìn ha, chiếm 92,9% diện tích gieo cấy, năng suất lúa đạt 58,3 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha so với cùng kỳ; tổng diện tích cây lâu năm 23,9 nghìn ha, tăng 1,8% so với năm 2022.

Chăn nuôi đang phát triển theo định hướng ưu tiên phát triển tập trung xa khu dân cư, giảm nhỏ lẻ, xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung gắn với phát triển chuỗi khép kín, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học và bền vững. Số lượng và sản lượng gia súc, gia cầm ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Lũy kế 10 tháng đầu năm: Đàn trâu, lợn và gia cầm đều tăng; đàn trâu 28,9 nghìn con, tăng 2,1%; đàn lợn 1,48 triệu con, tăng 4,9%, dự kiến cả năm đạt 1,6 triệu con; đàn gia cầm 41,9 triệu con, tăng 2,2%; đàn bò 129,6 nghìn con, giảm 0,1%, dự kiến cả năm đạt 130 nghìn con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 10 tháng đầu năm đều tăng, đảm bảo nhu cầu và ổn định thị trường: Thịt trâu 1.560 tấn, tăng 4,6%; thịt bò 8.017 tấn, tăng 0,2%; thịt lợn 188 nghìn tấn, tăng 7,4%; thịt gia cầm 121 nghìn tấn, tăng 0,5%. Sản lượng trứng gia cầm đạt 2.107 triệu quả, tăng 3,7%. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 10 tháng đầu năm đạt 99,1 nghìn tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ; dự kiến cả năm, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 24,5 nghìn ha, sản lượng ước đạt 133,5 nghìn tấn.

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng rừng; 10 tháng đầu năm, diện tích diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 47 ha. Tổng diện tích có rừng là 18.573,41 ha và diện tích chưa thành rừng là 8.501,48 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,59%.

Chủ động các phương án phòng chống thiên tai, phòng chống úng ngập khu vực ngoại thành, đảm bảo an toàn cho các công trình trọng điểm trong mùa mưa. Thực hiện các dự án cải tạo, sửa chữa công trình thủy lợi theo kế hoạch; thực hiện tốt công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất, đảm bảo khung thời vụ.

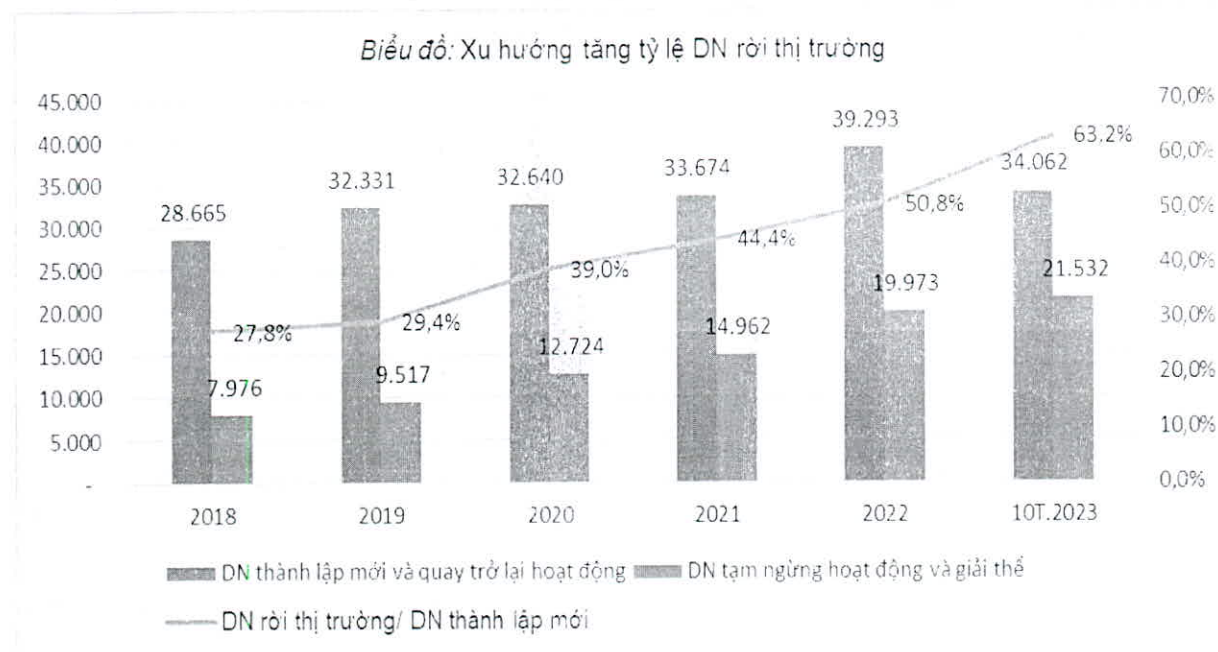
(4). Vốn đầu tư xã hội, đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp đăng ký thành lập duy trì tăng trưởng

Vốn đầu tư xã hội duy trì tăng so với cùng kỳ; 9 tháng đầu năm vốn đầu tư xã hội đạt 328.133 tỷ đồng, tăng 9,0% (cùng kỳ tăng 22,1%; cả nước tăng 5,9%); nguyên nhân chủ yếu do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động đã tác động đến các hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp; ngoài ra môi trường đầu tư, kinh doanh chưa được cải thiện (PCI, PAPI giảm bậc), cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ (nhất là các khu, cụm công nghiệp) gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư các dự án... Ước cả năm 2023, tổng vốn đầu tư xã hội đạt 504,89 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% (kế hoạch tăng 10,5%).

Thu hút đầu tư nước ngoài tăng khá; Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, thu hút 2.607 triệu USD (cả nước thu hút 15.910 triệu USD), tăng 2,04 lần so với cùng kỳ, trong đó: 346 dự án mới với 321 triệu USD; 141 lượt tăng vốn với 242 triệu USD; 274 lượt góp vốn, mua cổ phần với giá trị vốn góp đạt 2.044 triệu USD (trong đó 01

lượt giao dịch của Nhà đầu tư Nhật Bản Sumitomo mua cổ phiếu của VP Bank trên sàn giao dịch chứng khoán với giá trị giao dịch đạt 1.500 triệu USD). Ước năm 2023 thu hút 2.874 triệu USD, tăng 62,0% so với năm 2022.

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng nhưng doanh nghiệp hoạt động trở lại giảm; Lũy kế 10 tháng đầu năm, có 26.470 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 260.954 tỷ đồng (tăng 6% về số lượng và giảm 8% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022); 7.592 doanh nghiệp hoạt động trở lại (giảm 13%); Ước năm 2023 có 31.432 doanh nghiệp thành lập mới. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội là 373.995 doanh nghiệp.



Doanh nghiệp rời khỏi thị trường tăng; Lũy kế 10 tháng đầu năm có 3.051 doanh nghiệp giải thể (tăng 3%), 3.758 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể (tăng 15%), 18.481 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động (tăng 25%). Tỷ lệ doanh nghiệp rời thị trường trên tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại thị trường có xu hướng liên tục tăng kể từ năm 2018. Số doanh nghiệp rời thị trường trong 10 tháng đầu năm 2023 đã vượt cả năm 2022 và bằng 63,2% tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại thị trường (xem biểu đồ ở trên). Tình hình trên đã ảnh hưởng đóng góp của các doanh nghiệp trong thu ngân sách; tỷ trọng thu từ khu vực sản xuất, kinh doanh trong thu nội địa 10 tháng đầu năm là 45,64% (năm 2019 là 50,78%; 2020 là 45,08%; 2021 là 47,82%; 2022 là 47,04%).

(5). Công tác tài chính, ngân sách được chỉ đạo thường xuyên, kịp thời

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các khoản chi NSNN theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Chi ngân sách được điều hành theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tập trung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm như đường Vành đai 4, các dự án giao thông, các dự án thuộc kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực (y tế, di tích và giáo dục)...; kịp thời bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh như phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc. Thực hiện nghiêm tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác lập, thẩm định, phê

duyet, phân bổ dự toán NSNN; trong sử dụng NSNN tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản; tiết kiệm chi phí sản xuất và đầu tư xây dựng của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thu, chi ngân sách năm 2023. Thành phố đã đề nghị Bộ Tài chính thưởng và bổ sung có mục tiêu số thu vượt dự toán ngân sách Trung ương năm 2022; Hướng dẫn chuyển nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID - 19 theo Nghị quyết số 80/2023/QH15 của Quốc hội.

Thực hiện Kết luận số 100-KL/TU ngày 05/12/2022 của Thành ủy, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 04/03/2023 về “Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030”, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 và Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 31/5/2023 triển khai thực hiện Đề án với 09 nhóm giải pháp và 65 nhiệm vụ; đồng thời, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 19/7/2023 đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Lũy kế đến hết thời điểm ngày 30/10/2023, UBND Thành phố đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 10.726 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất khoảng 43.980.042 m², diện tích nhà khoảng 10.039.515 m².

Thực hiện kế hoạch chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hà Nội quản lý sang tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2025, đến nay, dự kiến thực hiện nâng mức tự chủ 39/362 đơn vị (tương đương 10,8% kế hoạch).

Tiếp tục vận hành tốt các Chương trình phần mềm dùng chung ngành Tài chính; thẩm định, cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đảm bảo đúng quy định; tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện rà soát, đóng mã số các dự án đầu tư xây dựng cơ bản không còn sử dụng.

2.4. Phát triển văn hóa, xã hội; thông tin và truyền thông; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; y tế; nguồn nhân lực tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU và Kết luận số 51-KL/TU ngày 07/4/2022 của Thành ủy; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố về triển khai xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo (với tổng kế hoạch vốn đầu tư là 49.203,5 tỷ đồng); kế hoạch 5 năm 2021-2025 vốn đầu tư là 41.105,5 tỷ đồng cho 1.310 dự án; cập nhật, điều chỉnh đến nay (Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND Thành phố) kế hoạch vốn là 37.746,3 tỷ đồng với 1.301 dự án; trong đó, đã bố trí vốn kế hoạch từ 2021-2023 là 16.381,4 tỷ đồng (43,4%) cho 876 dự án; kết quả thực hiện dự kiến hết năm 2023 hoàn thành 382 dự án. Ngoài ra, các quận, huyện, thị xã đã dành nguồn lực đầu tư cho 03 lĩnh vực này với kế hoạch vốn trung hạn cấp huyện giai đoạn 2021-2025 là 44.425,2 tỷ đồng để thực hiện 1.797 dự án; kết quả dự kiến đến hết năm 2023 hoàn thành 623 công trình.

a) Phát triển văn hóa, xã hội

Các giá trị di sản văn hóa tiếp tục được bảo tồn và phát huy, tiếp tục quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố; Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hồ Văn, di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám; Tu bổ, tôn tạo Di tích Nhà tù Hỏa Lò giai đoạn 2023-2025; Ước lũy kế giải ngân từ năm 2021 đến hết năm 2023 đạt 3.086 tỷ đồng. Tại các di tích, danh thắng của Thành phố diễn ra nhiều hoạt động văn hóa hấp dẫn thu hút khách tham quan. Đến nay, các di tích đã đón hơn 2,5 triệu lượt khách - hoàn thành mục tiêu năm 2023 và tăng hơn 30 lần so với cùng kỳ năm trước, thu phí ước đạt hơn 70 tỷ đồng - đạt hơn 190% kế hoạch cả năm.

Phát triển văn hóa được chú trọng, Thành phố đã tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Phát huy các giá trị và nguồn lực văn hóa xây dựng Thủ đô Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”; bước đầu nhận diện nguồn lực văn hóa Thủ đô bao gồm 06 thành tố là: (i) Nguồn lực con người; (ii) Nguồn lực tài nguyên di sản văn hóa; (iii) Nguồn lực thiết chế văn hóa; (iv) Nguồn lực thể chế văn hoá; (v) Nguồn lực từ vị thế; (vi) Nguồn lực thời cơ để từ đó tiếp tục cụ thể hóa trong định hướng phát triển Thủ đô trong giai đoạn tới. Tiếp tục thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội và Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025 năm 2023;

Hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao diễn ra sôi nổi tạo không khí vui tươi, phấn khởi, đã tổ chức tuyên truyền, cổ động trực quan, hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và Thủ đô: Các hoạt động chào mừng năm mới 2023 và Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; Dịp lễ 30/4-1/5; ngày chiến thắng Điện Biên Phủ; ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Dịp lễ 2/9; Chương trình trải nghiệm đêm Văn Miếu – Quốc Tử Giám với chủ đề “Tinh hoa đạo học”,.... Đến nay, đã tổ chức 1.607 buổi biểu diễn (đạt 110% kế hoạch), doanh thu đạt 32,1 tỷ đồng (đạt 108% kế hoạch), số lượt khán giả đạt 710.350 lượt (đạt 97,49% kế hoạch).

Đoàn thể thao Hà Nội tham dự SEA Games 32 tại Campuchia đạt thành tích ấn tượng với 99 huy chương (40 Huy chương vàng, 27 Huy chương Bạc, 32 Huy chương Đồng), đóng góp gần 1/3 tổng số huy chương toàn đoàn Việt Nam; Phối hợp với Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ tổ chức giải “Xe đạp Cúp Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh năm 2023”. Tổ chức các hoạt động thể thao nhằm hướng tới chào mừng kỷ niệm 77 năm ngày Thể thao Việt Nam và các hoạt động kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam như: Tổ chức Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, phát động và Chung kết Giải chạy Báo Hà nội mới mở rộng lần thứ 48 - Vì hòa bình năm 2023 ngày 26/3/2023 tại Tượng đài Lý Thái Tổ và xung quanh hồ Hoàn Kiếm. Đến nay, thành tích thi đấu của thể thao thành tích cao Thành phố đạt 328 huy chương quốc tế (138 HCV, 95 HCB, 95 HCD) và 2.575 huy chương trong nước (953 HCV, 649 HCB, 937 HCD) tại các giải thi đấu trong và ngoài nước.

b) Phát triển công tác thông tin truyền thông, đẩy mạnh chuyển đổi số

Hệ thống thông tin liên lạc được duy trì tốt, không xảy ra nghẽn mạng, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Thành phố; Đảm bảo an toàn

thông tin cho hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố và các cơ quan; Đảm bảo an toàn thông tin mạng trong thời gian Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, Giỗ Tổ Hùng Vương, dịp Lễ 30/4, 01/5 và lễ Quốc khánh 2/9.

Đẩy nhanh chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền số: Đã ban hành và thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh đến năm 2025; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội năm 2023... Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030: Thành phố đã cấp chữ ký số miễn phí cho công dân Hà Nội để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch điện tử nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công dân trong giải quyết thủ tục hành chính, đến nay các doanh nghiệp đã cung cấp gần 39.000 chữ ký số.

Duy trì tốt công tác phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và xử lý thông tin báo chí; tổ chức họp báo thông tin về tình hình KTXH hàng tháng, hàng quý. Thông tin tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội được tiếp tục đẩy mạnh.

c) Phát triển giáo dục và đào tạo

Cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư; Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục được giữ vững. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được đẩy mạnh ở các cấp học, bậc học. Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia, Đoàn Hà Nội đạt 141 giải (gồm 13 giải nhất, 46 giải nhì, 41 giải ba và 41 giải khuyến khích); Kỳ thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia, Đoàn Hà Nội đạt 04 giải (02 giải nhì, 01 giải ba và 01 giải khuyến khích). Hà Nội đại diện học sinh Việt Nam tham dự Kỳ thi Thiên văn và Vật lý Thiên văn quốc tế lần thứ 16 tại Ba Lan giành 04 huy chương (02 huy chương bạc, 02 huy chương đồng).

Quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn Quốc gia. Giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo dự kiến đầu tư 653 dự án với kế hoạch vốn 30.803 tỷ đồng. 10 tháng đầu năm, Thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn quốc gia cho 16 trường, trong đó công nhận mới cho 07 trường, đang thực hiện đánh giá ngoài cho 180 trường. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 59% (1.651/2.800), trong đó, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 72,7% (1.632/2.244)¹⁶. Ước cả năm 2023 công nhận mới 130 trường, công nhận lại 270 trường đạt chuẩn quốc gia (chỉ tiêu đầu năm là 81 trường và 50 trường). Về trường chất lượng cao, đến nay đã có 23 trường chất lượng cao, trong đó có 17 trường công lập (có 07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 05 trường THCS và 02 trường THPT) và 06 trường ngoài công lập. Ngoài ra, Thành phố đang triển khai xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất bổ sung xây dựng 07 trường phổ thông có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại. Hà Nội đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

¹⁶ Mầm non công lập đạt tỷ lệ 71,9% (576/801); Tiểu học công lập đạt 68,3% (487/715); Trung học cơ sở công lập đạt 80,1% (488/611); Trung học phổ thông công lập đạt tỷ lệ 66,9% (81/121)

Tăng cường công tác quản lý tài chính, thu chi năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục Thành phố quản lý, thực hiện công khai tài chính theo quy định, không để xảy ra tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp các cấp đảm bảo an toàn, nghiêm túc. Hà Nội, là một trong các địa phương có số điểm 10 nhiều nhất cả nước với 1.232 điểm 10 tăng hơn 3 lần so với năm 2022; số lượng điểm 9 trở lên các môn thi là 40.978 điểm. Có 154 cơ sở giáo dục đạt tỷ lệ tốt nghiệp 100%, tăng 50 cơ sở giáo dục so với năm 2022. Tỷ lệ tốt nghiệp toàn Thành phố là 99,56% (trong đó đối với thí sinh THPT là 99,75%, đối với thí sinh giáo dục thường xuyên là 98,29%), đứng thứ 17 trong 63 tỉnh thành, tăng 10 bậc so với năm 2022.

d) Phát triển khoa học và công nghệ

- *Hoạt động đổi mới khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh*, đến tháng 10, hoàn thành nghiệm thu sản xuất thử nghiệm 49 đề tài, dự án cấp cơ sở; 42 đề tài, dự án cấp Thành phố; dự kiến cả năm, 69 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được mở mới (kế hoạch là 90 nhiệm vụ). Tỷ lệ ứng dụng kết quả vào thực tiễn của các đề tài khoảng trên 70% và dự án là 100% đã đem lại hiệu quả tốt trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế. Đã tổ chức thành công Ngày Hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Vùng Thủ đô năm 2023. Thành phố đang triển khai phương án thành lập Sàn Giao dịch công nghệ; Nghiên cứu, đưa Dự án trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi vào hoạt động; Thực hiện tiếp nhận quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 của Chính phủ, trong đó Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý) đã được khánh thành, đi vào hoạt động.

- Đã cấp mới giấy chứng nhận (GCN) đăng ký hoạt động KH&CN cho 06 doanh nghiệp, 39 tổ chức, 16 chi nhánh. Cấp mới 10 GCN và cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn 08 GCN đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. Hiện nay, Hà Nội đang dẫn đầu toàn quốc về số lượng doanh nghiệp KH&CN với 151 doanh nghiệp/730 doanh nghiệp KH&CN của cả nước (chiếm 20,5%).

đ) Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được cải thiện; an toàn thực phẩm được tăng cường

- *Dịch bệnh trong cộng đồng được tăng cường giám sát chặt chẽ*, tuy nhiên, một số bệnh có số ca mắc tăng so với cùng kỳ. Cộng dồn từ đầu năm ghi nhận 1.305 ổ dịch sốt xuất huyết Dengue tại 30/30 quận, huyện, thị xã, hiện còn 258 ổ dịch đang hoạt động tại 26 quận, huyện; trong đó có 20.548 ca mắc, 4 ca tử vong, số mắc tăng so với cùng kỳ 2022 (6.602/5); Tay chân miệng: 2.253 ca mắc, 0 tử vong, tăng so với cùng kỳ (1.521/0) Uốn ván người lớn: 22 ca mắc, 2 ca tử vong; Liên cầu lợn: 15 ca mắc, 2 ca tử vong;.... Hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng phòng chống dịch bệnh được duy trì; Công tác tiêm chủng phòng, chống dịch bệnh đến nay có 05/08 chỉ tiêu đạt tiến độ theo kế hoạch, còn 03/08 chỉ tiêu chưa đạt tiến

độ¹⁷. Chỉ tiêu quản lý đối tượng trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia đạt chỉ tiêu tiến độ (đạt 69,6% trên chỉ tiêu cần đạt là 66,7%). Một số chỉ tiêu: Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa ước đạt trên 70%; Tỷ lệ người người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ước đạt 87%,... cơ bản đạt kế hoạch đề ra; Chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử” ước đạt 82,5% - không đạt KH 90% do chưa có phần mềm thống kê dùng chung của Thành phố.

- Triển khai thực hiện mục tiêu 90-90-95 trong phòng, chống HIV/AIDS: Về chỉ tiêu phát hiện người nhiễm HIV: đạt 70,2%, tăng 2,0 điểm % so với năm 2022 (68,2%); Về chỉ tiêu điều trị ARV: tỷ lệ số người nhiễm HIV được duy trì điều trị là ARV 93,7%; Về tỷ lệ bệnh nhân có kết quả xét nghiệm tải lượng vi-rút dưới ngưỡng ức chế/tổng số bệnh nhân được làm xét nghiệm tải lượng vi rút: 98,0%. Hiện nay, toàn Thành phố có 21.917 trường hợp nhiễm HIV/AIDS, trường hợp còn sống là 14.396 (chiếm 6,5% cả nước trường hợp còn sống).

- Công tác kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm (ATTP) trên địa bàn được triển khai đồng bộ, tập trung vào các dịp như lễ, tết. Tăng cường kiểm tra, giám sát tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể tại các trường học, khu công nghiệp và chế xuất trên địa bàn. Tổng số cơ sở thanh kiểm tra, hậu kiểm là 620 cơ sở; xử phạt vi phạm hành chính 89 cơ sở với số tiền 1.104 triệu đồng.

Các hoạt động nâng cao chất lượng dân số được đẩy mạnh: Đề án mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Kế hoạch phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội... Chỉ tiêu Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước ước thực hiện cả năm 0,1% (đạt KH). Chỉ tiêu “Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế” theo tiêu chí cũ đạt 100% nhưng theo tiêu chí mới ban hành năm 2023 của Bộ Y tế (Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023), chỉ tiêu này đạt 84,5%.

e) Phát triển nguồn nhân lực tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội

- Thực hiện tốt chính sách với người có công, chăm lo cho các đối tượng chính sách. Dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, Thành phố đã tập trung rà soát tình hình đời sống và thực hiện tốt việc chăm lo, thăm hỏi, chúc Tết; Tặng quà các đối tượng chính sách; Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng; hộ nghèo; hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người cao tuổi, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; công nhân viên chức có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Đã trao tặng 1.778.951 suất quà với tổng kinh phí 834.831.713.700 đồng (nguồn vận động xã hội hóa chiếm 15,1%), đạt 150,6% kế hoạch, kinh phí tăng 15,4% và mức quà trung bình cũng cao hơn 24,2% so với quà tặng Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ, Thành phố đã trao 343.584 suất quà với số tiền hơn 248,8 tỷ đồng (nguồn vận động xã hội hóa

¹⁷ 5/8 chỉ tiêu đạt tiến độ: (1) Tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh, (2) Tiêm vắc xin bại liệt cho trẻ đủ 5 tháng tuổi, (3) Tiêm vắc xin bại liệt cho trẻ từ 9 tháng tuổi đến dưới 1 tuổi, (4) Tiêm nhắc BH-HG-UV mũi 4 cho trẻ 18-23 tháng, (5) Tiêm vắc xin phòng bệnh uốn ván cho phụ nữ có thai; 03/8 chỉ tiêu chưa đạt tiến độ: (1) Tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi, (2) Tiêm Viêm não Nhật Bản cho trẻ 1-2 tuổi, (3) Tiêm nhắc sởi 2 cho trẻ 18-23 tháng.

hơn 21,9 tỷ đồng). Triển khai Kế hoạch thực hiện phong trào Đền ơn đáp nghĩa năm 2023, Thành phố đã vận động Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” được 36,164 tỷ đồng (đạt 157,7% KH). Nhân dịp Quốc khánh 2/9, đã chuyển 3.370 suất quà trao tặng các đối tượng với số tiền gần 5,3 tỷ đồng (nguồn vận động xã hội hóa là 759 suất, kinh phí trên 414 triệu đồng) đến các đối tượng chính sách theo quy định. 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan đơn vị nhận phụng dưỡng. Đến nay, đã tiếp nhận và giải quyết trên 17.161 hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách ưu đãi đối với người có công với kinh phí gần 59,3 tỷ đồng; Tổng kinh phí chi cho công tác ưu đãi người có công của Thành phố là 1.859 tỷ đồng.

- *Giải quyết việc làm được đẩy mạnh.* Trong 10 tháng đầu năm, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 186.177 lao động¹⁸, đạt 114,9% KH, bằng 101,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội tổ chức 214 phiên giao dịch việc làm (trong đó, có 01 phiên lồng ghép tuyển dụng lao động là người khuyết tật; 04 phiên online kết nối với các tỉnh) với 6.217 đơn vị, doanh nghiệp tham gia; tổng số nhu cầu tuyển dụng, tuyển sinh là 96.725 người; tổng số lao động được phỏng vấn là 43.476 lao động; số lao động được tuyển dụng tại phiên là 15.315 lao động.

Tiếp tục phát triển đào tạo nguồn nhân lực; Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 220.800 lượt người, đạt 96% kế hoạch tuyển sinh năm 2023 (mục tiêu 230.000 lượt người), tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2022. Có 195.860 học sinh, sinh viên tốt nghiệp, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,2% - hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

- *Công tác giảm nghèo và thực hiện bảo trợ xã hội được chú trọng;* Dự kiến năm 2023 thực hiện hỗ trợ 734 hộ thoát nghèo (vượt KH đề ra: giảm 30%, tương đương 642 hộ nghèo so với đầu năm). Thành phố đang đẩy nhanh Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn Quốc gia phục vụ cấp tài khoản an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả, kịp thời công tác bảo trợ xã hội, 10 tháng đầu năm, tiếp nhận 506 người lang thang vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội. Trong vụ hỏa hoạn tại chung cư mini, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân xảy ra ngày 12/9/2023, Thành phố đã kịp thời thăm hỏi, hỗ trợ các nạn nhân tử vong và bị thương; HĐND thành phố ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 gồm 7 nội dung thực hiện hỗ trợ đột xuất các nạn nhân; Ngày 05/11/2023, đã thực hiện chi trả hỗ trợ đột 2 với số tiền 123,94 tỷ đồng¹⁹.

Đến trung tuần tháng 10/2023, tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 93,38% dân số (chưa bao gồm lực lượng vũ trang), số người tham gia BHYT là 7.822.612 người, tăng 3,39% so với cùng kỳ 2022; Số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc 2.039.491 người, tăng 4,44% so với cùng kỳ 2022, chiếm 42,6% lực lượng lao động trong độ tuổi; Số người tham gia BHXH tự nguyện 79.290 người, tăng 12,99% so với cùng kỳ 2022, chiếm 1,85% lực lượng lao động trong độ tuổi; Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) 1.950.822 người, tăng 3,39%

¹⁸ Trong đó: tạo việc làm cho 34.644 lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền là 1.761 tỷ đồng; số người lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm, Trung tâm Dịch vụ việc làm 13.447 lao động; đưa 3.002 người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, chủ yếu là thị trường Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc; số lao động được cung ứng giới thiệu việc làm của các doanh nghiệp và qua các hình thức khác 120.135 lao động

¹⁹ <https://hanoimoi.vn/chi-tra-123-94-ty-dong-ho-tro-dot-2-cho-cac-nan-nhan-cua-vu-chay-tai-quan-thanh-xuan-647044.html>

so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 39,2% lực lượng lao động trong độ tuổi. Số chi BHYT, BHXH, BHTN là 57.230 tỷ đồng, tăng 9,03% so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến năm 2023, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

2.5. Quản lý và phát triển đô thị; khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường

a) Công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị

- Công tác quy hoạch được đẩy nhanh tiến độ; nhiều quy hoạch quan trọng được phê duyệt. Thành uỷ, UBND Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt, khắc phục tình trạng chậm trễ, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch; Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã xong dự thảo lần 1, đang xin ý kiến của các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trong vùng, các sở, ban ngành và UBND quận, huyện, thị xã.

Trong 10 tháng đầu năm, Thành phố đã phê duyệt 03 đồ án quy hoạch chi tiết lập mới; Phê duyệt 20 đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết và 09 đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, 06 nhiệm vụ quy hoạch.... Tiến độ các quy hoạch trên địa bàn Thành phố: (1) Quy hoạch đô thị trung tâm: Đã hoàn thành phê duyệt 35/35 đồ án quy hoạch phân khu. (2) Quy hoạch chung (các huyện, thị trấn): Đã hoàn thành phê duyệt 14/14 Quy hoạch chung huyện, thị xã. (3) Quy hoạch chung thị trấn, thị trấn sinh thái: Đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung 11/11 thị trấn và 03/03 thị trấn sinh thái. (4) Quy hoạch chung các đô thị vệ tinh: Hoàn thành phê duyệt 06/31 quy hoạch phân khu. (5) Quy hoạch xây dựng nông thôn: Hoàn thành phê duyệt: 293/308 xã (đạt 95,12%). (6) Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và một số quy hoạch đặc thù: Đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ chuyên ngành phê duyệt 08/09 quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thành phố⁽²⁰⁾; Thành phố đã phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch bến bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, Thành phố đã tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông - một trong những khâu đột phá của Thành phố. Đã hoàn thành đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2 và Cầu vượt nút giao Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch; phân đấu hoàn thành trong năm 2023 đường Âu Cơ đoạn từ Khách sạn Thăng Lợi - cầu Nhật Tân.

Dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô đã khởi công ngày 25/6/2023, đang đẩy nhanh giải phóng mặt bằng và thi công một số đoạn, tuyến. Đã phê duyệt và thu hồi đất được 726,61 ha, đạt 91,81%, di chuyển 6.621 ngôi mộ, đạt 70,6%; bàn giao 654,094 ha mặt bằng, đạt 90,02% diện tích đất đã thu hồi GPMB; đã khởi công, đang thực hiện 09/13 khu tái định cư. Các nhà thầu thi công đang tổ chức 29 mũi thi công, bao gồm 21 mũi thi công đường và 08 mũi thi công cầu. UBND Thành phố đã hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 3 (theo hình thức

²⁰ (1) Quy hoạch giao thông vận tải; (2) Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; (3) Cấp điện; (4) Cấp nước; (5) Thoát nước thải; (6) Xử lý chất thải rắn; (7) Nghĩa trang; (8) Thông tin liên lạc. Hiện còn quy hoạch chiếu sáng đô thị chưa được lập và phê duyệt.

PPP) gửi Hội đồng thẩm định Nhà nước. Dự án đã giải ngân 6.659,54 tỷ đồng, đạt 72,55% kế hoạch (*chi tiết xem Phụ lục 08*).

Đã khởi công: Dự án tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ và đường vành đai 3 và Dự án tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hòa Lạc – Hòa Bình; khởi công và đang thi công đường quốc lộ 6; đã phê duyệt chủ trương đầu tư đường vành đai 3 (đoạn trên địa bàn huyện Đông Anh), vành đai 2,5 (đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đàm Hồng). Nghiên cứu, triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng các cầu lớn vượt sông Hồng: Hồng Hà, Mễ Sở, Hoài Thượng,... để khớp nối đồng bộ với đường Vành đai 4.

Tổ chức lại giao thông²¹, nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng (HKCC) được đẩy mạnh, tiếp tục triển khai thí điểm hệ thống vé điện tử liên thông đa phương thức cho vận tải HKCC; Khai trương ứng dụng “Busmap Hà Nội” - Ứng dụng dùng chung phục vụ hành khách tham gia vận tải HKCC. Mạng lưới vận tải HKCC bằng xe buýt có 154 tuyến (132 tuyến buýt có trợ giá, 08 tuyến không trợ giá, 12 tuyến buýt kế cận và 02 tuyến City Tour). Đến nay, tổng hành khách vận chuyển ước đạt 349,7 triệu lượt, đạt 94,7% KH, tăng 57,1% so với cùng kỳ 2022; Vận tải hành khách đường sắt đô thị đạt 7,7 triệu lượt, đạt 97,6% KH, tăng 41,3% so với cùng kỳ 2022.

- Tiếp tục phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; cải tạo chung cư cũ. Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội năm 2023; Trong 10 tháng đầu năm 2023, toàn Thành phố đã hoàn thành 152.250 m² sàn nhà ở, 812 căn hộ, trong đó: Nhà ở thương mại 127.290 m² sàn, 500 căn hộ; Nhà ở tái định cư 24.960 m² sàn, 312 căn hộ (chưa có dự án nhà ở xã hội hoàn thành).

Triển khai thực hiện Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố đang tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; xây dựng tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư đối với từng dự án tái tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn; rà soát, đôn đốc, giao nhiệm vụ đẩy nhanh tiến độ thực hiện đợt 1, tập trung tại 03 khu có điều kiện thuận lợi để triển khai trước: Khương Thượng, Trung Tự, Giảng Võ... Việc triển khai Đề án cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu, tiến độ đề ra; nguyên nhân chủ yếu chậm trong công tác kiểm định chất lượng nhà chung cư cũ; lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chi tiết, tổng quan mặt bằng; còn vướng mắc về cơ sở pháp lý trong lựa chọn nhà thầu tư vấn; thỏa thuận với các hộ dân mất nhiều thời gian...

- Thanh tra xây dựng đã tiến hành 17 cuộc thanh tra chuyên ngành (05 cuộc thanh tra quản lý, sử dụng nhà chung cư), ban hành 15 kết luận thanh tra về việc thực hiện quy định pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với một số dự án sử dụng vốn ngân sách và 136 cuộc kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc đầu tư xây dựng; qua đó đã ban hành 51 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt 1.762 triệu đồng, tham mưu UBND Thành phố ban hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 460 triệu đồng và kiến nghị giảm trừ quyết toán với tổng số tiền hơn 590 triệu đồng.

²¹ Đã xử lý 09/37 điểm thường xuyên ùn tắc giao thông (27 điểm từ 2022, phát sinh 10 điểm); xử lý 26/26 điểm đen TNGT

- *Đẩy nhanh tiến độ cấp nước sạch; duy trì thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường*, giao 09 đơn vị đang cấp nước trên địa bàn Thành phố triển khai cấp nước cho 127/139 xã theo hình thức xã hội hóa, hoàn thành vào năm 2025 và UBND huyện Ba Vì triển khai cấp nước cho những khu vực dân cư miền núi tại xã Ba Vì, Khánh Thượng và Minh Quang; 09/139 xã tại huyện Phúc Thọ, nhà đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất phương án cấp nước. Hoàn thành nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 08 dự án thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Có thêm trạm xử lý nước thải tại Khu đô thị Gia Lâm công suất 38.000 m³/ng.đ. đi vào hoạt động, nâng tỷ lệ xử lý lên 30,9%.

Thành phố hoàn thành cải tạo 5 vườn hoa (Trúc Bạch - Ba Đình, Vườn Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai, Vườn hoa Diên Hồng - Hoàn Kiếm, Vườn Ngọc Lâm - Long Biên, Vườn Lê Trực - Ba Đình); Hoàn thành đầu tư xây dựng mới 05 Công viên: Công viên CV1, quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm, Công viên và hồ điều hòa khu phía Bắc và phần mở rộng phía Nam nghĩa trang Mai Dịch, Công viên Thiên văn học - Khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, Công viên Long Biên, Công viên Ngọc Thụy. Đã phê duyệt chủ trương cải tạo, nâng cấp 03 công viên (Thống Nhất, Thủ Lệ, Bạch Thảo). Hưởng ứng Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025, lũy kể từ 2021 đến nay Thành phố đã thực hiện trồng được 133.444 cây bóng mát, 103.339 cây cảnh, 550.405 m² cây măng, thảm cỏ. Về công tác hạ ngầm các đường dây cáp viễn thông, điện lực, từ năm 2021 đến nay đã thực hiện trên 84/300 tuyến phố.

b) Khai thác hiệu quả tài nguyên

- Đã ban hành 18 quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện của 17 huyện và thị xã Sơn Tây và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối các quận. Thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện, UBND Thành phố đã ban hành quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 125 dự án với tổng diện tích 152,3 ha; dự án nhận chuyển nhượng: 01 dự án với diện tích 12 ha.

- Về việc xử lý đối với 712 dự án chậm triển khai theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố: 330 dự án (thêm 55 dự án so với kết quả giữa năm 2023) đưa ra khỏi danh sách các dự án chậm triển khai (đã đưa đất vào sử dụng; đã, đang tham mưu trình thu hồi, chấm dứt dự án;...); 350 dự án (thêm 206 dự án so với kết quả giữa năm 2023) đã xử lý xong, giao các đơn vị tiếp tục giám sát, đôn đốc nhà đầu tư đưa đất vào sử dụng; 32 dự án còn phải tiếp tục thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án chậm triển khai do UBND quận, huyện, thị xã đề xuất mới (173 trong số 712 dự án): 58 dự án đã đưa ra khỏi danh sách các dự án chậm triển khai (tiếp tục giám sát thực hiện theo quy định của pháp luật); 87 dự án đã xử lý xong (tiếp tục giám sát đưa đất vào sử dụng); 18 dự án với tổng diện tích 305,8 ha đất, đã có quyết định chủ trương nhưng chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất còn phải xử lý.

- Trong 10 tháng đầu năm đã tổ chức đấu giá khoảng 13,61 ha đất (không bao gồm đất xây dựng hạ tầng); Số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất khoảng 3.443,2 tỷ đồng; đạt 24,5% kế hoạch. Kết quả thu tiền sử dụng đất được 6.797 tỷ đồng, đạt

40% kế hoạch do nguồn thu phát sinh ít, công tác đấu giá đất các tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn; thu tiền thuê đất, mặt nước đạt 1.935 tỷ đồng, đạt 34,55% kế hoạch.

- Đã tổ chức đấu giá công khai quyền khai thác cát (đợt 1); 03 mỏ cát: Liên Mạc, Châu Sơn và Tây Đằng đã trúng đấu giá gần 1.700 tỷ đồng. Tiếp tục tổ chức đấu giá đợt 2 (mỏ Cổ Đô 1, Cổ Đô 2 và Châu Sơn) dự kiến vào tháng 12/2023. Thực hiện rà soát, cung cấp thông tin về vị trí, chủng loại, trữ lượng và thời hạn khai thác các mỏ vật liệu cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, đảm bảo chủ động, cung ứng đủ vật liệu xây dựng dự án đường vành đai 4-Vùng Thủ đô.

- Tổng hợp nhu cầu giao đất dịch vụ trên địa bàn tính đến nay đã giao được 40.535 hộ/49.945 hộ đủ điều kiện, đạt 81,16% tương ứng với 397,7ha, còn lại 9.410 hộ (18,84%) tương ứng với 142,7 ha chưa được giao đất dịch vụ.

- Đã cấp Giấy chứng nhận (GCN) và kê khai, đăng ký đất đai lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư là 1.678.912 thửa đất, đạt 99,6%; cho người mua nhà tại dự án phát triển nhà ở đạt 84,2%; cho người mua nhà tái định cư đạt 93,7%; cho hộ gia đình, cá nhân sau dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp đạt 99,21%. Cấp GCN và đăng ký kê khai đất đai lần đầu cho các tổ chức được 23.704 thửa đất (trong đó: cấp GCN 22.269 thửa; cấp Giấy xác nhận đăng ký đất đai lần đầu 1.435 thửa); cho các cơ sở tôn giáo đạt 74,9%; cho các cơ sở tín ngưỡng đạt 25,73%.

c) Bảo vệ môi trường

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy điện rác Seraphin. Đảm bảo rác thải được thu gom và vận chuyển trong ngày tại khu vực đô thị và 90-95% tại khu vực nông thôn. Đã ban hành danh mục, lộ trình và kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 28/4/2023); ban hành danh mục nhà, đất phải di dời theo quy hoạch (đợt 1) đối với 9 cơ sở, thời hạn di dời trong 5 năm (Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 08/8/2023).

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai Đề án “Bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bấy - Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021- 2025”; “Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy giai đoạn 2021-2025” và đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án “Phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông trong nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét”. Tiếp tục triển khai hiệu quả quy chế phối hợp quản lý bảo vệ khoáng sản, đặc biệt là khu vực giáp ranh giữa thành phố Hà Nội với các tỉnh giáp ranh.

2.6. Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được đẩy mạnh. Đến nay, đã có 16/18 huyện, thị xã đạt chuẩn NTM²², đã thẩm định, hoàn thiện hồ sơ và chuẩn bị họp Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với 02 huyện còn lại: Ứng Hòa và Mỹ Đức; 382/382 (100%) xã đạt chuẩn NTM; đã có 111

²² Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Quốc Oai, Gia Lâm, Thạch Thất, Thường Tín, Thanh Oai, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Chương Mỹ, Mê Linh, Ba Vì và thị xã Sơn Tây

xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 20 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. 04 huyện Đan Phượng, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023; 02 huyện Hoài Đức, Thanh Oai phấn đấu hoàn thành huyện nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Để phát triển kinh tế nông thôn, Thành phố đang thúc đẩy thực hiện chương trình mỗi địa phương một sản phẩm (OCOP); Đã phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2022 gồm 518 sản phẩm; trong đó, 01 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 271 sản phẩm 4 sao, 246 sản phẩm 3 sao. Lũy kế đến nay, Thành phố có 2.167 sản phẩm OCOP.

2.7. Cải cách hành chính; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; Công tác thi đua, khen thưởng

a) Cải cách hành chính được đẩy mạnh; Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường

- Thực hiện chủ đề “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”, Thành ủy ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về kỷ luật kỷ cương hành chính nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả phục vụ doanh nghiệp và Nhân dân; UBND Thành phố đã ban hành và thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số thành phố Hà Nội; đẩy mạnh thực hiện chủ đề công tác năm 2023 theo tinh thần 3 “rõ”: *Rõ quy trình giải quyết, tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc; rõ thẩm quyền, trách nhiệm; rõ kết quả kiểm tra, đôn đốc, xử lý người đứng đầu trong thực thi công vụ*. Tăng cường kiểm tra công vụ, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (đã tiến hành kiểm tra công vụ đột xuất đối với 30 đơn vị, 02 vụ việc theo chỉ đạo của UBND Thành phố). Đã cập nhật 139 nghìn hồ sơ dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức Thành phố vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; UBND Thành phố thực hiện tinh giản biên chế đối với 136 trường hợp; tổ chức triển khai rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy trình công tác, quy chế làm việc và phương án phân cấp, ủy quyền thủ tục hành chính (TTHC) tại 11 đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Quy hoạch, Kiến trúc; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

- Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Thành phố đã ban hành kế hoạch, hướng dẫn các quận, huyện, thị xã rà soát, triển khai tổng hợp, lập danh sách đơn vị đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Triển khai phương án tiếp tục và mở rộng thí điểm thi tuyển chức danh trưởng phòng, chi cục trưởng, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố.

- Về Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền sau 01 năm triển khai thực hiện, về cơ bản, việc thực hiện phân cấp trong 16 ngành, lĩnh vực là tương đối ổn định, nề nếp, vận hành thông suốt; đối với 09 lĩnh vực điều chỉnh quy định phân cấp tại Đề án theo hướng phân cấp cho cấp huyện, Thành phố đã chuyên kinh phí hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ mới được phân cấp tương ứng với kinh phí dự kiến Thành phố thực hiện theo phân cấp tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 (Hỗ trợ mục tiêu đầu tư xây dựng, cải tạo trường trung học phổ thông 3.022,5 tỷ đồng; Hỗ trợ mục tiêu đầu tư chợ theo quy định là 160 tỷ đồng; Hỗ trợ đầu tư cấp nước sạch ở các vùng sâu, vùng xa trên địa bàn 03 xã của huyện Ba Vì là 160 tỷ đồng).

Việc phân cấp, ủy quyền đã góp phần giải phóng nguồn lực đối với các quận, huyện có tiềm lực; đã có 14 quận, huyện, thị xã (Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Đống Đa, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Thanh Trì, Thường Tín, Sơn Tây) đã đề xuất và được HĐND Thành phố chấp thuận phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư 55 dự án sử dụng ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi cấp Thành phố với tổng kinh phí 22.674,21 tỷ đồng; trong đó, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 45 dự án, với kinh phí là 18.923,829 tỷ đồng.

Bên cạnh kết quả còn một số khó khăn, vướng mắc, nhưng không đồng đều ở các địa bàn và lĩnh vực, chủ yếu liên quan việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; chỉ có ít khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định phân cấp, nhưng không phải là nội dung trọng yếu của mỗi lĩnh vực. UBND Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện, thị xã báo cáo về các giải pháp tự khắc phục khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết; yêu cầu các sở, ngành hướng dẫn, tham mưu giải quyết.

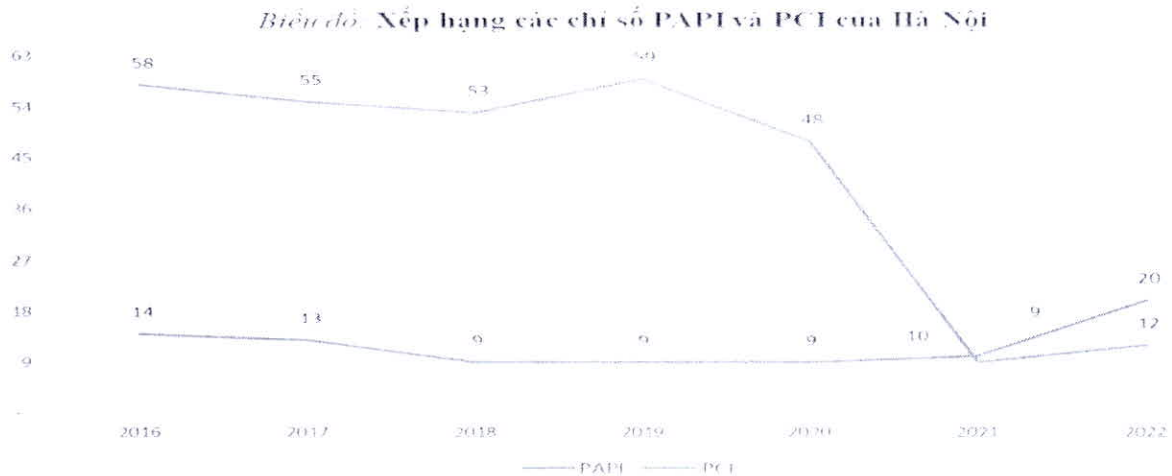
Về ủy quyền TTHC, lũy kế đến nay, UBND Thành phố có phương án phân cấp, ủy quyền thủ tục hành chính 708/1.895 TTHC, đạt 37,36% (trong đó, 613 TTHC đề xuất mới và tiếp tục thực hiện 91 TTHC đã được phân cấp, ủy quyền); phê duyệt quy trình nội bộ 574 TTHC, đạt tỷ lệ 100%.

- Chỉ số Cải cách hành chính - PAR Index năm 2022 đạt 89,58 điểm, xếp thứ 03/63 tỉnh, thành phố, tăng 7 bậc so với năm 2021; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính - SIPAS năm 2022 đạt 80,16%, là năm thứ 5 liên tiếp đạt trên 80%, tiếp tục xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố (giữ nguyên thứ bậc so với năm 2021).

Mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp được phản ánh tổng hợp qua Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Chỉ số PAPI của Hà Nội tăng hạng từ vị trí thứ 58 (năm 2016) lên vị trí thứ 9 (năm 2021); năm 2022, PAPI giảm 0,55 điểm (đạt 43,90/80 điểm), xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố (giảm 03 bậc so với năm 2021) tuy nhiên vẫn trong nhóm dẫn đầu cả nước (xem Biểu đồ dưới đây); trong đó: có 03 chỉ số trong top 10 cả nước, 06 chỉ số giảm hạng so với năm 2021.

Môi trường đầu tư, kinh doanh do cộng đồng doanh nghiệp phản ánh qua chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đang có xu hướng giảm bậc. Trong các năm 2018-

2020, PCI giữ vị trí thứ 9 trong 63 tỉnh, thành phố; năm 2021 giảm 1 bậc, năm 2022 tiếp tục giảm sâu 10 bậc, xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố (xem Biểu đồ dưới đây); trong đó: có 02 chỉ số thuộc top 10 cả nước, 07 chỉ số giảm hạng so với năm 2021. Chi tiết các chỉ số PAPI, PCI xem Phụ lục 06.



Để nâng cao thứ hạng của các chỉ số PAPI và PCI năm 2023, Thành phố đã ban hành và thực hiện các kế hoạch: số 157/KH-UBND ngày 26/5/2023 về cải thiện, nâng cao chỉ số PAPI của thành phố Hà Nội; số 167/KH-UBND ngày 07/6/2023 về nâng cao chỉ số PCI và chỉ số PGI năm 2023 của thành phố Hà Nội, đồng thời giao các sở, ban ngành chủ trì thực hiện các giải pháp tiếp tục duy trì các chỉ số thành phần đạt kết quả cao; tập trung cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần bị trừ điểm hoặc đạt điểm thấp. Bên cạnh đó, Thành phố đã thành lập Tổ công tác đặc biệt về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố.

b) Chú trọng công tác xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

10 tháng đầu năm 2023, các cơ quan hành chính của Thành phố triển khai 264 cuộc thanh tra (gồm kế hoạch: 204 cuộc, đột xuất: 60 cuộc); đã kết luận 171 cuộc, tập trung vào một số lĩnh vực: quy hoạch, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng; tài chính, tài sản công; việc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng (KNTC và PCTN); công tác quản lý, sử dụng quỹ nhà chuyên dùng,... Qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi về NSNN 81.122 triệu đồng; kiến nghị xử lý hành chính đối với 38 tập thể và 107 cá nhân. Các vụ việc đã được các cấp, ngành chỉ đạo thực hiện, đảm bảo quy định của pháp luật.

Đã tiếp thường xuyên 20.275 lượt công dân (tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2022), tiếp nhận và xử lý 32.524 đơn các loại (tăng 15,0%), gồm: 5.303 đơn khiếu nại; 3.368 đơn tố cáo và 23.853 đơn kiến nghị, phản ánh, dân nguyện. Về giải quyết khiếu nại, toàn Thành phố đã tiếp nhận và thụ lý theo thẩm quyền 1.872 (tăng 8,3%), đã giải quyết 1.286 vụ, đạt tỷ lệ 68,7%; Số vụ còn lại đang trong thời hạn giải quyết theo quy định pháp luật. Về giải quyết tố cáo đã tiếp nhận và thụ lý theo thẩm quyền 980 vụ (tăng 12,0%), đã giải quyết 539 vụ, đạt tỷ lệ 55,0%; Số vụ còn lại đang trong thời hạn giải quyết theo quy định pháp luật. Qua giải quyết KNTC đã xử lý hành chính với 3 tập thể, 37 cá nhân để xảy ra sai phạm, chuyển cơ quan cảnh sát điều tra

02 vụ. Tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện: 163 quyết định; số quyết định đã thực hiện: 94 quyết định (đạt 57,7%), còn 69 quyết định. Tổng số thông báo kết luận nội dung tố cáo, văn bản xử lý tố cáo phải thực hiện: 252 văn bản; số văn bản đã thực hiện: 70 văn bản (đạt 27,8%), còn 182 văn bản.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục được đẩy mạnh. Ngày 19/01/2023, UBND Thành phố ban hành các Kế hoạch: số 32/KH-UBND thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023; số 35/KH-UBND ngày 19/01/2023 về việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật PCTN nói riêng. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành của Trung ương và Thành phố được các đơn vị triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú: mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền pháp luật, thực hiện tuyên truyền tại các buổi họp giao ban trực tuyến tại các đơn vị, trên đài phát thanh địa phương... Thành phố đã tổ chức 2.750 cuộc tuyên truyền pháp luật về PCTN với khoảng 26.421 lượt người tham gia. Qua tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn Thành phố về công tác PCTN.

c) Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm

Các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND Thành phố về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030. Đến nay, Thành phố đã bố trí 1.106,302 tỷ đồng cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã vùng DTTS nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào DTTS so với vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS giảm còn 0,72%; 100% xã vùng đồng bào DTTS tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Kịp thời hướng dẫn, giải quyết các nhu cầu chính đáng của các tôn giáo; Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn Thành phố. Tổ chức Hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật về tín ngưỡng và hiện tượng tôn giáo mới trên địa bàn Thành phố năm 2023; Hướng dẫn thực hiện và giải quyết nhu cầu sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân tôn giáo, tín ngưỡng theo qui định của pháp luật.

d) Công tác khen thưởng được quan tâm kịp thời

Tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu. Khen thưởng cấp Nhà nước: Chủ tịch Nước khen thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội, đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, tổ chức, điều hành Đại hội Thể dục thể thao Đông Nam Á lần thứ 31; tặng thưởng Huân chương Lao động cho 02 tập thể và 01 cá nhân các đơn vị thuộc Thành phố. Thủ tướng Chính phủ tặng: Cờ thi đua cho 18 đơn vị thuộc Thành phố và 05 xã, phường, thị trấn; Khen thưởng cấp Thành phố: Chủ tịch UBND Thành phố khen thưởng: Thành tích chuyên đề cho 1.218 tập thể và 1.673 cá nhân; Khen thưởng thành tích đột xuất cho 31 tập thể và

237 cá nhân; Khen thưởng Thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các Trường Đại học, Học viện trên địa bàn Thành phố cho 96 cá nhân; Danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú” năm 2023 cho 10 cá nhân; Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Thành phố” cho 246 cá nhân; Danh hiệu “Người tốt, việc tốt” cho 908 cá nhân; Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô” cho 15 cá nhân,...

2.8. Công tác quốc phòng được củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; các hoạt động đối ngoại tiếp tục duy trì và phát triển

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo

Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước diễn ra trên địa bàn. Công tác quốc phòng tiếp tục được chỉ đạo thực hiện tốt, duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, trực cứu hộ, cứu nạn, ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai, cháy nổ và các nhiệm vụ thường xuyên khác. Đã hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ (KVPT) cho 02 huyện: Phúc Thọ, Thường Tín; Diễn tập bảo đảm tác chiến trong KVPT cho Sở Xây dựng; Kết hợp diễn tập KVPT và diễn tập bảo đảm tác chiến trong KVPT cùng một thời điểm cho huyện Ba Vì và Sở Giao thông Vận tải; Diễn tập tác chiến phòng thủ Cụm phía Tây Nam KVPT then chốt Thành phố: Quận Đống Đa, Thanh Xuân diễn tập KVPT, quận Hà Đông diễn tập thiết quân luật, giới nghiêm; Diễn tập tác chiến phòng thủ Cụm phía Đông Thành phố cùng với Sư đoàn bộ binh 301 cho quận, huyện: Hoàng Mai, Gia Lâm, Thành Trì. Diễn tập tác chiến phòng thủ Cụm phía Đông Thành phố cùng với fBB301 cho quận, huyện: Hoàng Mai, Gia Lâm, Thành Trì.

Tội phạm trật tự xã hội có hướng giảm, trong 10 tháng đầu năm, trên địa bàn Thành phố xảy ra 3.119 vụ phạm tội về trật tự xã hội (giảm 201 vụ = 6% so với cùng kỳ năm 2022).

Tình hình cháy nổ diễn biến khá nghiêm trọng, đã xảy ra 204 vụ cháy (trong đó: 01 vụ cháy lớn, 07 vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng), làm 69 người chết, 48 người bị thương (so với cùng kỳ năm 2022, giảm: 103 vụ, tăng 49 người chết, 32 người bị thương). Đáng chú ý: Ngày 12/9/2023, xảy ra vụ cháy chung cư mini tại phường Khương Đình, Thanh Xuân gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng làm 56 người thiệt mạng và 37 người bị thương.

Tai nạn giao thông tiếp tục được kéo giảm cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2022. Xảy ra 483 vụ tai nạn giao thông làm 247 người chết, 383 người bị thương (so sánh với cùng kỳ năm 2022: giảm 205 vụ; giảm 92 người chết; giảm 92 người bị thương). Bên cạnh đó, tình hình ùn ứ giao thông vẫn diễn biến phức tạp trong thời điểm trước và sau Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, trong giờ cao điểm sáng, chiều trên các tuyến trục chính, vành đai và nội đô trọng điểm do lưu lượng phương tiện tham gia giao thông đông, va chạm giao thông, mưa ngập, thi công công trình gây cản trở giao thông, đèn tín hiệu giao thông bị sự cố.

b) Hoạt động đối ngoại được quan tâm toàn diện

Công tác đối ngoại tiếp tục được tăng cường và mở rộng trên cả ba kênh đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân, đạt được những thành tựu ở cả ba phương diện ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa,

nâng cao hiệu quả các quan hệ song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển KTXH của Thủ đô.

Thành phố tăng cường quan hệ ngoại giao với Thủ đô, thành phố của các nước láng giềng như: Bắc Kinh, Quảng Đông... (Trung Quốc), Viêng-chăn, Luông-phra-băng (Lào) và Campuchia, Indonesia; tập trung vào các địa bàn trọng điểm như: Hoa Kỳ (California, New York, Washington D.C...), Canada (Vancouver), Mexico (Mexico City), Úc, New Zealand, một số nước Châu Âu như: Pháp (Ile-de-France, Paris), Anh (London), Thụy Sĩ (Bern, Zurich)..., các địa bàn mới, giàu tiềm năng như: Iran, Ả-rập Xê-út, Ai-cập... nhằm tăng cường, thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại, văn hóa, giáo dục và đào tạo, du lịch; trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác hoạch định và giám sát thực thi chính sách, tìm hiểu mô hình quản lý quy hoạch và phát triển đô thị, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Tổ chức 18 đoàn công tác nước ngoài của Lãnh đạo Thành phố (trong đó có các đoàn tháp tùng lãnh đạo Trung ương); tiếp gần 90 đoàn khách quốc tế đến chào xã giao, làm việc, trao đổi về các dự án, hoạt động hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Đã tổ chức đón tiếp 04 đoàn vào chính thức²³ thăm và làm việc theo lời mời của Lãnh đạo Thành phố, trong đó đoàn các địa phương Pháp và đoàn Vân Nam – Trung Quốc đến Hà Nội, phối hợp tổ chức Hội nghị hợp tác giữa các địa phương Việt Nam – Pháp lần thứ 12 với sự tham gia của gần 1.000 đại biểu của 50 địa phương Việt Nam và 12 địa phương Pháp, cùng nhiều tổ chức quốc tế và Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh (Việt Nam) và Vân Nam (Trung Quốc) lần thứ X.

Ngoại giao kinh tế thể hiện rõ vai trò tích cực trong việc hỗ trợ, kết nối nhu cầu hợp tác giữa chính quyền với doanh nghiệp, doanh nghiệp với doanh nghiệp, thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại, góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế, phát triển KTXH, chủ yếu thông qua các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch²⁴.

Ngoại giao văn hóa được khôi phục mạnh mẽ; đã phối hợp tổ chức trên 20 hoạt động giao lưu văn hóa, đối ngoại văn hóa, góp phần quảng bá hình ảnh các nước với nhân dân trong nước, du khách quốc tế và thông qua đó quảng bá truyền thống lịch sử, văn hóa Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng.

Thành phố Hà Nội đã ký kết 05 thỏa thuận hợp tác quốc tế mới, mở rộng hợp tác tới địa bàn mới với Cairo, Ai Cập; tiếp tục triển khai công tác đàm phán và các

²³ Đoàn Lãnh đạo các địa phương của Pháp (12 địa phương) tham dự Hội nghị Hợp tác giữa các địa phương Việt Nam – Pháp (từ 13-15/4/2023); Đoàn đại biểu cấp cao Thành ủy La Habana, Cộng hòa Cuba thăm và làm việc tại Việt Nam (từ 05-15/6/2023); Đoàn Đô trưởng Thủ đô Viêng-chăn, Lào thăm và làm việc tại Việt Nam (từ 03-07/10/2023); Đoàn đại biểu tỉnh Vân Nam – Trung Quốc (từ 11-14/11/2023)

²⁴ Thành phố Hà Nội đã phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương (Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư); các tổ chức quốc tế, các đơn vị liên quan tổ chức/ tham gia các hội nghị quốc tế về xúc tiến đầu tư: Hội nghị hợp tác - Kết nối giao thương doanh nghiệp Hà Nội – Singapore (tại Hà Nội); Diễn đàn doanh nghiệp Việt - Pháp (bên lề Hội nghị hợp tác địa phương Việt - Pháp lần thứ 12); Diễn đàn Đầu tư Australia - Việt Nam tại Hà Nội... Bên cạnh đó, Thành phố tổ chức các đoàn xúc tiến tham gia Hội chợ hàng trang trí nội thất và quà tặng Ambiente Frankfurt 2023 tại Đức; xúc tiến thương mại, làng nghề tại Lào năm 2023; xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch tại Pháp; triển khai Chương trình hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch và kết nối doanh nghiệp Hà Nội tại thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc; xúc tiến thương mại tại Singapore, Úc. Đẩy mạnh các dự án quan trọng với các đối tác nước ngoài như Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Cơ quan phát triển Pháp (AFD), Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) và Tập đoàn BRG, Tập đoàn AEON (Nhật Bản), Tập đoàn Lotte (Hàn Quốc), chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị...

thủ tục liên quan ký kết thỏa thuận với các đối tác: Saint Petersburg (Liên bang Nga), Rome (Italia), Minsk (Belarus), Caracas (Venezuela)...

Hoạt động phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đầu tư và hợp tác phát triển được chú trọng: Thành ủy đã đi thăm và làm việc tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Lâm Đồng...; thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển và an sinh xã hội đối với một số tỉnh trong nước như: Điện Biên, Tuyên Quang, Kon Tum, Quảng Trị,... và hỗ trợ Thành phố Viêng Chăn (Lào) xây dựng trụ sở Sở Tư pháp, trụ sở Viện kiểm sát nhân dân. Phối hợp tốt với các bộ ngành và các địa phương trong vùng Thủ đô trong việc đẩy nhanh tiến độ Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; vai trò, vị thế của Hà Nội trong vùng được nâng cao.

2.9. Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội

Công tác phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các đoàn thể tiếp tục được đẩy mạnh, hiệu quả nâng cao. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, kế hoạch công tác gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các phong trào thi đua yêu nước; chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả, hoạt động, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đặc biệt trong công tác vận động toàn dân đoàn kết; tặng quà, thăm hỏi gia đình chính sách, đối tượng có công, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ, tết.

Đã vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; công tác giám sát, phản biện xã hội, lấy ý kiến góp ý vào các dự thảo văn bản Luật,...

Đến nay, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp Thành phố đã tiếp nhận hơn 55 tỷ đồng ủng hộ Quỹ “Vì Biển, đảo Việt Nam”²⁵; trích 490 triệu đồng từ Quỹ “Cứu trợ” Thành phố để hỗ trợ tỉnh Yên Bái, Lào Cai khắc phục hậu quả mưa lũ, các gia đình nạn nhân bị thiệt mạng do hỏa hoạn tại quận Hà Đông, Đống Đa, Hoài Đức, Ba Đình,... Bên cạnh đó, Mặt trận các cấp kịp thời tổ chức thăm hỏi, chia sẻ, hỗ trợ các nạn nhân và gia đình nạn nhân bị thiệt mạng tại vụ hỏa hoạn xảy ra tại phường Khương Đình (quận Thanh Xuân); Đến nay, Quỹ Cứu trợ của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố, quận Thanh Xuân và phường Khương Đình đã tiếp nhận 132,287 tỷ đồng hỗ trợ các nạn nhân và gia đình nạn nhân bị thiệt mạng tại vụ hỏa hoạn xảy ra tại phường Khương Đình²⁶.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Khái quát kết quả đạt được

Được sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là phát huy vai trò, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp với nhận thức đầy đủ, tư duy sáng tạo, giải pháp thông minh, hành động quyết liệt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; thực hiện công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách của Nhà nước và Thành phố; công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn

²⁵ https://dangcongsan.org.vn/matrantq/Lists/TinHoatDong/View_Detail.aspx?ItemID=1152

²⁶ <https://mttqhanoi.org.vn/som-hoan-thien-ho-so-de-chi-tra-6-nan-nhan-con-lai-trong-vu-chay.htm>

kết dân tộc, nhất là trong việc triển khai những việc khó như giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân Thủ đô, mục tiêu chủ yếu phát triển KTXH được triển khai nhịp nhàng, cơ bản hoàn thành mục tiêu tổng quát năm 2023, trong đó:

1) Thu ngân sách đạt cao ước vượt 13,5% dự toán, đảm bảo cân đối chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi hỗ trợ người lao động và đối tượng sử dụng lao động, chi đảm bảo an sinh xã hội.

2) Trong bối cảnh khó khăn, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt cao hơn mức chung cả nước; GRDP 9 tháng đầu năm duy trì tăng khá, tuy không đạt như kịch bản đề ra nhưng vẫn cao hơn 1,43 lần cả nước, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng chung; thương mại, dịch vụ tăng trưởng 2 con số; sản xuất nông nghiệp tăng trưởng ổn định; chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát (1,51%), thấp hơn khá nhiều mức chung của cả nước (3,2%).

3) An sinh xã hội tiếp tục được đảm bảo; Tạo việc làm cho người lao động, công tác giảm nghèo và thực hiện bảo trợ xã hội được chú trọng; Chỉ tiêu giảm nghèo vượt kế hoạch; Các chỉ tiêu về bảo hiểm đều đạt kế hoạch đề ra. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới được tiếp tục đẩy mạnh.

4) Văn hóa được chú trọng phát triển; các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch được tích cực đẩy mạnh. Trong 10 tháng đầu năm, khách du lịch quốc tế tăng 3,5 lần so với cùng kỳ, khách du lịch trong nước tăng 19,1%; ước cả năm đều vượt kế hoạch. Giáo dục, y tế và tôn tạo di tích được đặc biệt quan tâm đầu tư. Đoàn thể thao Hà Nội đạt thành tích ấn tượng tại SEA Games 32 với 99 huy chương – chiếm gần 1/3 số huy chương toàn đoàn. Thành tích thi đấu của thể thao thành tích cao Thành phố đạt 323 huy chương quốc tế và 2.311 huy chương trong nước tại các giải thi đấu trong và ngoài nước.

5) Xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô được chú trọng: Tổng kết Luật Thủ đô và trình Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi; sơ kết tình hình triển khai Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

6) Công tác quy hoạch được đẩy mạnh, Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã có dự thảo và đang được hoàn thiện; nhiều quy hoạch quan trọng được phê duyệt. Hạ tầng kỹ thuật đô thị được tiếp tục quan tâm; Dự án xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội đã được khởi công và tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ; hoàn thành cầu Vĩnh tuy (gd2), cầu vượt nút giao Phạm Ngọc Thạch, đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài... Mạng lưới giao thông được tổ chức lại góp phần nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng. Các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ được tích cực rà soát, xử lý dứt điểm.

7) An ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững. Duy trì cảnh quan, các dịch vụ đô thị và nhu cầu thiết yếu cho người dân. Hoạt động đối ngoại tiếp tục được mở rộng và hiệu quả được nâng cao. Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ủy ban MTTQ

Việt Nam thành phố Hà Nội trong các hoạt động hỗ trợ người dân xóa đói, giảm nghèo, khắc phục kịp thời thiên tai, dịch họa.

8) Dự kiến hoàn thành 18/23 chỉ tiêu KH đề ra (xem *Phụ lục 01*), trong đó 03 chỉ tiêu vượt KH: Giảm số hộ nghèo so với năm trước (đạt 34,4% - KH là 30%); Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý (đạt 30,9% - KH là 28,8%); Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm (130 trường công nhận mới, 270 trường công nhận lại – KH là 81 trường và 50 trường).

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Có 04/23 chỉ tiêu không đạt KH bao gồm: (i) GRDP ước tăng 6,11% (KH là 7,0%); (ii) Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện (ước tăng 9,0% - KH là 10,5%); (iii) Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (ước tăng 1,0% - KH là 6,0%); (iv) Tỷ lệ CCN có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (95% - KH là 100%); tồn tại, hạn chế và nguyên nhân cụ thể các lĩnh vực như sau:

1) Về kinh tế

- Kinh tế duy trì tăng khá trong bối cảnh khó khăn, tuy nhiên đạt thấp hơn cùng kỳ, thấp hơn kịch bản đề ra đầu năm và dự kiến cả năm tăng 6,11% - không đạt kế hoạch là 7,0%; kim ngạch xuất khẩu tăng 1% - không đạt kế hoạch là 6%. Nguyên nhân khách quan của tình hình chủ yếu do ảnh hưởng lâu dài của đại dịch COVID-19, do suy giảm cầu tiêu dùng trong và ngoài nước, kim ngạch xuất, nhập khẩu giảm; doanh nghiệp khó khăn, sản xuất, kinh doanh bị thu hẹp; vốn đầu tư xã hội - đầu vào quan trọng của tăng trưởng, đạt thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch; các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều không đạt mục tiêu đề ra.

- Vốn đầu tư xã hội duy trì tăng 9,0%, tuy nhiên không đạt chỉ tiêu là 10,5%. Nguyên nhân khách quan chủ yếu do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước và thế giới suy giảm; ngoài ra có nguyên nhân chủ quan là môi trường đầu tư, kinh doanh chưa được cải thiện (PCI, PAPI giảm bậc); hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ (nhất là chưa có các khu, CCN mới được hoàn thành để thu hút đầu tư)...

- Dự nợ cho vay của các TCTD tăng thấp so với mức tăng cùng thời điểm năm trước và mục tiêu đề ra; chính sách hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn NSNN chưa được như kỳ vọng... Nguyên nhân chủ quan chủ yếu từ phía doanh nghiệp như: Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, khó tách phần chi phí được hỗ trợ; quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng lực tài chính, trình độ quản trị hạn chế; thiếu phương án kinh doanh khả thi; số liệu tài chính thiếu minh bạch; thiếu tài sản bảo đảm; chứng từ kế toán không đáp ứng các chuẩn mực quy định; sau dịch bệnh COVID -19 kết quả kinh doanh giảm mạnh, không đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất; đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất nhưng không vay do ngại bị thanh, kiểm tra (theo dõi chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, kiểm toán); khó khăn định có khả năng phục hồi hay không... Ngoài ra, có nguyên nhân từ cơ chế, chính sách và điều hành của chính quyền các cấp như: Việc hỗ trợ sản xuất, kinh doanh từ các quỹ chưa đạt được như kỳ vọng do chính quy định hoạt động²⁷; các điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận gói hỗ trợ vay vốn của Nhà nước còn khá phức tạp. Kết quả khảo sát doanh

²⁷ Ví dụ, Quỹ Phát triển DNNVV chỉ cho vay đối với đối tượng là các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; quy định này đã hạn chế đối tượng hỗ trợ và phần nào hạn chế cơ hội tiếp cận nguồn lực hỗ trợ của các DNNVV; doanh nghiệp ít biết tới Quỹ và quy trình phê duyệt cho vay khá lâu.

ngành²⁸ cho thấy 79,44% doanh nghiệp cho biết không thể vay vốn nếu thiếu tài sản thế chấp, 58,72% doanh nghiệp cho biết bị áp đặt các điều kiện tín dụng bất lợi, 58,63% doanh nghiệp cho biết thủ tục vay vốn quá phức tạp, phiền hà...

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng đầu năm đạt 60,8% kế hoạch - Trung ương giao và 53,7% Kế hoạch Thành phố giao - cao hơn cùng kỳ năm 2022 (42,4%), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mục tiêu đề ra nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tồn tại, khó khăn vướng mắc từ nhiều năm: Công tác giải phóng mặt bằng, trọng tâm là việc xác định nguồn gốc đất, định giá đất, quỹ nhà tái định cư, người dân chưa đồng thuận với phương án bồi thường; công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, quá trình triển khai thực hiện dự án, một số dự án phát sinh một số hạng mục, chi phí dẫn đến phải điều chỉnh dự án,... Đây là khó khăn, vướng mắc trong nhiều năm nhưng hiện nay vẫn chưa được giải quyết triệt để.

+ Tồn tại, khó khăn mang tính đặc thù của năm 2023: Một số dự án vẫn có khó khăn, vướng mắc liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu; khó khăn trong nguồn cung nguyên vật liệu xây dựng. Các dự án sử dụng vốn ODA gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như Hiệp định vay vốn chưa được gia hạn; chậm phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án; vướng mắc liên quan đến sự khác biệt giữa quy định của hợp đồng FIDIC và pháp luật Việt Nam; vướng mắc quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức đơn giá, giá vật tư, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị Việt Nam. Bên cạnh đó còn một số khó khăn, vướng mắc do hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án lĩnh vực di tích trong Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực (*giáo dục, y tế, di tích*) còn chậm do phải thực hiện các thủ tục chuyên ngành cần phải xin ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên ngành: Các dự án tu bổ, tôn tạo di tích đều là dự án phải thiết kế 2 bước, phải xin ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên ngành: Cục Di sản - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định trước khi phê duyệt dự án và trước khi phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất trong năm còn khó khăn, ảnh hưởng đến nguồn thu dự toán được HĐND Thành phố và HĐND cấp huyện giao, một số đơn vị báo cáo dự kiến có khả năng huy động ngân sách (Hoài Đức, Đan Phượng, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Thanh Oai, Hà Đông,...) sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch vốn và giải ngân các dự án.

2) Về quản lý, phát triển đô thị, bảo vệ môi trường:

- Các nhiệm vụ: Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô; Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chậm tiến độ so với yêu cầu. Nguyên nhân khách quan là do các quy hoạch được lập trong bối cảnh các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được lập song song đồng thời, trong quá trình lập các quy hoạch nêu trên phải rà soát, cập nhật đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Bên cạnh đó, Quy hoạch Thủ đô là quy hoạch tích hợp, có quy mô lớn, tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều quy hoạch, lần đầu tiên được thực hiện nên các đơn vị được giao nhiệm vụ còn lúng túng, gặp khó khăn trong quá trình triển khai, đồng thời do nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của việc lập quy hoạch còn hạn chế.

²⁸ Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam – PCI 2022, VCCI - USAID

- Còn nhiều nhiệm vụ thực hiện chậm: Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến; Vận hành đoạn trên cao Tuyến đường sắt Nhôn – Ga Hà Nội; Triển khai Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ; Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bậy - Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021-2025; Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô: Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét; các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý nước thải... Nguyên nhân chủ quan chủ yếu do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của người đứng đầu thiếu quyết liệt trong khi khối lượng công việc ngày càng nhiều; năng lực một bộ phận cán bộ các cấp còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã có lúc thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả...

- Tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt tại một số quận, huyện (Phùng Khoang, Nam Từ Liêm; Khương Mai, Thanh Xuân; Đại Kim, Hoàng Mai; Thanh Hà, Thanh Oai; Kim Chung, Hoài Đức;...), nguồn nước không đảm bảo chất lượng, gây bức xúc cho người dân. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của người đứng đầu thiếu quyết liệt, xử lý tình huống còn lúng túng; năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan có lúc thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả...

- Úng, ngập vẫn xảy ra thường xuyên gây ách tắc giao thông và bức xúc cho người dân (có 11 điểm úng, ngập nếu lượng mưa 70mm/giờ nhưng có 30 điểm úng, ngập nếu lượng mưa tăng lên 100mm/giờ); nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ đô thị hoá, bê tông hoá nhanh, hạ tầng thoát nước chưa theo kịp.

- Tỷ lệ CCN có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng 95% (38/40 CCN) - không đạt kế hoạch (100%), còn 02 trạm xử lý chưa hoàn thành đầu tư là:

+ CCN Thanh Thùy (Thanh Oai) đã tổ chức khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật; tuy nhiên, phần diện tích 872m² để xây dựng trạm xử lý nước thải hiện chưa được giao đất để xây dựng trạm xử lý nước thải.

+ CCN Chàng Sơn (Thạch Thất) sẽ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải cho cả hai giai đoạn (gắn với CCN Chàng Sơn gd2); Hiện nay, chủ đầu tư đang phối hợp với UBND huyện Thạch Thất thực hiện giải phóng mặt bằng (đã được 85% diện tích), dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2023 và tổ chức khởi công xây dựng, hoàn thành trong năm 2024.

3) Về an sinh xã hội

- Dịch bệnh trong cộng đồng được tăng cường giám sát, tuy nhiên, số ca sốt xuất huyết, tay chân miệng tăng cao và có bệnh nhân tử vong; công tác tiêm chủng phòng, chống dịch bệnh còn 03 chỉ tiêu chưa đạt tiến độ. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do hệ thống giám sát dịch bệnh còn lơ là, chưa tích cực trong công tác tuyên truyền và thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh; người dân còn chủ quan trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử ước đạt 82,5% - không đạt mục tiêu 90%. Nguyên nhân khách quan do chưa có phần mềm thống kê dùng chung của Thành phố.

- Chỉ tiêu “Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế” theo tiêu chí cũ đạt 100% nhưng theo tiêu chí mới, chỉ tiêu này đạt 84,5%. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do quy định mới ban hành năm 2023 của Bộ Y tế (Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023) tiêu chí thay đổi, ngành y tế cần thời gian để tuyên truyền, hướng dẫn, huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

4) Về cải cách hành chính; môi trường đầu tư kinh doanh:

- Kỷ cương hành chính có chuyển biến tích cực, nhất là sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU của Thành uỷ; tuy nhiên chưa được như mong đợi, tỷ lệ chậm tiến độ các nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 01/02/2023 của UBND Thành phố vẫn còn cao (19/118 nhiệm vụ, tương đương 16,1%, trong đó, nhiều nhiệm vụ quá thời hạn rất lâu; chi tiết xem *Phụ lục 09*), nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của người đứng đầu thiếu quyết liệt trong khi khối lượng công việc ngày càng nhiều; năng lực một bộ phận cán bộ các cấp còn hạn chế; có tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm trong giải quyết công việc; công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã có lúc thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả; quy trình xử lý văn bản, giao nhiệm vụ nhiều khâu chưa hợp lý; nhiều nhiệm vụ khẩn, gấp trong khi thời gian cho cơ quan chuyên môn thực hiện còn lại rất ít.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng; Chỉ số PCI năm 2022 giảm sâu 10 bậc, chỉ số PAPI giảm 3 bậc so với năm 2021. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do công tác cải cách hành chính, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa được cải thiện nhiều; còn những rào cản gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai...

- Chuyển đổi số còn chậm; hầu hết các chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số đạt thấp so với mục tiêu đề ra, nhất là số hóa dữ liệu lĩnh vực quản lý đất đai. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin; hạ tầng kỹ thuật và các chương trình phần mềm còn chưa đồng bộ...

5) Về an ninh, trật tự: Tình hình cháy nổ trên địa bàn Thành phố còn nhiều nguy cơ tiềm ẩn, diễn biến phức tạp; Xảy ra nhiều vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng, đặc biệt thiệt hại về người tăng cao so với năm 2022. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do công tác quản lý nhà nước về phòng, chống cháy nổ còn hạn chế; ý thức của một bộ phận người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn chưa tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng, chống cháy nổ.

PHẦN II

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH NĂM 2024

Cục diện thế giới tiếp tục chuyển động theo xu hướng “đa cực, đa trung tâm”; các nước lớn điều chỉnh chiến lược linh hoạt, phức tạp hơn, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế gay gắt lẫn nhau. Các cuộc xung đột quân sự Nga – Ucraina và tại Dải Gaza có thể kéo dài làm gia tăng tình trạng phân mảnh địa chính trị, địa kinh tế. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi cầu tiêu dùng yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt tiền tệ ở nhiều nền kinh tế lớn gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu; rủi ro thu hẹp thị trường, đảo chiều của dòng vốn gia tăng. Hiện tượng tiết cực đoan, hạn hán, lũ lụt trở nên trầm trọng hơn, tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, an ninh nguồn nước tại một số quốc gia, khu vực, đi cùng các chính sách cấm xuất khẩu lương thực, thực phẩm của các quốc gia tác động tới thị trường, giá cả hàng hóa trên thế giới, tiềm ẩn rủi ro an ninh lương thực toàn cầu. Nhiều tổ chức quốc tế đã điều chỉnh, hạ dự báo đối với triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024²⁹. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á, tiếp tục là động lực tăng trưởng toàn cầu, nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, “điểm nóng” khó lường; tranh chấp chủ quyền biển, đảo diễn biến phức tạp, đe dọa hòa bình, ổn định khu vực. Hệ sinh thái cho chuyển đổi số có thể phát triển sâu sắc hơn. Công nghệ số hóa có thể giúp tiết kiệm những chi phí không cần thiết trong lĩnh vực công nghệ hoặc các lĩnh vực kinh tế chủ chốt; đồng thời tạo ra nguồn dữ liệu lớn, giúp các nền kinh tế cải thiện năng lực dự báo và ứng phó trước khủng hoảng.

Năm 2024 là năm thứ 4 thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021-2025, là năm bán lẻ, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội. Tăng trưởng kinh tế cả nước dự báo tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực; các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023 sẽ có tác động rõ nét hơn vào nền kinh tế; các động lực về đầu tư, tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; nhiều dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia có tác động lan tỏa đưa vào khai thác; các vấn đề tồn đọng, bất cập kéo dài được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn, nhất là vướng mắc của doanh nghiệp, dự án đầu tư, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp...; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm soát được lạm phát, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện sẽ là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển, hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng đề ra 6-6,5%. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, diễn biến bất lợi của thế giới, khu vực sẽ tiếp tục tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Cơ cấu cầu thế giới thay đổi theo

²⁹ Báo cáo triển vọng Kinh tế toàn cầu (tháng 6/2023), WB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 còn 2,4%, từ mức 2,7% vào tháng 1/2023; giảm một nửa dự báo tăng trưởng năm 2024 của kinh tế Mỹ xuống còn 0,8%; Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng năm 2023 của Trung Quốc từ 6% xuống còn 5,4%; Dự báo thương mại toàn cầu chỉ tăng 1,7% năm 2023 (năm 2022 là 5,7%), năm 2024 chỉ phục hồi nhẹ

hướng “tiêu dùng xanh” tạo ra thách thức không nhỏ đối với các sản phẩm trong nước đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, nguồn gốc xuất xứ... từ đó cản trở tham gia sâu vào chuỗi giá trị. Sức chống chịu của doanh nghiệp bị bào mòn, hậu quả và tác động của dịch COVID-19 tiếp tục kéo dài, cộng hưởng với những khó khăn, thách thức mới từ đầu năm 2023 đến nay; các vấn đề an ninh mạng, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, dịch bệnh... luôn thường trực, diễn biến khó lường hơn.

Đối với Hà Nội, Thành phố tiếp tục nhận được sự quan tâm của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương; những văn bản định hướng dài hạn cho phát triển Thủ đô sẽ được xem xét, ban hành làm căn cứ để Thành phố khai thác nguồn lực và triển khai thực hiện³⁰. Nhiều dự án của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được đẩy nhanh tiến độ, đưa vào vận hành và khai thác; những nút thắt, bất cập kéo dài, nhất là các dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất, được tập trung tháo gỡ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện... sẽ tạo đà phục hồi và phát triển KTXH. Bên cạnh thuận lợi cơ bản, rủi ro vẫn thường trực là thiên tai, dịch bệnh; sức khỏe của doanh nghiệp suy yếu sau 2 năm chống chịu dịch COVID-19; nguồn lực hạn chế nhưng phải đối mặt giải quyết các vấn đề nội tại như cơ cấu kinh tế lạc hậu, quá tải về hạ tầng, ô nhiễm môi trường...

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô. Đẩy mạnh và tạo chuyển biến tích cực hơn trong thực hiện các khâu đột phá, cơ cấu lại kinh tế Thủ đô gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực nội tại của kinh tế Thủ đô. Đẩy mạnh CCHC gắn với chuyển đổi số; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PCI, PAR-Index, SIPAS. Quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; thúc đẩy hạ tầng và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng thành phố thông minh. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ và phát triển hạ tầng đô thị; triển khai thực hiện các quy hoạch được duyệt. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đảm bảo quốc phòng, quân sự địa phương và giữ vững trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện năm chủ đề “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển*”.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

Dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 có 24 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu chủ yếu, trong đó: GRDP tăng khoảng 6,5-7,0% (xem kịch bản tăng trưởng tại *Phụ lục 02*); GRDP/người khoảng 160-162 triệu đồng; Vốn đầu tư thực hiện tăng 10,5-

³⁰ Luật Thủ đô (sửa đổi); Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065

11,5%; Kim ngạch xuất khẩu tăng 4-5%; Kiểm soát chỉ số giá dưới 4%; Giảm 300-400 số hộ nghèo... (xem *Phụ lục 05*).

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

3.1. Bảo đảm mục tiêu tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô

a) Thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ và tài khóa của Trung ương. Triển khai hiệu quả, kịp thời chính sách của Trung ương về lãi suất, tín dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và các lĩnh vực ưu tiên đủ nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn; gói tín dụng 120.000 tỷ đồng đối với chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; gói tín dụng ưu đãi cho vay theo các chương trình cho vay kết nối ngân hàng - doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại. Thực hiện bổ sung 900 tỷ đồng vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội để phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao chất lượng phúc lợi xã hội; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

b) Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; quản lý chặt chẽ thu NSNN, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững; thực hiện rà soát lại thuế khoán, trước mắt tập trung vào một số lĩnh vực và địa bàn các quận và các thị trấn. Thực hiện tốt các chính sách về miễn, giảm, gia hạn các loại thuế, phí, lệ phí để góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN.

c) Kiểm soát lạm phát. Đảm bảo cân đối cung - cầu, nhất là cân đối về xăng, dầu và các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kiểm soát tốt giá cả, thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tuyên truyền sử dụng tiết kiệm điện; thực hiện các giải pháp kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%.

d) Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác đẩy mạnh cơ hội hợp tác, xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường, về đăng ký, bảo hộ và phát triển thương hiệu, về áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường các đơn hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng từ 4-5%.

3.2. Thực hiện hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong mỗi nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng KHCN; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực nội tại của kinh tế Thủ đô

a) Phát triển thương mại, dịch vụ

Nâng cao năng lực nội tại của ngành; hoàn thiện cơ chế thúc đẩy xúc tiến, thương mại, kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng thương mại

trên địa bàn; kêu gọi đầu tư Dự án: chợ đầu mối quốc tế nông sản tại thành phố Hà Nội (tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm), chợ đầu mối nông sản tổng hợp tại huyện Mê Linh và 01 dự án Outlet. Cũng cố hệ thống các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi; Phần đầu năm 2024, phát triển thêm 01-02 trung tâm thương mại, 07 - 10 siêu thị, trên 70 cửa hàng tiện lợi; đưa vào hoạt động khai thác 10 chợ và khởi công xây dựng mới 05 chợ trên địa bàn. Nghiên cứu, xây dựng các khu mua sắm cho giới giàu và siêu giàu trong nước và quốc tế. Phát triển chuỗi cửa hàng tiện lợi (có người bán), chuỗi cửa hàng giao dịch tự động, hệ thống máy bán hàng tự động.

Phát triển mạng lưới lưu thông phân phối và bán lẻ hàng hóa. Khai thác các lợi thế từ các hiệp định thương mại, lợi thế địa kinh tế của Thành phố thông qua phát triển và vận hành trung tâm lưu chuyển hàng hóa, trung tâm logistics cung ứng các dịch vụ hỗ trợ cho thương mại. Triển khai các chương trình tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa thông qua các kênh thương mại điện tử; sử dụng logistics điện tử trong giao nhận hàng hóa, sản phẩm. Ứng dụng mã QR trong truy xuất thông tin trực tuyến, thanh toán trực tuyến... hỗ trợ kết nối nhanh giữa người sản xuất, người bán và người mua. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng 11%.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng điểm đến du lịch, nâng cao chất lượng hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, điểm dừng chân, điểm cung cấp dịch vụ. Phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm mới gắn với di sản - di tích, làng nghề; du lịch đường sông kết nối các điểm đến du lịch dọc khu vực sông Hồng, sông Đuống; đưa vào khai thác mô hình du lịch cộng đồng chuyên nghiệp. Phát triển 02-03 mô hình du lịch nông nghiệp chất lượng cao tại các huyện Thường Tín, Sơn Tây, Ba Vì, Sóc Sơn... Phát triển thêm 01-02 khu vực phố đi bộ gắn với các tuyến phố ẩm thực, biểu diễn văn hóa theo chủ đề.

Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trọng điểm trong cả nước nhằm quảng bá điểm đến và xây dựng tour du lịch có tính kết nối cao. Thực hiện tuyên truyền, quảng bá mạnh mẽ hình ảnh du lịch, các điểm, sản phẩm du lịch mới của Thủ đô trên các kênh truyền thông, truyền hình trong nước và quốc tế, các website, các nền tảng mạng xã hội. Tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, kêu gọi các hoạt động đầu tư về du lịch. Phần đầu năm 2024 thu hút: 4,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trong đó khoảng 3,2 triệu khách có lưu trú; 21 triệu khách du lịch nội địa.

b) Phát triển công nghiệp, xây dựng

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm phấn đấu đến năm 2025, Hà Nội cơ bản trở thành Thành phố công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hình thành và phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số ngành, sản phẩm công nghiệp ưu tiên có lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và giá trị cao trong chuỗi sản xuất. Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung vào các ngành công nghiệp bán dẫn. Năm 2024, phấn đấu thu hút sự tham gia của 20-25 doanh nghiệp với khoảng 30-35 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố.

Quản lý cụm công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cụm công nghiệp đang hoạt động và chuyển đổi sở cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành khởi công, động thổ các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập giai đoạn 2018-2020; phấn đấu thành lập, mở rộng 10-15 cụm công nghiệp.

Hoàn thành Bộ tiêu chí đánh giá, hướng dẫn xây dựng, phát triển mô hình Trung tâm thiết kế sáng tạo, phấn đấu đến năm 2025 mỗi huyện, thị xã phát triển được ít nhất 01 Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch. Đẩy mạnh xây dựng mô hình điển hình chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, phát triển sản phẩm mới.

Thực hiện các giải pháp an toàn điện, quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện, thúc đẩy phát triển năng lượng mới và tái tạo. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa bàn theo đúng Quy hoạch, Phấn đấu đạt mức tiết kiệm năng lượng từ 1,4% - 1,8% so với mức năng lượng dự báo nhu cầu; 80% doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và 70% các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đạt 55 cơ sở, công trình xây dựng được công nhận danh hiệu sử dụng “Năng lượng xanh”.

c) Phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn về sinh thực phẩm gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu nội ngành trồng trọt, hình thành thêm các vùng chuyên canh tập trung; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình trồng trọt từ vô cơ sang hữu cơ. Chuyển đổi các diện tích sản xuất lúa tại các vùng khó khăn về tưới tiêu sang cây trồng khác có giá trị kinh tế. Giảm dần diện tích trồng lúa, năm 2024 đạt 150.000 ha, phát triển theo hướng tăng cơ cấu giống lúa chất lượng cao; mở rộng diện tích gieo trồng cây rau, hoa, cây ăn quả. Hoàn thiện Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.

Đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh; thực hiện không chăn nuôi trong khu dân cư, di dời các cơ sở chăn nuôi, điểm chăn nuôi nhỏ lẻ ra xa khu dân cư; phát triển đàn vật nuôi ổn định. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu nội ngành chăn nuôi, tăng tỷ trọng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản; khuyến khích nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng nuôi thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP).

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có theo hướng kinh doanh rừng bền vững, tăng giá trị kinh tế đất trồng rừng. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành mục tiêu tỷ lệ cây xanh 8-10m²/người và tỷ lệ độ che phủ rừng 5,6-6,2% vào năm 2025.

Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về bảo đảm an ninh, ATTP liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Xây dựng các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng, minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm bảo đảm ATTP. Phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo thị trường tiêu thụ ổn định, quy mô lớn. Áp dụng các công nghệ, thiết bị thông minh trong việc quản lý, điều khiển môi trường nuôi trồng, giúp giảm nhân công lao động, tăng chất lượng và sản lượng nông sản.

Tiếp tục phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới; thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phấn đấu đến hết năm 2024, công nhận thêm 02 huyện (Thanh Oai, Hoài Đức) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển, nâng cấp, hoàn thiện và tổ chức đánh giá xếp hạng ít nhất khoảng 400 sản phẩm mới, ưu tiên sản phẩm từ ý tưởng, đặc sản các vùng miền, làng nghề có thương hiệu.

d) Phát triển mô hình kinh tế mới. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế chia sẻ và kiểm soát rủi ro; Nghiên cứu khung pháp lý thử nghiệm cho việc triển khai và ứng dụng các công nghệ mới trong mô hình kinh tế chia sẻ. Ban hành Đề án Phát triển kinh tế đêm. Phát triển loại hình kinh tế đêm thông qua các loại hình dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí... Thúc đẩy phát triển kinh tế số, thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng các dịch vụ số trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ... Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách thể chế phục vụ cho phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3.3. Tập trung cải cách hành chính (CCHC) gắn với chuyển đổi số; hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức

Xây dựng chính quyền địa phương tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện hiệu quả năm chủ đề “*Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển*”. Các ngành, các cấp triển khai nhiệm vụ phụ trách bằng kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm; giám sát và báo cáo thực hiện định kỳ nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024); triển khai thực hiện sau khi Luật được thông qua.

Triển khai hiệu quả Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Phấn đấu năm 2024, hoàn thiện đề án đầu tư, phát triển đưa các huyện Hoài Đức, Thanh Trì lên quận.

Thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), quy định kinh doanh gắn với chuyển đổi số, phân cấp trong giải quyết TTHC. Tiếp tục rà soát, ban hành quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài phạm vi TTHC) của các cơ quan hành chính thuộc Thành phố. Đẩy mạnh gửi, nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử và chuẩn hóa báo cáo. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại liên kết đồng bộ, hiệu quả, tổng thể, bao trùm, xuyên suốt; nâng cao mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin của các sở, ban ngành, địa phương; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu. Phân đấu 100% hồ sơ công việc tại cấp Thành phố, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Thành phố. Hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố. Triển khai đồng bộ các giải pháp về cải thiện, nâng cao các Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền giai đoạn 2021-2025; cải thiện, nâng cao các chỉ số CCHC, chỉ số Hải lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số Quản trị và Hành chính công (PAPI).

Đưa vào sử dụng, khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức Thành phố. Hoàn thành dự án “Lập mới, bổ sung, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp thuộc thành phố Hà Nội”. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị; phê duyệt vị trí việc làm các sở ngành, đơn vị theo hướng dẫn của Trung ương; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả kế hoạch của UBND Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục thực hiện cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; chất lượng các dịch vụ công lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường quản lý nhà nước kết hợp với phát huy vai trò tự quản của các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

3.4. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PCI, PARIndex, SIPAS

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao các chỉ số đo lường mức độ hiệu quả của quản trị, hành chính, mức độ cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Tháo gỡ về thủ tục cho các nhà đầu tư; chú trọng các dự án lớn để tập trung hoàn thành thủ tục đẩy nhanh tiến độ cấp phép và triển khai thực hiện dự án.

Đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng số bảo đảm điều kiện phục vụ các nhiệm vụ phát triển nền tảng số, dữ liệu số. Thực hiện hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính liên thông 3 cấp; phần mềm quản lý văn bản; phần mềm quản lý đảng viên bảo đảm hoạt động của chính quyền công khai minh bạch, hiệu lực.

Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các giải pháp tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh việc thực hiện quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Đôn đốc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt việc đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm nhằm hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

Tiếp tục phát triển đồng bộ hạ tầng kết nối, hạ tầng đô thị và hạ tầng công nghiệp; Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực của kinh tế tư nhân. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế; hình thành mô hình doanh nghiệp hiện đại, gắn kết vào mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài về chiều sâu, xây dựng và triển khai các biện pháp thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia vào đầu tư, kinh doanh tại Thủ đô.

3.5. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; hạ tầng số và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng thành phố thông minh

a) Phát triển văn hóa, thể thao

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch về “Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh giai đoạn 2021-2025”; Nghị quyết số 09-NQ/TU của Thành ủy về phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô với định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2024).

Nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá nghệ thuật, phát triển công nghiệp văn hoá; Đổi mới phương thức hoạt động của các nhà hát; Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật Thủ đô.

Tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Thực hiện hiệu quả công tác đầu tư, quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng. Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, hoàn thành cơ chế quản lý, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Nâng cao chất lượng các mô hình văn hóa; Đánh giá việc triển khai thực hiện “*Quy tắc ứng xử của cán bộ, công nhân viên chức người lao động cơ quan Hà Nội*” và “*Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội*”; Phát huy hiệu quả của quy ước, hương ước và các giá trị văn hóa truyền thống trong việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí thí điểm và lộ trình thực hiện các “tiêu chí về tầm ảnh hưởng” và “tiêu chí đáng sống” để phù hợp với các đô thị lớn khác trên thế giới.

Hoàn thành nhóm chỉ tiêu phát triển thể thao. Triển khai hiệu quả kế hoạch xây dựng, lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đào tạo vận động viên thành tích cao trọng điểm các môn Olympic và Asiad thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch xây dựng cơ chế thu hút nhân tài thể thao Thủ đô giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030. Tập trung phát triển những môn thể thao là thế mạnh của Hà Nội, Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao tại Trung tâm Huấn

luyện và thi đấu TDTT Hà Nội để trở thành trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao của cả nước và khu vực.

b) Phát triển giáo dục, đào tạo

Rà soát sắp xếp mạng lưới trường lớp và hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên của Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục toàn diện với việc xây dựng mạng lưới hỗ trợ phát triển giáo dục giữa cộng đồng với nhà trường. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Thí điểm triển khai một số mô hình trường học mới của các cấp; tiếp tục triển khai mô hình trường công lập tự chủ chất lượng cao, trường học điện tử, trường học thông minh. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục theo hướng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

Phát triển đội ngũ giáo nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng; Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định; Đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 về Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo. Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục và đào tạo theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và chuẩn hóa. Hoàn thành xây dựng 07 trường phổ thông liên cấp tiên tiến, hiện đại thuộc Chương trình số 06-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ trường mầm non công lập, tiểu học công lập, THCS công lập, THPT công lập đạt chuẩn Quốc gia đạt 80-85%; năm 2024 công nhận mới tăng thêm 114 trường.

c) Phát triển y tế

Duy trì tốt hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm. Nâng cao chất lượng tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm y tế và phòng khám đa khoa nhằm thu hút người bệnh đến khám chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở. Phấn đấu: Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa đạt trên 70%; Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 45%; Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

Thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn, bố trí số lượng người hành nghề để đảm bảo hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh tại các trạm y tế, phòng khám đa khoa. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ bác sỹ/vận dân đạt 15,8 bác sỹ/vận dân. Tiếp tục triển khai trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình, thực hiện quản lý các bệnh không lây nhiễm, quản lý sức khỏe người dân (cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe

điện tử khi có phần mềm của Bộ Y tế). Xây dựng thí điểm bệnh viện đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế JCI (hệ thống tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng dịch vụ y tế).

Nâng cao chất lượng công tác dân số; trong đó, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; bảo đảm mức sinh thay thế, đưa tỷ lệ giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Phấn đấu giảm 0,1% tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm 2023. Phát triển các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm các tật, bệnh bẩm sinh, hỗ trợ sinh sản. Phát triển chuyên ngành lão khoa tại các cơ sở y tế; khuyến khích phát triển các cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc người già, người cao tuổi và triển khai các giải pháp nâng cao thể lực, tầm vóc thanh niên Hà Nội.

Rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết tại các cơ sở y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh tiếp cận các dịch vụ y tế; triển khai hệ thống Telemedicine (sử dụng công nghệ để chẩn đoán bệnh hoặc theo dõi người bệnh từ xa) giữa các đơn vị trong ngành và xây dựng hệ thống y tế thông minh tại các tuyến...

d) Phát triển hạ tầng số và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong xây dựng thành phố thông minh.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho công nghiệp công nghệ số làm nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội. Hoàn thành xây dựng Đề án Thành phố thông minh thành phố Hà Nội; Bổ sung, hoàn thiện Danh mục cơ sở dữ liệu của thành phố Hà Nội. Phát triển Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng, hướng tới hình thành trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Thành phố, từng bước chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số. Hoàn thành chuyển đổi sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước của Thành phố.

Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển công nghệ lõi, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật;...

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số...; Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đạt trên 50%. Hoàn thiện cơ chế chính sách liên quan đến đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với các chuỗi giá trị nội địa, khu vực và toàn cầu. Thành lập và đưa vào vận hành “Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”. Phát triển dịch vụ trung gian trên thị trường khoa học và công nghệ. Thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng công nghệ, hình thành dự án nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp KH&CN. Tìm kiếm, lựa chọn và thử nghiệm công nghệ, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nâng cao chất lượng tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN. Đẩy nhanh phát triển các doanh nghiệp KH&CN. Phấn đấu có 170 đơn vị được chứng nhận

doanh nghiệp KH&CN. Tăng cường quản lý các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, làng nghề truyền thống.

3.6. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”. Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp xã hội. Trợ cấp hàng tháng đúng, đủ, kịp thời các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và đối tượng tại các trung tâm bảo trợ xã hội. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phát triển thị trường lao động, hiện đại hóa nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm. Năm 2024 phấn đấu tuyển dụng 20.000 lao động, đưa 4.000 lao động đi xuất khẩu lao động thông qua tổ chức 230 phiên giao dịch việc làm, giải quyết việc làm cho 165.000 lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động. Hoàn thành Bộ định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ đào tạo các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74,2%.

Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

3.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 05/5/2023 về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất. Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao quỹ đất 20%, 25% còn tồn tại để đưa vào khai thác sử dụng theo quy hoạch; khai thác hiệu quả quỹ đất các dự án hạ tầng kỹ thuật và hai bên tuyến đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô để đầu tư nguồn đất tạo nguồn thu cho ngân sách; các đề án khai thác nguồn lực đất đai, kế hoạch đầu tư đất đai tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025); Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030. Rà soát, tổng hợp danh mục thu hồi đất, danh mục chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2024. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chính sách đất dịch vụ trên địa bàn một số quận, huyện để hoàn thành công tác giao đất dịch vụ cho các hộ dân, cá nhân đủ điều kiện.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ

động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025”.

Xây dựng phương án thí điểm “Kiểu mẫu về môi trường triển khai công tác phân loại rác tại nguồn đồng bộ với hoạt động duy trì vệ sinh môi trường”, trong đó lựa chọn thực hiện thí điểm 01 phường/xã tại mỗi quận, huyện và Thị xã Sơn Tây; Có giải pháp nhằm hạn chế việc phát sinh nguồn rác thải nơi công cộng; tăng cường cơ giới hóa việc thu gom, vận chuyển rác đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nhà máy giai đoạn II khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn; xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Núi Thoong; phần đầu đưa Nhà máy điện rác Seraphin vào vận hành quý I/2024; lập đề án phục hồi môi trường tại các khu xử lý Nam Sơn, Xuân Sơn khi các nhà máy điện rác đi vào hoạt động.

Nâng cao tỷ lệ xử lý nước thải đô thị, đẩy nhanh tiến độ các nhà máy, trạm xử lý nước thải, các giải pháp xử lý phân tán, xử lý bằng biện pháp sinh học. Thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bấy - Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021-2025; Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô: Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét. Triển khai đồng bộ, hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường làng nghề, từng bước di chuyển các cơ sở sản xuất hộ gia đình ra các cụm công nghiệp làng nghề tập trung. Hoàn thiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát và thực hiện hậu kiểm công tác hạn chế đốt rơm rạ, chấm dứt việc sử dụng bếp than tổ ong.

Hoàn thành công tác điều tra, khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; thực hiện giải pháp cải trữ lượng, chất nước dưới đất, chống sụt lún. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

3.8. Quản lý chặt chẽ và phát triển hạ tầng đô thị; triển khai thực hiện các quy hoạch được duyệt

Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; triển khai thực hiện các quy hoạch sau khi được duyệt.

Hoàn thành quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc, Sơn Tây, Sóc Sơn; quy hoạch xây dựng vùng huyện; các quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị riêng các khu vực quan trọng nhà nước cần quản lý theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025, các quy hoạch khác được giao từ năm 2023 về trước.

Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quy hoạch kiến trúc. Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc.

Hoàn thành rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ nay năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe. Hoàn thành Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn Thành phố có

nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông và các tuyến đường sắt đô thị; đưa vào khai thác vận hành đoạn trên cao tuyến Nhôn - Ga Hà Nội; hoàn thành phê duyệt điều chỉnh dự án và triển khai đấu thầu xây dựng tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.

Nâng cao chất lượng, mở rộng vùng phục vụ, hợp lý hóa mạng lưới các tuyến xe buýt. Thay thế các phương tiện vận tải hành khách công cộng sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường sang các phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch để thu hút và khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành giao thông vận tải, xây dựng hệ thống giao thông thông minh, chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu về hạ tầng giao thông và phương tiện giao thông.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch phát triển nhà ở tái định cư thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và các mục đích khác không phải để ở; Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954; Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia thực hiện công tác cải tạo, trùng tu, chỉnh trang các biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác được xây dựng từ trước năm 1954; Quy định bàn giao, tiếp nhận, bố trí và bán nhà tái định cư.

Quản lý chặt chẽ hoạt động sử dụng tạm thời hè phố, lòng đường; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, không để tình trạng chiếm dụng hè phố, lòng đường, lề đường bộ và hành lang đường sắt để kinh doanh, buôn bán và sử dụng vào mục đích khác gây cản trở giao thông; tổ chức giải tỏa, xử lý các trường hợp lấn chiếm lòng đường, hành lang an toàn giao thông.

Tập trung hoàn thành 04 dự án phát triển nguồn cấp nước³¹; thực hiện đầu tư đối với 08 dự án thoát nước, xử lý nước thải; đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá. Làm tốt công tác chỉnh trang đô thị; kiểm tra, khắc phục các điểm ùn ngập; cải tạo, nâng cấp công viên, vườn hoa theo quy hoạch; duy trì tỷ lệ chiếu sáng đô thị, cắt tỉa cây bóng mát; hạ ngầm dây điện, cáp viễn thông theo kế hoạch.

Triển khai nghiên cứu, xây dựng, ban hành Kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026-2030; đẩy nhanh công tác nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư, triển khai bước đầu các tuyến đường sắt đô thị, các công trình giao thông và công trình trọng điểm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố.

3.9. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc phức tạp,

³¹ Nhà máy nước mặt sông Hồng; Nhà máy nước mặt sông Đà giai đoạn II; xây dựng nâng công suất Nhà máy nước Bắc Thăng Long - Vân Trì; Nhà máy nước Xuân Mai tại Hòa Bình.

kéo dài, phân đầu năm 2024 đạt tỷ lệ trên 90%. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Chương trình số 10-Ctr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025”. Tăng cường đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm, thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức chấp hành và thực thi pháp luật.

Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức phòng chống tham nhũng ở các cấp, các ngành; quan tâm xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông trong công tác phòng, chống tham nhũng.

3.10. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước; xác định rõ các mục tiêu đối ngoại trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa để chủ động xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép trong các sự kiện đối ngoại; tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên, phù hợp với đối tác, tiềm năng và nhu cầu của Thành phố.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Duy trì tăng cường, phối hợp với các cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại ở Trung ương thiết lập cơ chế cung cấp thông tin hai chiều, nắm bắt cơ hội và thúc đẩy các hoạt động xúc tiến song phương, đa phương.

Tăng cường hội nhập quốc tế, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) các cam kết trong WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN.

3.11. Đảm bảo quốc phòng, quân sự địa phương và trật tự an toàn xã hội

Xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn Thủ đô. Phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lợi dụng khiếu kiện đông người, đình công, lãn công, các sự kiện chính trị, xã hội nhạy cảm để kích động biểu tình, chống đối chính quyền, gây rối an ninh, trật tự.

Đảm bảo quốc phòng thường xuyên; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội năm 2024 và chỉ đạo diễn tập cấp 2 cùng với thành phố đối với 03 huyện (Chương Mỹ, Quốc Oai, Thạch Thất); Ban hành Chỉ thị, Kế hoạch về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn Thành phố; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024 (3.700 công dân); xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, huấn luyện dân quân tự vệ cho 100% cơ sở. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự...

Phụ lục 01: Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của Thành phố Hà Nội
(Kèm theo Báo cáo số ~~429~~ /BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	Kế hoạch năm 2023	UTH 2023	Chủ trì	Ghi chú
A	NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP						
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	8,89	7,0	6,11	Sở KH&ĐT	Không đạt KH
	Trong đó:						
	- Dịch vụ	%	10,06	7,1	6,87	Cục TK	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	5,76	4,6	3,00		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	7,74	8,1	5,75	Sở CT	
	+ Công nghiệp	%	8,03	7,5	5,16		
	+ Xây dựng	%	7,26	9,2	6,76	Sở XD	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,58	2,5	2,58	Sở NN&PTNT	
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	141,8	150	150	Sở KH&ĐT	
3	Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện	%	13,3	10,5	9,0	Sở CT	Không đạt KH
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	10,3	6,0	1,0		Không đạt KH
5	Chỉ số giá tiêu dùng	%	3,4	< 4,5	4,5		
6	Thu, chi ngân sách Nhà nước						
6.1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	333.758	352.919	400.421		Vượt KH
6.2	Chi ngân sách Nhà nước địa phương	Tỷ đồng	94.021	105.089	102.155		
B	NHÓM CHỈ TIÊU XÃ HỘI						
7	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%	0,1	0,1	0,1	Sở Y tế	
8	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước	%	0,1	0,1	0,1		
9	Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	84,5	BHXH TP HN	
10	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	92,5	93,5	93,5		
11	Tỷ lệ lao động tham gia Bảo hiểm xã hội trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động:	%	41,5	45	45		
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	40,0	43,0	43,0		
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	1,5	2,0	2,0		
12	Tỷ lệ đối tượng tham gia Bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	37,5	39,0	39,5		

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	Kế hoạch năm 2023	UTH 2023	Chủ trì	Ghi chú
13	Giảm số hộ nghèo theo chuẩn mới của Thành phố so với năm trước	%	38,8	30,0	34,4	Sở LĐ-TB&XH	Vượt KH
14	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4	< 4	3,0		
15	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%	72,2	73,2	73,2		
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	51,2	52,5	52,5		
16	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	70	81	130	Sở GD&ĐT	Vượt KH (Theo Chương trình 02/CTr-UBND ngày 01/02/2023: 130 trường - đạt KH)
17	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	88,0	88,0		Sở VH&TT	
18	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	63,0	64,0	64,0		
19	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	72,5	73,5	73,5		
C	NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, MÔI TRƯỜNG						
20	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%				Sở XD	
	Trong đó: + Khu vực đô thị	%	100,0	100	100,0		
	+ Khu vực nông thôn	%	85,0	90,0	90,0		
21	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày			100	100	Sở TNMT	
	Trong đó: + Khu vực đô thị	%	100,0	100,0	100,0		
	+ Khu vực nông thôn	%	100,0	100,0	95-100		
22	Xử lý ô nhiễm môi trường						
22.1	Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng		100,0			Sở CT	
	- Đối với CCN xây dựng mới	%	100,0	100	95		02/40 CCN đang triển khai
	- Đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động	%	95,0	100	100		
22.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100,0	100	99,0	Sở TNMT	
22.3	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,0	100,0	100,0	Sở Y tế	
22.4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	28,8	28,8	30,9	Sở Xây dựng	Vượt KH
23	Xã nông thôn mới:					Sở NN&PTNT	
	- Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	Xã	25	61	61		
	- Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	Xã	15	33	33		

Phụ lục 02: Kịch bản tăng trưởng 2024-2025
(Kèm theo Báo cáo số 429 /BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	KH 2021- 2025	2020	2021	2022	UTH 2023	Phương án năm 2024				PA năm 2025		TB 2021-2025	
							PA1	PA2	PA3	PA4	PA2	PA4	PA2	PA4
1	Dân số, 1.000 người		8.246,5	8.330,8	8.435,6	8.555,6	8.705,8				8.865,2			
2	GRDP ss, 1.000 tỷ đồng		689,05	711,03	774,72	822,04	875,47	879,58	883,69	901,78	941,2	989,3		
	Tăng trưởng GRDP, %	7,5-8,0	4,18	3,19	8,96	6,11	6,5	7,0	7,5	9,7	7,0	9,7	6,43	7,50
3	GRDP hh, 1.000 tỷ đồng		1.020,00	1.072,63	1.197,33	1.283,34	1.400,0	1.410,0	1.415,0	1.450,0	1.550,0	1.645,0		
4	GRDP/người, triệu đồng		123,7	128,8	141,9	150,0	160,8	161,96	162,54	166,56	174,8	185,6		
	GRDP/người USD	8.300	5.325	5.400	5.960	6.250		6.748			7.285	7.732		
5	ĐTXH, 1.000 tỷ đồng	3.100	414,66	408,91	463,29	504,89	557,90	562,95	570,53	595,77	627,69	703,01	2.567,7	2.675,9
	ĐTXH tăng, %		9,3	-1,4	13,3	9,0	10,5	11,5	13,0	18,0	11,5	18,0	8,65	11,14
6	ICOR		8,89	7,77	3,72	5,87	4,78	4,44	4,33	3,57	4,48	3,61	4,84	4,28

Kịch bản tăng trưởng năm 2024

Kịch bản 1 (tăng thấp), giả định tăng trưởng toàn cầu 2024 vẫn khó khăn; khả năng phục hồi thương mại và đầu tư toàn cầu còn nhiều thách thức; ở trong nước, các động lực tăng trưởng phục hồi không đồng đều, xuất nhập khẩu, công nghiệp chưa có chuyển biến mạnh do phụ thuộc vào thị trường thế giới; mục tiêu tăng trưởng GDP của cả nước là 6%; trong bối cảnh khó khăn, đầu tư xã hội của Hà Nội phấn đấu tăng 10,5%; ICOR khoảng 4,8 lần (theo giá hiện hành); GRDP tăng phần đầu 6,5%; GRDP/người 160 triệu đồng.

Kịch bản 2 (tăng cao), giả định kinh tế thế giới, khu vực phục hồi nhanh hơn dự báo; nhu cầu của các thị trường đối tác lớn phục hồi; thương mại và đầu tư toàn cầu tăng trưởng khá; ở trong nước, sản xuất, kinh doanh phục hồi; dịch vụ và tiêu dùng nội địa tăng trưởng tích cực; xuất khẩu, đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài tăng khá; các giải pháp của Chính phủ hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% và cao hơn; trong bối cảnh chung tích cực, đầu tư xã hội của Hà Nội có thể tăng trên 11,5%; ICOR đạt dưới 4,5 lần (theo giá hiện hành); GRDP tăng trên 7,0%; GRDP/người đạt trên 162 triệu đồng

Kịch bản 3 (cơ sở), bối cảnh tình hình thế giới, trong nước biến động nhanh, khó lường, rất khó dự báo; mục tiêu tăng trưởng cả nước là 6-6,5%; đầu tư xã hội của Hà Nội tăng 10,5-11,5%; ICOR khoảng 4,5-4,8 lần (theo giá hiện hành); GRDP tăng khoảng 6,5-7,0%; GRDP/người đạt khoảng 160-162 triệu đồng

Nếu tăng trưởng 2024, 2025 đạt 7% (PA2) thì trung bình 5 năm 2021-2025 GRDP tăng 6,43%.
Để đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm 2021-2025 trên 7,5% thì năm 2024 và 2025 GRDP phải tăng trên 9,7% (PA4).

Phụ lục 03: So sánh một số chỉ tiêu chủ yếu 10 tháng năm 2023 của Tp. Hà Nội và 4 Tp. Trung ương
(Kèm theo Báo cáo số 429 /BC-UBND ngày 18 /11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

Chỉ tiêu	ĐVT	Hà Nội		Cả nước		TP. Hồ Chí Minh		Hải Phòng		Đã Nẵng		Cần Thơ	
		Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ	Giá trị	% so với cùng kỳ
1. Tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm	%	6,08		4,24		4,57		10,08		2,83		4,71	
2. Chỉ số phát triển SX công nghiệp (IIP)	%	102,6		100,5		103,7		113,0		97,3		103,4	
- Khai khoáng	%	94,0		96,8		105,0		145,2		108,2		0,0	
- Chế biến, chế tạo	%	102,2		100,5		103,7		113,5		95,9		103,3	
- Sản xuất và phân phối điện	%	107,0		102,6		105,7		102,3		104,3		104,3	
- Cung cấp nước và xử lý rác, nước thải	%	105,7		105,0		102,0		107,6		111,1		102,5	
3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) BQ 10T/2023	%	101,51		103,20		103,43		103,56		105,50		101,53	
- CPI T10 so với tháng trước	%	100,09		100,08		100,37		99,97		99,99		99,96	
- CPI T10 so với T12/2022	%	104,80		103,20		102,54		103,82		103,10		102,95	
- CPI T10 so với cùng kỳ	%	104,16		103,59		103,31		103,76		103,63		103,07	
4. Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN	Tỷ đồng	38.757	100,8	479.324	122,6	36.071	155,9	15.039	136,6	4.820	109,0	6.855	159,6
5. Tổng mức bán lẻ, doanh thu DV	Tỷ đồng	628.207	110,9	5.105.422	109,4	978.681	109,2	163.487	113,6	105.594	118,6	95.921	112,0
6. DT vận tải, kho bãi và DV hỗ trợ	Tỷ đồng	160.777	117,1			258.451	117,3	97.746	114,1	26.095	121,6	6.188	109,0
7. Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	344.313	116,8	1.398.700	90,8	400.421	91,9	74.513	84,4	15.624	79,8	11.470	103,2
Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	321.105	118,2	1.157.700	94,1	102.155	94,8		85,6	13.374	86,3	7.895	93,1
8. Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	65.636	118,9	1.357.600	111,4	63.894	137,3	22.638	121,2	21.373	109,6	14.176	138,0
Trong đó: Chi thường xuyên		36.966	111,4	873.300	103,8	36.748	109,4	10.431	110,6	14.151	110,0	4.942	102,0

Nguồn số liệu: Báo cáo của Tổng cục Thống kê, Sở Tài chính Hà Nội, Cục Thống kê thành phố Hà Nội và Cục thống kê của 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phụ lục 04: Chỉ tiêu phát triển KTXH của Thành phố Hà Nội
(Kèm theo Báo cáo số **429** /BC-UBND ngày **18/11/2023** của UBND thành phố Hà Nội)

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ								
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)							
-	GRDP theo giá so sánh	1.000 tỷ đ.		711,03	774,72	828,95	822,03	875,47
+	Dịch vụ	1.000 tỷ đ.		453,02	499,4		533,71	569,1771
+	Thuế sản phẩm	1.000 tỷ đ.		79,63	84,18		86,7	90,6015
+	Công nghiệp	1.000 tỷ đ.		102,64	110,74		116,46	124,6122
+	Xây dựng	1.000 tỷ đ.		60,32	64,6		68,96	74,4768
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 tỷ đ.		15,42	15,8		16,2	16,605
-	GRDP theo giá hiện hành	1.000 tỷ đ.		1.072,63	1.197,34	1.284,80	1.283,34	
+	Dịch vụ	1.000 tỷ đ.		676,41	757,36		827,58	
+	Thuế sản phẩm	1.000 tỷ đ.		116,96	127,54		132,29	
+	Công nghiệp	1.000 tỷ đ.		170,59	191		196,03	
+	Xây dựng	1.000 tỷ đ.		84,52	96,61		102,97	
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 tỷ đ.		24,15	24,83		24,47	
2	Cơ cấu GRDP	%	100,0	100,0	100,0		100,0	
-	Dịch vụ	%	65-65,5	63,06	63,25		64,49	
-	Thuế sản phẩm	%	10,4-10,6	10,90	10,65		10,31	
-	Công nghiệp	%		15,90	15,95		15,27	
-	Xây dựng	%		7,88	8,07		8,02	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	1,4-1,6	2,25	2,07		1,91	
3	Tốc độ tăng GRDP	%	7,5-8,0	3,19	8,96	7,00	6,11	6,50
-	Dịch vụ	%	8,0-8,5	3,18	10,24	7,10	6,87	6,65
-	Thuế sản phẩm	%	3,5-4,0	1,25	5,71	4,60	2,99	4,50
-	Công nghiệp	%	7,5-8,0	5,84	7,89	7,50	5,17	7,00
-	Xây dựng	%	10-10,5	1,46	7,10	9,20	6,75	8,00
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,5-3,0	3,53	2,46	2,50	2,53	2,50
4	GRDP bình quân đầu người	Tr.đồng	192-196	128,8	141,9	150,2	150,0	160,8
5	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	1.000 tỷ đ.	3.100- 3.200	408,90	463,29	512,00	504,89	557,90
-	Vốn khu vực Nhà nước	1.000 tỷ đ.		150,52	158,31		168,91	

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
-	Nguồn NSNN do địa phương quản lý	1.000 tỷ đ.		-				
-	Vốn khu vực ngoài Nhà nước	1.000 tỷ đ.		229,38	274,23		302,35	
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.000 tỷ đ.		29,00	30,75		33,63	
6	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%		38,12	38,69	39,85	39,34	39,93
7	Vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài	Triệu USD	10.173,1	1.524,6	1.774,5		2.874,0	2.000,0
-	Cấp mới	Triệu USD	2.264,3	237,6	236,2		390,5	700,0
-	Điều chỉnh	Triệu USD	3.236,9	838,8	904,6		293,5	600,0
-	Góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD	4.671,9	448,2	633,7		2.190,0	700,0
8	Đầu tư trong nước vốn ngoài NSNN							
-	Số dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước ngoài NSNN được cấp chủ trương đầu tư	Dự án			9		2	
-	Số vốn đầu tư bằng nguồn vốn trong nước ngoài NSNN được cấp chủ trương đầu tư	1.000 tỷ đ.			3,383		0,652	
9	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	133.636	24.016	29.571	31.432	31.432	32.500
10	Tổng vốn đăng ký của DN thành lập mới	1.000 tỷ đ.	1.741	345	330	375	375	380
11	Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động	DN		188.710	196.157			
-	Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD tại thời điểm 31/12 hằng năm	DN		141.423	147.004			
-	Số lao động trong DN đang hoạt động tại thời điểm 31/12 hằng năm	1.000 người						
12	Số doanh nghiệp giải thể	DN	9.594	3.104	3.612			
13	Số DN đang chờ làm thủ tục giải thể	DN		4.279	4.447			
14	Số DN đăng ký tạm ngừng hoạt động	DN		11.858	16.361			
15	Số DN quay trở lại hoạt động	DN		9.658	9.722			
16	HTX, liên hiệp HTX							
-	Số lượng hợp tác xã	HTX	653	120	113	135	135	140
-	Số lượng liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	7	-	4	1	1	1
17	Số dư huy động vốn của tổ chức tín dụng	Tỷ đồng		4.241.521	4.963.103		4.931.217	
18	Dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng	Tỷ đồng		2.536.887	2.946.061		3.360.572	
19	Dư nợ cho vay của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	Tỷ đồng		724,62	595,71	1.304,70	1.121,79	1.864,94
20	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.000 tỷ đ.	1.405,02	324,13	333,76	352,92	400,42	377,62
-	Thu nội địa, tr.đó:	1.000 tỷ đ.	1.300,59	299,55	303,92	323,80	373,09	

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
+	Thu tiền sử dụng đất	1.000 tỷ đ.	127,70	16,53	14,48	17,00	13,50	
+	Thu từ xổ số kiến thiết	1.000 tỷ đ.	1,85	0,30	0,29	0,32		
-	Thu từ dầu thô	1.000 tỷ đ.	5,45	1,97	2,90	2,10	3,70	
-	Thu từ xuất, nhập khẩu	1.000 tỷ đ.	98,98	22,58	26,32	27,00	23,61	
-	Thu khác	1.000 tỷ đ.		0,03	0,62	0,02	0,03	
21	Chi ngân sách nhà nước	1.000 tỷ đ.	613,72	84,55	94,02	105,09	102,16	117,17
-	Chi đầu tư phát triển	1.000 tỷ đ.	299,19	37,64	45,32	46,95	48,60	
-	Chi thường xuyên	1.000 tỷ đ.	272,49	46,90	48,34	55,78	53,48	
22	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	1.000 tỷ đ.		555,41	697,70	760,49	760,49	836,54
-	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%		-4,99	25,62	10,00	10,00	10,00
23	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	1.000 tỷ đ.		377,589	441,968			
24	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.000 tỷ đ.		50,888	96,918			
25	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.000 tỷ đ.		127,76	167,45	194,52	194,52	223,70
26	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	1.000 tỷ đ.		3,382	14,07			
27	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%		2,55	2,83	< 4,5	< 4,5	< 4,0
28	Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Triệu USD		50.498	58.032	62.332	61.475	65.701
-	Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu	Triệu USD		15.489	17.132	18.160	17.303	17.995
-	Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu	Triệu USD		35.009	40.900	44.172	44.172	47.706
29	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%		4,80	8,8	8,0	4,0	8,0
30	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%						
-	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu							
+	Bia các loại	Triệu lít		342	404			
+	Thuốc lá	Triệu bao		1.679	1.746			
+	Động cơ điện	Chiếc		52.177	52.500			
+	Lắp ráp xe máy	Chiếc		496.060	550.663			
....								
31	Số lượng CCN đang hoạt động	Cụm	70	70	70	70	80	90
32	Cụm công nghiệp							
-	Tổng diện tích đất các CCN theo QH	Ha		3.220,04	3.220,04	3.220,04		

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
-	Tổng diện tích đất các CCN đã thành lập	Ha		2.110	2.110			
-	Tổng diện tích đất các CCN đang hoạt động	Ha		1.392	1.392			
33	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN	%		84	84			
34	Số lượng KCN đang hoạt động	Khu		10	10	10	10	
35	Đất các KCN							
	Tổng diện tích đất các KCN theo QH	Ha						
	Tổng diện tích đất các KCN đã thành lập	Ha						
	Tổng diện tích đất các KCN đang hoạt động	Ha						
36	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các KCN	%				99	99	
37	Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại							
-	Số lượng chợ	Chợ	462	458	458	459	453	463
+	Loại 1	Chợ	15	15	15	15	15	15
+	Loại 2	Chợ	57	57	57	58	58	58
+	Loại 3	Chợ	366	354	354	362	349	366
+	Chưa phân hạng	Chợ	24	32	32	24	31	24
-	Số lượng siêu thị	Siêu thị	-	113	126	136	136	146
+	Hạng 1	Siêu thị		21	21	22	22	23
+	Hạng 2	Siêu thị		39	42	45	45	48
+	Hạng 3	Siêu thị		53	63	69	69	75
-	Số lượng trung tâm thương mại	TTTM		27	28	29	29	30
38	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha		84,3	50,4	50,0	50,0	50,0
39	Diện tích rừng hiện có	Ha		19.680,1	19.513,8	19.513,8	19.513,8	19.513,8
40	Diện tích rừng được bảo vệ	Ha		16.564,7	16.434,6	16.434,6	16.434,6	16.434,6
41	Tỷ lệ che phủ rừng	%		5,7	5,6	5,6	5,6	5,6
42	Diện tích một số loại cây trồng	Ha						
-	Lúa	1.000 Ha	140,0	162,1	158,5	153,5	153,5	145-150
-	Ngô	1.000 Ha		13,2	13,6	13,3	13,3	13,2
-	Khoai lang	1.000 Ha		1,6	1,6	1,7	1,7	1,7
-	Đậu tương	1.000 Ha		1,9	1,4	1,5	1,5	1,6
-	Lạc	1.000 Ha		2,4	2,3	2,2	2,2	2,1
-	Rau các loại	1.000 Ha	38,0	32,7	33,7	31,8	31,8	34,0
-	Đậu các loại	1.000 Ha		0,5	0,5	0,6	0,6	0,6
-	Hoa các loại	1.000 Ha	45.147,0	6,7	7,1	7,9	7,9	8,0
-	Chè búp	1.000 Ha	2,5	2,1	2,0	2,4	2,4	2,4

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
-	Cây ăn quả (Cam, bưởi, chuối, nhãn, ổi)	1.000 Ha	15,0	19,7	20,1	23,2	23,2	24,5
43	Năng suất một số loại cây trồng	Tấn/Ha						
-	Lúa	Tấn/Ha	-	60,7	60,1	60,7	60,7	60,5
-	Ngô	Tấn/Ha	-	52,7	53,3	51,7	51,7	52,3
-	Khoai lang	Tấn/Ha	-	94,9	92,8	93,5	93,5	94,0
-	Đậu tương	Tấn/Ha	-	18,9	18,8	19,3	19,3	19,0
-	Lạc	Tấn/Ha	-	23,2	23,0	22,0	22,0	22,5
-	Rau các loại	Tấn/Ha	-	220,8	219,1	215,0	215,0	218,0
-	Đậu các loại	Tấn/Ha	-	17,0	15,7	16,2	16,2	16,5
-	Hoa các loại	Tấn/Ha						
-	Chè búp	Tấn/Ha	-	84,0	85,3	-	-	-
-	Cây ăn quả (Cam, bưởi, chuối, nhãn, ổi)	Tấn/Ha	-	-	-	-	-	-
44	Sản lượng một số loại cây trồng	Tấn						
-	Lúa	1.000 Tấn	900,0	983,8	952,7	932,8	932,8	907,5
-	Ngô	1.000 Tấn	-	69,5	72,6	69,0	69,0	69,0
-	Khoai lang	1.000 Tấn	-	15,3	14,7	0,2	0,2	15,5
-	Đậu tương	1.000 Tấn	-	3,6	2,6	3,0	3,0	2,9
-	Lạc	1.000 Tấn	-	5,6	5,4	4,8	4,8	4,7
-	Rau các loại	1.000 Tấn	777,0	721,9	737,2	681,5	681,5	741,2
-	Đậu các loại	1.000 Tấn	-	0,857	0,841	0,984	0,984	0,957
-	Hoa các loại	1.000 Tấn	-	-	-	-	-	-
-	Chè búp	1.000 Tấn	27,0	17,1	16,5		-	-
-	Cây ăn quả (Cam, bưởi, chuối, nhãn, ổi)	1.000 Tấn	-	287,8	-	-	-	-
45	Cơ cấu diện tích giống của một số cây trồng chủ lực	%						
-	Lúa	%						
+	Nhóm lúa chất lượng cao	%	>80	0,6	0,6	>62%	>62%	>70%
+	Nhóm lúa thuần năng suất	%		0,3	0,4	30-32%	30-32%	25-28%
+	Nhóm lúa lai	%		0,0	0,0	3-5%	3-5%	2-4%
-	Ngô	%						
-	...	%						
46	Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Ha		1.146,7	557,6	3.838,5	3.838,5	
-	Sang cây hằng năm	Ha	-	379,0	198,4	605,3	605,3	

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
	- Sang cây lâu năm	Ha	-	236,1	133,8	1.119,3	1.119,3	
	- Sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	Ha	-	531,6	91,6	994,7	994,7	
47	Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi							
	- Trâu	1.000 con	25,3	27,5	28,7	28,7	28,8	28,8
	- Bò	1.000 con	141,0	130,5	130,3	130,0	130,0	135,0
	- Lợn	1.000 con	1,9	1,4	1,4	1,6	1,6	1,7
	- Gia cầm	1.000 con	40,0	39,9	40,3	40,3	40,3	40,0
48	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi							
	- Thịt trâu hơi xuất chuồng	1.000 tấn	1,73	1,87	2,00	2,00	2,05	2,00
	- Thịt bò hơi xuất chuồng	1.000 tấn	12,5	10,6	10,6	10,6	10,6	10,8
	- Thịt lợn hơi xuất chuồng	1.000 tấn	301,0	228,3	235,8	240,0	240,0	240,0
	- Thịt gia cầm hơi xuất chuồng	1.000 tấn	160,0	164,6	160,9	160,9	161,0	161,0
	- Trứng gia cầm	Triệu quả	-	2.564,0	2.728,0	2.750,0	2.780,0	2.780,0
	- Sữa bò tươi	1.000 tấn	37,0	38,7	39,6	39,5	39,5	39,5
49	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi được chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) và tương đương	%	75,0	15,0	15,0	15,0	15,0	15,0
50	Diện tích nuôi trồng thủy sản	1.000 Ha		23,2	23,3	24,5	24,5	24,7
51	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	1.000 tấn		117,9	121,4	133,5	133,5	138,3
52	Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP và tương đương	Ha		90,3	187,4	190,0	190,0	200,0
53	Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp	%	70,0	38,0	40,0	-	-	
54	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	-	17	-	-	
II. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI								
1	Năng suất lao động xã hội	Tr.đ./l.động		279,3	304,7		327,6	
	- Dịch vụ	Tr.đ./l.động		301,7	323,9		353,3	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tr.đ./l.động		198,7	221,1		229,9	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tr.đ./l.động		76,9	85,6		89,2	
2	Tăng trưởng năng suất lao động xã hội	%	7-7,5	4,91	6,49		3,07	
	- Dịch vụ	%		3,96	5,71		3,30	
	- Công nghiệp và xây dựng	%		6,69	6,19		2,45	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		8,81	10,91		5,06	

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
3	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt	23,0	4,0	17,2	19,0	20,0	21,5
4	Chi tiêu của khách du lịch nội địa	Tr. đồng						
5	Số lượt khách du lịch quốc tế	1.000 lượt	7,0	-	1,5	3,0	4,0	5,0
6	Chi tiêu của khách quốc tế đến Hà Nội	Tr. đồng						
7	Tổng thu từ khách du lịch	1.000 tỷ đ.	130,00	11,28	60,00	77,00	87,65	99,77
8	Công suất sử dụng phòng của cơ sở lưu trú du lịch	%	55,00	22,90	41,20	55,00	58,00	60,00
9	Số lượt khách do doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành phục vụ	Lượt						
10	Số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	DN		1.174	1.596		1.900	2.000
11	Số hướng dẫn viên du lịch	1.000 người		5.998	6.824		7.800	8.000
12	Số cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở		3.725	3.650	3.758	3.780	3.800
13	Số buồng của cơ sở lưu trú du lịch	Buồng		70.001	65.400	71.016	71.150	71.300
14	Số điểm du lịch	Điểm		17	24		30	35
15	Số khu du lịch	Khu		4	4		6	7
16	Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo	%		>50%	-	>50%	>50%	>50%
17	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	1.000 tỷ đ.		0,096	0,101	0,136	0,13	0,125
18	Dân số trung bình	1.000 người		8.330,8	8.435,6	8.555,6	8.555,6	8.709,6
19	Di cư dân số							
-	Tỷ suất nhập cư	%		7,7	4,8		6,1	
-	Tỷ suất xuất cư	%		2,5	2,8		2,7	
-	Tỷ suất di cư thuần	%		5,2	2,0		3,4	
20	Số hộ gia đình	Hộ		1.973.098	2.001.099	2.009.986	2.009.986	2.011.000
-	Thành thị	Hộ						
-	Nông thôn	Hộ						
21	Chỉ tiêu về văn hóa							
-	Số hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	Hộ		1.763.326	1.760.967	1.768.788	1.768.788	1.768.788
+	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	86-88	89,4	88,0	88,0	88,0	88,0

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
+	Số thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	Thôn (làng)		1.461	1.360	1.512	1.512	1.523
+	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	65	62	63	64	64	65
-	Số tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	Tổ		2.190	2.356	2.235	2.235	2.250
+	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	75,0	72,0	72,5	73,5	73,5	74,0
22	Số hoạt động nghệ thuật quần chúng	Hoạt động			5	5	5	5
23	Số hoạt động lễ hội	Hoạt động			10	1.206	1.206	1.206
24	Số hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp	Hoạt động						
25	Doanh thu của các đơn vị nghệ thuật TP quản lý	1.000 tỷ đ.		1.900	14.800	29.500	35.000	39.000
26								
-	Số thiết chế văn hóa	Thiết chế						
+	Cấp Thành phố quản lý	Thiết chế					386	
+	Cấp huyện quản lý	Thiết chế	30	29	29	29	29	29
-	Số thiết chế thể thao	Thiết chế						
+	Cấp Thành phố quản lý	Thiết chế	6	6	6	6	6	6
+	Cấp huyện quản lý	Thiết chế	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101	10.101
27	Diện tích đất thiết chế thể thao	Ha	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6	180,6
28	Tỷ trọng giá trị gia tăng các ngành công nghiệp văn hóa trong GRDP	%						
29	Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	43	42	42	43	43	43
30	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	32	30	30	31	31	32
31	Tỷ lệ cộng tác viên thể dục, thể thao	%	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15
32	Số câu lạc bộ thể thao	CLB	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665	7.665
33	Số vận động viên, trọng tài, huấn luyện viên							
-	Số vận động viên	VĐV		2.988	2.911	2.988	2.988	2.988
-	Số trọng tài	TT		192	198	220	220	220
-	Số huấn luyện viên	HLV		494	501	518	518	518
34	Số giải thể thao được tổ chức tại Hà Nội							
-	Cấp Thành phố	Giải	65	13	40	63	63	65

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
-	Cấp huyện	Giải	780	101	775	778	778	780
35	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	%				≥ 70	≥ 70	≥ 70
36	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%				45		45
37	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	90	82,5		90	82,5	82,5
38	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Gi.bệnh	30-35	27,1	27,5	27,5	36,44	35,83
-	Tổng số giường bệnh	Gi.bệnh	27.000	22.493	23.375	23.375	30.940	31.146
39								
-	Số nhân lực y tế trên 10.000 dân	BS, DS, DD	48,4	48,1	48,6	49,1	54,6	54,2
+	Bác sỹ	BS	15	13,7	14	14,3	16,2	15,8
+	Dược sỹ đại học	DS	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4
+	Điều dưỡng	ĐD	25	26	26,2	26,4	30	30
-	Số nhân lực y tế	BS, DS, DD	43.560	39.923	41.310	41.375	46.410	47.241
+	Bác sỹ	BS	13.500	11.371	11.900	12.155	13.770	13.746
+	Dược sỹ đại học	DS	7.560	6.972	7.140	7.140	7.140	7.308
+	Điều dưỡng	ĐD	22.500	21.580	22.270	22.440	25.500	26.100
40	Số lượt khám bệnh trên 10.000 dân	Lượt khám				1.300	9.765	9.800
41	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,15	91,8	92,9	93,5	93,5	94,5
-	Số người tham gia bảo hiểm y tế	1.000 người	8.026	7.482	7.738	7.887	7.887	8.069
42	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	40,0	37,1	38,5	39,0	39,5	40,0
-	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	1.000 người	1.976	1.798	1.916	1.942	1.966	1.992
43								
-	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	50	40,3	41,5	45	45	47,5
+	Bắt buộc	%	47	39	40	43	43	45
+	Tự nguyện	%	3,0	1,3	1,5	2,0	2,0	2,5
-	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	1.000 người	2.470	1.926	2.058	2.197	2.197	2.330
+	Bắt buộc	1.000 người	2.321	1.863	1.983	2.100	2.100	2.207
+	Tự nguyện	1.000 người	148	63	75	97	97	123

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
44	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.000 tỷ đ.	69,6	49,1	54,2	60,2	60,2	64,5
45	Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.000 tỷ đ.	-	62,7	65,4	69,1	73,5	77,7
46	Số trường học	Trường	2.912	2.768	2.802	2.840	2.840	2.875
	- Công lập	Trường	2.316	2.227	2.252	2.267	2.267	2.291
	- Ngoài công lập	Trường	596	541	550	573	573	584
47	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	625	73	140	130	130	120
	- Công lập	Trường	625	73	140	130	130	120
	Công nhận mới (lần đầu)	Trường	625	73	140	130	130	120
	Công nhận lại	Trường	1.320	139	126	394	270	300
	- Ngoài công lập	Trường		4	4			
48	Số học sinh	Học sinh	2.298.169	2.082.417	2.093.070	2.143.528	2.143.528	2.236.676
	- Mầm non	Học sinh	524.221	525.395	482.636	510.075	510.075	528.775
	- Tiểu học	Học sinh	781.719	791.240	822.808	813.644	813.644	784.783
	- Trung học cơ sở	Học sinh	626.334	508.226	525.318	543.856	543.856	601.851
	- Trung học phổ thông	Học sinh	365.895	257.556	262.308	275.953	275.953	321.267
49	Tỷ lệ trường học có Internet dùng cho mục đích giảng dạy, học tập	%	100	100	100	100	100	100
50	Lực lượng lao động	1.000 người		3.940,5				
51	Số người trong độ tuổi lao động	1.000 người		3.940,0	4.012,0		4.102,0	
52	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	1.000 người		3.840,0	-			
	- Dịch vụ	1.000 người		2.242,0				
	- Công nghiệp và xây dựng	1.000 người		1.284,0				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.000 người		314,0				
53	Cơ cấu lao động có việc làm	%		97,46	97,93		98,61	
54	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75-80	71,1	72,2	73,2	73,2	74,2
	- Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	55-60	50,3	50,3	52,5	52,5	54,0
55	Số người lao động có việc làm tăng thêm	1.000 người	160	180	203	162	200	165
56	Tỷ lệ người lao động tìm được việc làm qua Trung tâm dịch vụ việc làm	%		16,6	21,6	19,0	21,0	20,0
57	Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm	%		72.940	85.300	51.050	60.680	65.990

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
58	Tỷ lệ thất nghiệp	%		2,68	2,22		2,01	
-	Thành thị	%	< 3	3,97	3,33		2,97	< 3,0
-	Nông thôn	%		1,35	1,21		1,01	
59	Số hộ nghèo	Hộ		956	2.134	1.492	1.400	980
-	Thành thị	Hộ	Cuối năm 2025 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn mới	3	6	2	0	0
-	Nông thôn	Hộ		953	2.128	1.490	1.400	980
60	Tỷ lệ hộ nghèo	%		0,04	0,095	0,07	0,06	0,04
-	Thành thị	%		0,0003	0,001	0,0002	0	0
-	Nông thôn	%		0,08	0,17	0,12	0,11	0,08
61	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	%	100	87	90	92	92	95
62	Tỷ lệ người dân có danh tính số	%		96,93	99,41		100%	100%
III. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG								
1	Diện tích, cơ cấu đất							
-	Hiện trạng sử dụng đất	1.000 ha	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98	335,98
+	Đất nông nghiệp	1.000 ha	185,94	197,79	197,43	186,38	197,25	184,84
+	Đất phi nông nghiệp	1.000 ha	148,36	135,67	136,04	147,43	136,22	148,97
+	Đất chưa sử dụng	1.000 ha	1,68	2,52	2,51	2,18	2,51	2,18
-	Cơ cấu sử dụng đất	%	100	100	100	100	100	100
+	Đất nông nghiệp	%	55,34	58,87	58,76	55,47	58,71	55,01
+	Đất phi nông nghiệp	%	44,16	40,38	40,49	43,88	40,54	44,34
+	Đất chưa sử dụng	%	0,50	0,75	0,75	0,65	0,75	0,65
2	Kết quả thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Ha						
3	Kết quả đấu giá QSD đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất	Ha	253,49	24,58	38,12	48,55	42,21	45,55
4	Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	Giấy phép	200	71	51	40	40	50
5	Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng trên địa bàn	Công trình	1900	323	320	340	340	340
6	Tỷ lệ đô thị hoá	%	60-62				49,2	60
7	Tỷ lệ phủ kín Qh phân khu, chi tiết đô thị	%	100			83,5	85	95
8	Tỷ lệ lập quy hoạch xây dựng nông thôn	%	100			95,8	95,8	95,8
9	Tỷ lệ lập Quy chế quản lý QHKT đô thị	%	100					100
10	Diện tích đất đô thị	Ha						

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
11	Nước sạch sinh hoạt							
-	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100					
+	Khu vực đô thị	%	100	100	100	100	100	100
+	Khu vực nông thôn	%	100	80	85	90	90	95
-	Số hộ dân được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	1.000 hộ	2.191,66	1.947,63	2.008,64	2.069,64	2.069,64	2.130,65
+	Khu vực đô thị	1.000 hộ	971,52	971,52	971,52	971,52	971,52	971,52
+	Khu vực nông thôn	1.000 hộ	1.220,13	976,11	1.037,11	1.098,12	1.098,12	1.159,13
12	Tổng công suất xử lý nước thải đô thị	M3	546,30	276,30	276,30	276,30	314,30	314,30
13	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%	50-55	28,8	28,8	28,8	30,9	40,0
14	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	100	100	100	100	100	100
15	Xử lý chất thải rắn (CTR)							
-	Tỷ lệ CTR sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%	100	99-100	100	100	100	100
-	Tỷ lệ CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định	%	100	91-99	95-100	95-100	95-100	95-100
16	Khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng	1.000 tấn	3.565,33	387,58	577,76	1.050,00	1.050,00	1.200,00
17	Số CCN có hệ thống XLNT tập trung	Cụm	100	92,5	95	100	100	100
18	Tổng chiều dài đường đô thị	Km		985,91	1.048,14	1.114,30	1.114,30	1.170,02
19	Tổng số nhà ở hoàn thành trong năm		152.803	4.563	8.692	10.312	10.312	48.000
-	Căn hộ	Căn hộ	126.950	4.094	7.317	5.889	5.889	-
-	Căn nhà	Căn nhà	25.853	469	1.375	4.423	4.423	-
20	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	1.000 m2	21.500,00	438,76	1.480,17	2.465,00	2.465,00	6.130,00
21	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm							
-	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Nhà ở	16.300	1.234	2.934	495	495	3.900
-	Tổng số diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	1.000 m2	1.215,00	88,21	257,27	32,00	32,00	356,00

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
22	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² /người	29,5	27,3	27,6	28,2	28,6	29,0
23	Chiều dài đường bộ hiện có và năng lực tăng thêm đường bộ							
	- Chiều dài đường bộ hiện có	Km		23.395,00	23.420,37	23.445,77	23.445,77	
	- Năng lực tăng thêm đường bộ	Km			25,37	25,40	25,40	
24	Vận tải hành khách							
	- Số lượt hành khách vận chuyển	Hành khách		218.794	303.396	303.396	336.033	386.438
	- Số lượt hành khách luân chuyển	Hk.Km		6.478	9.187	9.187	10.072	11.583
25	Vận chuyển hàng hoá							
	- Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 tấn		857.595	1.216.801	1.216.801	1.396.131	1.605.551
	- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	Tấn.Km		81.389	118.203	118.203	129.446	148.863
26	Vận tải hành khách bằng xe buýt công cộng	Triệu lượt		202,7	339,9	479,5	468,2	491,6
27	Vận tải HK trên tuyến đường sắt đô thị	Triệu lượt		0,87	8,2	10,7	10,8	11,3
28	Số lượng xe ô tô tham gia giao thông	1.000 xe		996,22	1.062,42	1.115,54	1.115,54	1.171,32
29	Số lượng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông	1.000 xe		6.360,49	6.566,82	6.895,16	6.895,16	7.239,92
30	Số xã NTM nâng cao	Xã	156	19	63	61	61	40
31	Số xã NTM kiểu mẫu	Xã	76	5	15	33	33	35
32								
	- Số vụ tai nạn giao thông	Vụ		827	812	771	771	732
	- Số người chết do tai nạn giao thông	Người		350	410	389	389	369
	- Số người bị thương do tai nạn giao thông	Người		547	574	545	545	517
33	Số vụ cháy, nổ	Vụ		355	386		Giảm so với năm 2022	Giảm so với năm 2023
	- Số thiệt hại về tài sản do cháy, nổ	Tỷ đồng		26,5	19		Giảm so với năm 2022	Giảm so với năm 2023
	- Số người chết do cháy, nổ	Người		12	23			
	- Số người bị thương do cháy, nổ	Người		23	17			
IV. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH								
1	Tỷ lệ dịch vụ công được áp dụng trực tuyến mức độ 4 được triển khai	%						
2	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Hồ sơ						

T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	KH 2023	ƯTH 2023	KH 2024 (PA1)
3	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%						
4	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công mức độ 4	%						
5	Số đoàn ra của Thành phố	Đoàn	50	0	12	10	16	
6	Số đoàn vào của Thành phố	Đoàn	40	0	2	10	10	
7	Số thỏa thuận quốc tế đã ký kết	Văn bản	21	1	3	7	7	
8	Số hội nghị, hội thảo quốc tế Thành phố cấp phép tổ chức	Cuộc	876	24	202	200	250	
9	Cấp phép hoạt động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Hồ sơ	600	38	102	150	150	
10	Chỉ số PCI	/63		10	20	Tăng 5 bậc trở lên	Tăng 5 bậc trở lên	Trong top 10 tỉnh, TP dẫn đầu cả nước
11	Chỉ số PAPI	/63	Tăng 5 bậc/năm	9	12	Tăng tối thiểu 5 bậc	Trong nhóm 1	Trong nhóm 1
12	Chỉ số SIPAS	/63		30	30	Trên 83%	Trên 83%	Trên 85%
13	Chỉ số PAR Index	/63	Top 10	10	3	Top 10	Top 10	Top 10
14	Thanh tra hành chính	Cuộc		352	339	158	316	340
15	Thanh, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc		19.788	19.942	8.924	17.848	18.500
16	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Đơn		11.340	7.242	5.664	11.328	11.500
17	Kết quả xử lý đơn khiếu nại	Đơn		2.019	2.217	1.140	2.280	2.250
18	Kết quả xử lý đơn tố cáo	Đơn		1.498	1.145	700	1.400	1.200
19	Số vụ tội phạm về trật tự xã hội	Vụ		3.873	3.929		Giảm 5%	Giảm 5%
20	Tỷ lệ điều tra khám phá án	%		87,1	87,3		≥ 75	≥ 75
21	Số vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	Vụ		225	276	-	-	-
22	Tỷ lệ điều tra, khám phá vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%		98,6	97,8	-	> 90%	> 90%

Phụ lục 05: Chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của Thành phố Hà Nội
(Kèm theo Báo cáo số **429** /BC-UBND ngày **18/11/2023** của UBND thành phố Hà Nội)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2021-2025	ƯTH 2023	KH 2024	Ghi chú
1	Tốc độ tăng GRDP	%	7,5-8,0	6,11	6,50 - 7,00	
-	Dịch vụ	%	8,0-8,5	6,87	6,65 - 7,23	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	3,5-4,0	2,99	4,50 - 4,50	
-	Công nghiệp	%	7,5-8,0	5,17	7,00 - 7,50	
-	Xây dựng	%	10-10,5	6,75	8,00 - 8,50	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,5-3,0	2,53	2,50 - 3,00	
2	GRDP bình quân đầu người	Tr.đồng	192-196	150,0	160,8 - 162,0	
3	Vốn đầu tư TH trên địa bàn tăng	%		9,0	10,5 - 11,5	2021-2025: 3,1 triệu tỷ đ
4	Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng	%	-	1,0	4,0 - 5,00	
5	Chỉ số giá tiêu dùng	%	-	< 4,5	< 4,0	
6	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%	0,1	0,10	0,15	
7	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước	%	0,1	0,10	0,1	
8	Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	84,5	100	
9	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,15		94,5	
10	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực LLLĐ trong độ tuổi lao động	%	47,0	43,0	45,0	
11	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực LLLĐ trong độ tuổi lao động	%	3,0	2,0	2,5	
12	Tỷ lệ đối tượng tham gia BH thất nghiệp trên LLLĐ trong độ tuổi lao động	%	40,0	39,5	40,0	
13	Giảm số hộ nghèo so với đầu năm	Hộ	0	734	300-400	
14	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 3	2,97	< 3,0	
15	Tỷ lệ lao động (đang lv) qua đào tạo	%	75-80	73,2	74,2	
-	Tỷ lệ LĐ có bằng cấp, chứng chỉ	%	55-60	52,5	54,0	

TT	CHIẾ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2021-2025	ƯTH 2023	KH 2024	Ghi chú
16	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	80-85	75,4	78,5	
-	Số trường công lập đạt CQG công nhận mới (lần đầu)	Trường		130	114	
-	Số trường công lập đạt CQG được công nhận lại	Trường		270	300	
17	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	86-88	88,0	88,0	
18	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	65	64,0	64,5	
19	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	75	73,5	74,0	
20	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%	100			
-	Khu vực đô thị	%	100	100	100	
-	Khu vực nông thôn	%	100	90	95	
21	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày					
-	Khu vực đô thị	%	100	100	100	
-	Khu vực nông thôn	%	100	95-100	95-100	
22	Xử lý ô nhiễm môi trường					
22.1	Tỷ lệ CCN có trạm XLNT đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng		100			
-	Với CCN xây dựng mới	%	100	100	100	
-	Với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động	%	100	100	100	
22.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	99	99	
22.3	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	%	100	100	100	
22.4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	50-55	30,9	40,0	
23	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	30-35	19,8-20,1	22-25	
24	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM					
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	xã	156	61	40	
-	Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	xã	76	33	35	

Phụ lục 06: Kết quả các chỉ số PCI và PAPI của Hà Nội năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số 429 /BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

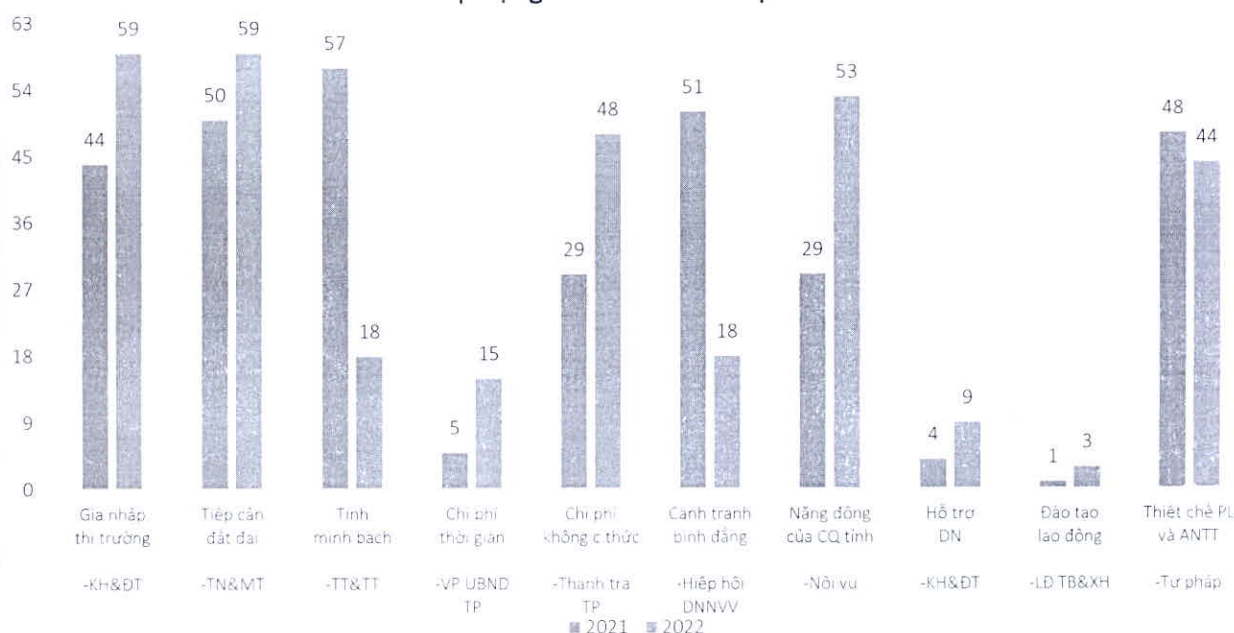
1. Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Môi trường đầu tư, kinh doanh do cộng đồng doanh nghiệp đánh giá hàng năm được phản ánh rõ nhất qua chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). PCI gồm 10 chỉ số thành phần, được khảo sát với sự tham gia của gần 12.000 doanh nghiệp đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp trên 63 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PCI của Hà Nội tăng hạng và giữ vị trí thứ 9/63 tỉnh, thành phố trong các năm 2018, 2019, 2020 nhưng lại giảm sau đó. Năm 2021 giảm 1 bậc (xếp thứ 10/63). Năm 2022 tiếp tục giảm sâu 10 bậc (xếp thứ 20/63); trong đó: có 02 chỉ số thuộc top 10 cả nước, 07 chỉ số giảm hạng so với năm 2021 (xem Biểu đồ dưới đây):

- (1) Chi phí gia nhập thị trường giảm 15 bậc (xếp thứ 59/63);
- (2) Tiếp cận đất đai giảm 09 bậc (xếp thứ 59/63);
- (3) Chi phí thời gian giảm 10 bậc (xếp thứ 15/63);
- (4) Chi phí không chính thức giảm 19 bậc (xếp thứ 48/63);
- (5) Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh giảm 24 bậc (xếp thứ 53/63);
- (6) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giảm 05 bậc (xếp thứ 09/63);
- (7) Đào tạo lao động giảm 02 bậc (xếp thứ 03/63).

Biểu đồ: Xếp hạng các chỉ số thành phần PCI năm 2021 và 2022

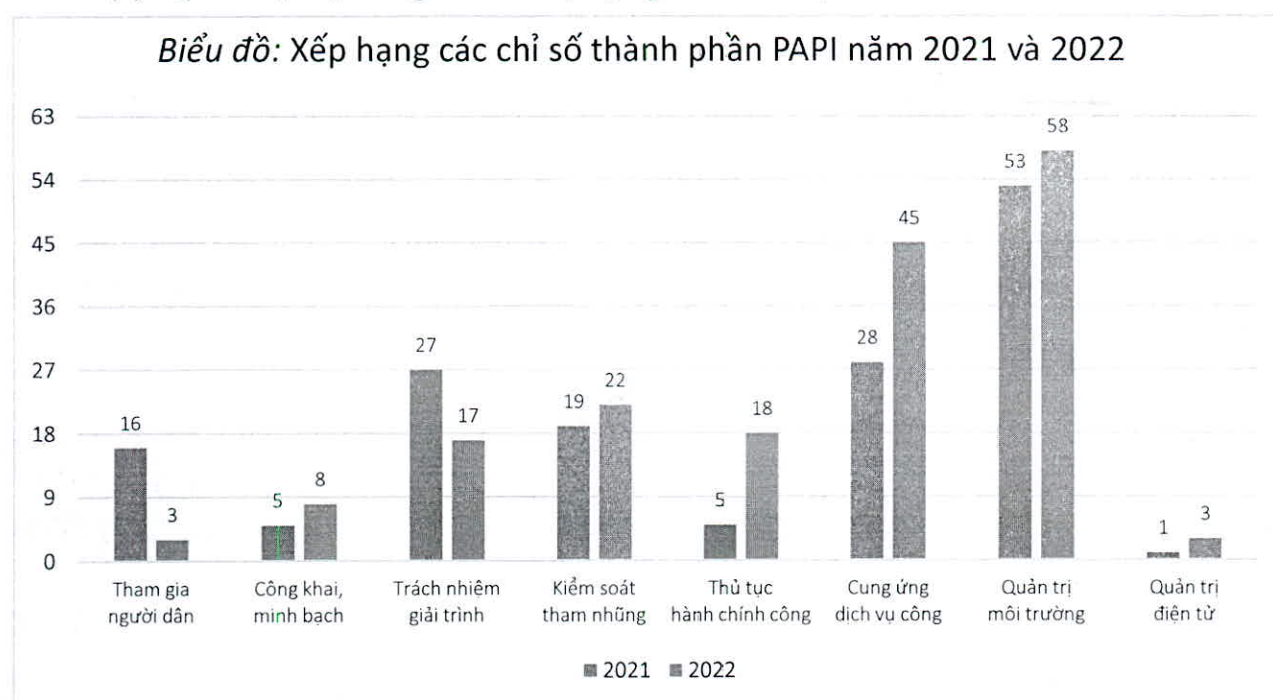


2. Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)

Mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp được phản ánh tổng hợp qua Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). PAPI gồm 8 chỉ số thành phần, được khảo sát với quy mô mẫu trên 16.000 người dân từ 18 tuổi trở lên tại 63 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PAPI của Hà Nội tăng hạng từ vị trí thứ 58 (năm 2016) lên vị trí thứ 9 (năm 2021) nhưng năm 2022 lại giảm 3 bậc (tuy nhiên vẫn trong nhóm dẫn đầu cả nước); trong đó: có 03 chỉ số trong top 10 cả nước, 06 chỉ số giảm hạng so với năm 2021 (xem Biểu đồ dưới đây):

- (1) Công khai, minh bạch giảm 03 bậc (xếp thứ 08/63);
- (2) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công giảm 03 bậc (xếp thứ 22/63);
- (3) Thủ tục hành chính công giảm 13 bậc (xếp thứ 18/63);
- (4) Cung ứng dịch vụ công giảm 17 bậc (xếp thứ 45/63);
- (5) Quản trị môi trường giảm 05 bậc (xếp thứ 58/63);
- (6) Quản trị điện tử giảm 02 bậc (xếp thứ 03/63).



Phụ lục 07: Công trình trọng điểm

(Kèm theo Báo cáo số **429** /BC-UBND ngày **18** /11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

1. Tiến độ triển khai các công trình trọng điểm đến thời điểm hiện nay

Đến nay có 17 dự án đang triển khai (đã được phê duyệt dự án) trong đó 02 dự án đã hoàn thành (Cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2 và Tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở). Gồm 13 dự án có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước ; 04 dự án đầu tư theo hình thức PPP và xã hội hóa.

14 dự án có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê dự án.

11 dự án chưa phê chủ trương đầu tư. Trong đó có 8 dự án dự kiến sử dụng ngân sách Nhà nước và 03 dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

2. Về tiến độ triển khai theo nguồn vốn

(1) Đối với 35 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

- Dự án chuyển tiếp: Có 08 dự án¹ đang triển khai thực hiện. Trong đó dự án Cầu Vĩnh Tuy – giai đoạn 2 đã được thông xe trong dịp 02/9/2023.

- Dự án mới: Có 27 dự án, trong đó đến nay có:

+ 19 dự án² đã được phê duyệt chủ trương đầu tư bao gồm 04 dự án được phê tại kỳ họp tháng 9/2023 của HĐND Thành phố (trong đó có 05 dự án đã có quyết định phê duyệt dự án và 02 dự án thành phần 1.1 và 2.1 của dự án xây dựng đường Vành đai 4 – vùng Thủ đô).

+ 07 dự án³ đã được giao nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

+ 01 dự án đang hoàn thiện hồ sơ đề tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định giao nhiệm vụ (Xây dựng trường Đại học Thủ đô).

(2) Đối với 01 dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng): Đã được triển khai từ giai đoạn trước và hoàn thành cuối năm 2022.

¹ (1) Bệnh viện nhi Hà Nội; (2) Cung thiếu nhi Hà Nội; (3) Khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn GĐ II; (4) Trạm bơm tiêu yêu Nghĩa; (5) Cầu Vĩnh tuy GĐ 2; (6) Đường Tây Thăng Long, đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng; (7) Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá; (8) Tuyến đường sắt đô thị Nhổn – Ga Hà Nội;

² (1) Trụ sở Bộ công an số 44 Yên Kiêu, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1); (2) Mở rộng trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1); (3) Bệnh viện Tim Hà Nội; (4) Bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu; (5) Đền thờ Đức vua Ngô Quyền; (6) Nhà trưng bày Hoàng Cung Thăng Long; (7) Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong; (8) Quốc lộ 6: Ba La – Xuân Mai; (9) Tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn từ QL21 đến cao tốc Hà Nội – Hòa Bình; (10) Vành đai 3,5: Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức; (11) Tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường VĐ 3; (12) Đường Vành đai 4 - vùng Thủ đô; (13) Cầu Vân Phúc; (14) Đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm); (15) Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Dính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa; (16) Bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2; (17) Hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhuệ; (18) Thoát nước quân Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ; (19) Công trình đầu mối Liên Mạc

³ (1) Bảo tồn phục dựng hòa, hệ thống thủy văn tại khu di tích Cổ Loa; (2) Phục dựng điện Kính Thiên; (3) Hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1); ; (4) Cầu Tứ Liên; (5) Đường 70: đoạn Hà Đông – Văn Điển; (6) Cầu Trần Hưng Đạo; (7) Tuyến đường sắt đô thị số 5.

(3) Đối với 06 dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa:

01 dự án (Khu công nghiệp Sóc Sơn) đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư; 02⁴ dự án đã được UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư; 01 dự án (Nhà hát Opera và Khu văn hóa đa năng Quảng An): Sở Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến của các sở, ngành, đơn vị có liên quan trước khi tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định; 01 dự án (Tháp tài chính hỗn hợp đa năng nằm trong dự án Thành phố Thông minh đã được UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư): Hiện đang đang thực hiện các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư; 01 dự án (Xây dựng hạ tầng Khu công viên phần mềm): Chưa có hồ sơ đề xuất.

3. Về bố trí kế hoạch vốn năm 2023 và giải ngân

Năm 2023, Thành phố đã bố trí vốn cho 13 dự án trọng điểm với số vốn kế hoạch là 12.315 tỷ đồng. Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ là 2.400 tỷ đồng; Vốn ODA cấp phát là 2.194 tỷ đồng; ODA vay lại là 1.066 tỷ đồng; Ngân sách Thành phố là 6.655 tỷ đồng.

- Lũy kế giải ngân của các công trình trọng điểm đến ngày 24/10/2023 là 6.689 tỷ đồng đạt 54,3% kế hoạch./.

⁴ Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy; Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia

Phụ lục 08: Tiến độ dự án đường vành đai 4 – vùng Thủ đô

(Kèm theo Báo cáo số ~~429~~ /BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

1. Công tác giải phóng mặt bằng

Đã phê duyệt và thu hồi đất được 726,61/791,40 ha, đạt 91,81% (Sóc Sơn 48,05/48,23 ha; Mê Linh 124,70/141,50 ha; Đan Phượng 70,30/72,40 ha; Hoài Đức 216,45/239,63 ha; Hà Đông 65,36/68,16 ha; Thanh Oai 79,89/86,94 ha; Thường Tín 121,86/134,54 ha). Tổng số mộ đã di chuyển: 6.621/9.378 ngôi, đạt 70,6% (Sóc Sơn 894/898 ngôi; Mê Linh 366/366 ngôi; Đan Phượng 886/1.678 ngôi; Hoài Đức 1.585/2.513 ngôi; Hà Đông 318/1.327 ngôi; Thanh Oai 498/503 ngôi và Thường Tín 2.074/2.093 ngôi). Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đã nhận 654,094/726,61 ha, đạt 90,02% diện tích đất đã thu hồi GPMB.

Đã khởi công, đang thực hiện 09/13 khu tái định cư: Mê Linh (01/03 khu), Đan Phượng (01/02 khu), Hoài Đức (02/02 khu), Thanh Oai (01/02 khu), Thường Tín (đang thực hiện 03 khu, đã hoàn thành 01 khu trên tổng số 04 khu).

2. Tình hình thực hiện các dự án thành phần

a) *Dự án thành phần 2.1:* Các nhà thầu thi công đã hoàn thiện các thủ tục thi công xây dựng và đang tổ chức 29 mũi thi công, bao gồm 21 mũi thi công đường và 08 mũi thi công cầu. Đã thi công bóc đất hữu cơ lên khuôn đường khoảng 126.465/712.468 m³, đắp cát nền đường K95 khoảng 90.839/1.850.208 m³, đang triển khai thi công cắm bậc thấm và cọc thử cọc đất xi măng xử lý nền đất yếu; thi công cọc khoan nhồi và đúc dầm các cầu: Cà Lồ, sông Nhuệ, sông Tô Lịch, Khê Tang,...

b) *Dự án thành phần 3:* UBND Thành phố đã hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 3 theo Thông báo số 35/TB-BKHĐT ngày 29/8/2023 và đã có Văn bản số 3517/UBND-ĐT ngày 20/10/2023 kèm theo Tờ trình số 388/TTr-UBND ngày 18/10/2023 gửi Hội đồng thẩm định Nhà nước.

3. Tình hình giải ngân, thanh toán: Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay là 9.178,759 tỷ đồng (bao gồm 9.148,816 tỷ đồng vốn ngân sách Thành phố và 29,943 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương), đã giải ngân 6.659,54 tỷ đồng, đạt 72,55%, trong đó Ban QLDA đã giải ngân 953,14 tỷ đồng và các quận, huyện đã giải ngân là 5.706,4 tỷ đồng.

4. Khó khăn, vướng mắc:

- Các địa phương mới hoàn thành GPMB chủ yếu thuộc phạm vi đất nông nghiệp; chưa hoàn thành GPMB để bàn giao đối với đất ở, đất tín ngưỡng, đất hộ gia đình, tổ chức; chưa hoàn thành công tác xây dựng các khu TĐC.

- Tổng số mộ chí chưa được di chuyển còn lại rất lớn (2.782 ngôi).

- Công tác di chuyển các công trình hạ tầng kỹ thuật (công trình ngầm, nổi) thực hiện còn rất chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác triển khai thi công.

- Dự án thành phần 3 là dự án hình thức PPP đầu tiên được triển khai sau khi Luật đầu tư PPP có hiệu lực. Theo đó việc triển khai dự án còn vướng mắc một số bất cập của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Luật PPP, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 các thông tư hướng dẫn).

5. Nhiệm vụ năm 2024: Hoàn thành công tác lựa chọn nhà đầu tư và khởi công thi công xây dựng hệ thống đường cao tốc thuộc Dự án thành phần 3 đầu tư theo phương thức PPP./.

Phụ lục 09: Tình hình thực hiện nhiệm vụ tại
Chương trình hành động 02/CTr-UBND ngày 01/02/2023 của UBND Thành phố
(Kèm theo Báo cáo số 429 /BC-UBND ngày 18/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Sở, Ban, ngành	Tổng số	Kết quả thực hiện nhiệm vụ đến nay					
			Đang TH theo tiến độ	Đang TH (quá hạn)	Xin thôi TH	Đang trình	Hoàn thành	Nhiệm vụ quá hạn số:
1	VP UBND Thành phố	2					2	
2	Bộ Tư lệnh Thủ đô	1					1	
3	Công an Thành phố	6		3	1		2	112,113, 117
4	Sở Công thương	18	17				1	
5	Sở Du lịch	5	2				3	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	4			1		3	
7	Sở Giao thông Vận tải	5		4			1	50,51, 53,54
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5					5	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	1					1	
10	Sở Lao động TB&XH	5					5	
11	Sở Ngoại vụ	2					2	
12	Sở Nội vụ	1					1	
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	4				1	
14	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	4	2				2	
15	Sở Tài chính	3					3	
16	Sở Tài nguyên&Môi trường	6	4	1			1	99
17	Sở Thông tin&Truyền thông	2	1				1	
18	Sở Tư pháp	2	2					
19	Sở Văn hóa và Thể thao	10		6			4	66,67,68,69,70
20	Sở Xây dựng	7	2	3			2	39
21	Sở Y tế	5		2			3	93,94
22	Bảo hiểm xã hội Thành phố	1					1	
23	Ngân hàng CSXH Tp HN	3					3	
25	Viện Nghiên cứu PT KTXH	4	3				1	
27	Ban Quản lý các KCN & CX	3	2				1	
28	BQL đường sắt đô thị	4	4					
29	Các sở, ban ngành TP, UBND quận, huyện, thị xã	4	2				2	
TỔNG SỐ		118	45	19	2	0	52	

Đến 10/11/2023: Có 52/118 nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ; 19/118 nhiệm vụ quá hạn (16,1%), trong đó, nhiều nhiệm vụ quá thời hạn rất lâu; nhiệm vụ xác định hoàn thành Quý I/2023 nhưng đến nay chưa hoàn thành như: Xây dựng phương án vé liên thông đa phương thức cho hệ thống Vận tải HKCC; Đề án giao thông thông minh trong thành phố thông minh (Sở GTVT chủ trì); Đề án đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã theo hướng đảm bảo tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân (Sở Y tế chủ trì); Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bấy - Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021-2025 (Sở TN&MT chủ trì)...

Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện chính trị quan trọng; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động; không để hình thành công khai các tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn. Tập trung đấu tranh với các loại tội phạm về tệ nạn xã hội, kiểm chế gia tăng tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội, phấn đấu năm 2024 kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội ít nhất 5%; tỷ lệ điều tra khám phá án chung đạt 75% trở lên; riêng án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 90% trở lên. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phấn đấu 100% công dân trên địa bàn Thành phố đủ điều kiện cấp cấp danh tính số.

Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 20/9/2023 của Thành ủy Hà Nội về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khắc phục các vi phạm, sơ hở về phòng cháy, chữa cháy; xử lý nghiêm các vi phạm; phấn đấu giảm về số vụ và thiệt hại về cháy nổ.

3.12. Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, các Ban của HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; nâng cao vai trò của mỗi cơ quan trong việc phối hợp công tác, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, đột xuất; nâng cao hiệu quả công tác tiếp xúc cử tri theo quy định; công tác phản biện xã hội đối với những quyết định lớn của HĐND, UBND Thành phố. Quan tâm tiên độ, chất lượng trả lời và phối hợp giải quyết những vấn đề dân sinh bức xúc. Phối hợp tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nếp sống văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Phối hợp triển khai công tác đảm bảo an sinh xã hội, vận động ủng hộ người nghèo,... phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2024 và những năm tiếp theo. /.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP UBND TP; CVP, các PCVP, TH, KTTH;
- Lưu VT, KHTH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải 



Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét các báo cáo của UBND Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố; Cục Thi hành án dân sự Thành phố; các báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (KTXH) năm 2024 của thành phố Hà Nội với mục tiêu tổng quát và chỉ tiêu chủ yếu cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô. Đẩy mạnh và tạo chuyển biến tích cực hơn trong thực hiện các khâu đột phá, cơ cấu lại kinh tế Thủ đô gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực nội tại của kinh tế Thủ đô. Đẩy mạnh CCHC gắn với chuyển đổi số; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PCI, PAR-Index, SIPAS. Quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; thúc đẩy hạ tầng và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng thành phố thông minh. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ và phát triển hạ tầng đô thị; triển khai thực hiện các quy hoạch được duyệt. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đảm bảo quốc phòng, quân sự địa phương và giữ vững trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện năm chủ đề “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển”.

2. Thông qua 24 chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế-xã hội năm 2024, trong đó: GRDP tăng 6,5-7,0%; GRDP/người 160-162 triệu đồng; Vốn đầu tư thực hiện tăng 10,5-11,5%; Kim ngạch xuất khẩu tăng 4-5%; Kiểm soát chỉ số giá dưới 4%; Giảm 300-400 số hộ nghèo... (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Bảo đảm mục tiêu tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và các cân đối lớn của kinh tế Thủ đô

Thực hiện hiệu quả, kịp thời chính sách của Trung ương về lãi suất, tín dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và các lĩnh vực ưu tiên đủ nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ để hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững; thực hiện rà soát lại thuế khoán, trước mắt tập trung vào một số lĩnh vực và địa bàn các quận và các thị trấn. Thực hiện tốt các chính sách về miễn, giảm, gia hạn các loại thuế, phí, lệ phí để góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Đảm bảo cân đối cung - cầu, nhất là cân đối về xăng, dầu và các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kiểm soát tốt giá cả, thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tuyên truyền sử dụng tiết kiệm điện; thực hiện các giải pháp kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác đẩy mạnh cơ hội hợp tác, xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường, về đăng ký, bảo hộ và phát triển thương hiệu, về áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường các đơn hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng từ 4-5%.

2. Cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

Phát triển thương mại, dịch vụ: Nâng cao năng lực nội tại của ngành; chú trọng xây dựng cơ chế thúc đẩy xúc tiến, thương mại, kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại. Có giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng thương mại trên địa bàn; kêu gọi đầu tư Dự chợ đầu mối quốc tế nông sản tại thành phố Hà Nội (tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm), chợ đầu mối nông sản tổng hợp tại huyện Mê Linh và 01 dự án Outlet. Củng cố hệ thống các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Nghiên cứu, xây dựng các khu mua sắm cho giới giàu và siêu giàu trong nước và quốc tế. Khai thác các lợi thế từ các hiệp định thương mại, lợi thế địa kinh tế của Thành phố thông qua phát triển và vận hành trung tâm lưu chuyển hàng hóa, trung tâm logistics cung ứng các dịch vụ hỗ trợ cho thương mại. Triển khai các chương trình tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa thông qua các kênh thương mại điện tử; sử dụng logistics điện tử trong giao nhận hàng hóa, sản phẩm. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng 11%.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng điểm đến du lịch, nâng cao chất lượng hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với hoạt động trải nghiệm, mô hình mới; khai thác tốt hiệu quả không gian phố đi bộ gắn với các tuyến phố ẩm thực, biểu diễn văn hóa theo chủ đề để trở thành điểm nhấn riêng. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trọng điểm trong cả nước nhằm quảng bá điểm đến và xây dựng tour du lịch có tính kết nối cao. Thực hiện tuyên truyền, quảng bá mạnh mẽ hình ảnh du lịch, các điểm, sản phẩm du lịch mới của Thủ đô trên các kênh truyền thông, truyền hình trong nước và quốc tế, các website, các nền tảng mạng xã hội. Đổi mới các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, kêu gọi các hoạt động đầu tư về du lịch. Phấn đấu năm 2024 thu hút: 4,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trong đó khoảng 3,2 triệu khách có lưu trú; 21 triệu khách du lịch nội địa.

Phát triển công nghiệp, xây dựng: Hình thành và phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số ngành, sản phẩm công nghiệp ưu tiên có lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và giá trị cao trong chuỗi sản xuất. Năm 2024, phấn đấu thu hút sự tham gia của 20-25 doanh nghiệp với khoảng 30-35 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cụm công nghiệp đang hoạt động và chuyển đổi số cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp. Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, hướng dẫn xây dựng, phát triển mô hình Trung tâm thiết kế sáng tạo. Áp dụng thực hiện mô hình điển hình chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn theo hướng bền vững. Có các giải pháp an toàn điện, quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm điện, thúc đẩy phát triển năng lượng mới và tái tạo. Phấn đấu đạt mức tiết kiệm năng lượng từ 1,4% - 1,8% so với mức năng lượng dự báo nhu cầu; 80% doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và 70% các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn về sinh thực phẩm gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, hình thành thêm các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình trồng trọt từ vô cơ sang hữu cơ. Chuyển đổi các diện tích sản xuất lúa tại các vùng khó khăn về tưới tiêu sang cây trồng khác có giá trị kinh tế. Giảm dần diện tích trồng lúa, năm 2024 đạt 150.000 ha, phát triển theo hướng tăng cơ cấu giống lúa chất lượng cao; mở rộng diện tích gieo trồng cây rau, hoa, cây ăn quả. Hoàn thiện Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025. Đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh; thực hiện không chăn nuôi trong khu dân cư, di dời các cơ sở chăn nuôi, điểm chăn nuôi nhỏ lẻ ra xa khu dân cư; phát triển đàn vật nuôi ổn định. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu nội ngành chăn nuôi, tăng tỷ trọng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản; khuyến khích

nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng nuôi thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP).

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có theo hướng kinh doanh rừng bền vững, tăng giá trị kinh tế đất trồng rừng. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành mục tiêu tỷ lệ cây xanh 8-10m²/người và tỷ lệ độ che phủ rừng 5,6-6,2% vào năm 2025.

Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm (ATTP) liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Xây dựng các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng, minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm bảo đảm ATTP. Phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo thị trường tiêu thụ ổn định, quy mô lớn. Áp dụng các công nghệ, thiết bị thông minh trong việc quản lý, điều khiển môi trường nuôi trồng, giúp giảm nhân công lao động, tăng chất lượng và sản lượng nông sản. Phấn đấu đến hết năm 2024 có thêm 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung hoàn thiện và tổ chức đánh giá xếp hạng ít nhất khoảng 400 sản phẩm mới, ưu tiên sản phẩm từ ý tưởng, đặc sản các vùng miền, làng nghề có thương hiệu.

Phát triển mô hình kinh tế mới: Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế chia sẻ và kiểm soát rủi ro. Phát triển loại hình kinh tế đêm thông qua các loại hình dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí... Thúc đẩy phát triển kinh tế số, thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách thể chế phục vụ cho phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) gắn với chuyển đổi số; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức

Xây dựng chính quyền địa phương tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Các ngành, các cấp triển khai nhiệm vụ phụ trách bằng kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm; giám sát và báo cáo thực hiện định kỳ nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Triển khai hiệu quả Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Phấn đấu năm 2024, hoàn thiện đề án đầu tư, phát triển đưa các huyện Hoài Đức, Thanh Trì lên quận.

Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), quy định kinh doanh gắn với chuyển đổi số, phân cấp trong giải quyết TTHC. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại liên kết đồng bộ, hiệu quả, tổng thể, bao trùm, xuyên suốt; nâng cao mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin của các sở, ban ngành, địa phương; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu. Phấn đấu năm 2024, 100% hồ sơ công việc tại cấp Thành phố, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ

sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Thành phố. Hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố. Triển khai đồng bộ các giải pháp về cải thiện, nâng cao các Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền giai đoạn 2021-2025; cải thiện, nâng cao các chỉ số CCHC, chỉ số Hải lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số Quản trị và Hành chính công (PAPI).

Đưa vào sử dụng, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức Thành phố. Hoàn thành dự án “Lập mới, bổ sung, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp thuộc thành phố Hà Nội”. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị; phê duyệt vị trí việc làm các Sở ngành, đơn vị theo hướng dẫn của Trung ương; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024); triển khai thực hiện sau khi Luật được thông qua. Tiếp tục thực hiện hiệu quả kế hoạch của UBND Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; chất lượng các dịch vụ công lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường quản lý nhà nước kết hợp với phát huy vai trò tự quản của các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

4. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; nâng cao thứ hạng các chỉ số PAPI, PCI, PARIndex, SIPAS

Nâng cao các chỉ số đo lường mức độ hiệu quả của quản trị, hành chính, mức độ cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh; Tháo gỡ về thủ tục cho các nhà đầu tư; chú trọng các dự án lớn để tập trung hoàn thành thủ tục đẩy nhanh tiến độ cấp phép và triển khai thực hiện dự án. Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; các giải pháp tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý. Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm nhằm hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Tăng tốc hoạt động chuyển đổi số và xây dựng hạ tầng số bảo đảm điều kiện phục vụ các nhiệm vụ phát triển nền tảng số, dữ liệu số. Thực hiện hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính liên thông 3 cấp; phần mềm quản lý văn bản; phần mềm quản lý đảng viên bảo đảm hoạt động của chính quyền công khai minh bạch, hiệu lực.

Phát triển đồng bộ hạ tầng kết nối, hạ tầng đô thị và hạ tầng công nghiệp; Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực của kinh tế tư nhân. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế; hình thành mô hình doanh nghiệp hiện đại, gắn kết vào mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài về chiều sâu, xây

dựng và triển khai các biện pháp thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia vào đầu tư, kinh doanh tại Thủ đô.

5. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; thúc đẩy hạ tầng và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng thành phố thông minh

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch về “Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh giai đoạn 2021-2025”; Nghị quyết số 09-NQ/TU của Thành ủy về phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô với định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2024).

Đổi mới phương thức hoạt động của các nhà hát; Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật Thủ đô. Quan tâm, chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng. Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, hoàn thành cơ chế quản lý, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Nâng cao chất lượng các mô hình văn hóa; Đánh giá việc triển khai thực hiện “*Quy tắc ứng xử của cán bộ, công nhân viên chức người lao động cơ quan Hà Nội*” và “*Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội*”; Phát huy hiệu quả của quy ước, hương ước và các giá trị văn hóa truyền thống trong việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí thí điểm và lộ trình thực hiện các “tiêu chí về tầm ảnh hưởng” và “tiêu chí đáng sống” để phù hợp với các đô thị lớn khác trên thế giới.

Tập trung phát triển những môn thể thao là thế mạnh của Hà Nội. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội để trở thành trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao của cả nước và khu vực.

Nâng cao chất lượng toàn diện để tạo đà bứt phá trong ngành giáo dục. Chú trọng rà soát sắp xếp mạng lưới trường lớp và hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên của Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục toàn diện với việc xây dựng mạng lưới hỗ trợ phát triển giáo dục giữa cộng đồng với nhà trường. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo. Thí điểm triển khai một số mô hình trường học mới của các cấp; tiếp tục triển khai mô hình trường công lập tự chủ chất lượng cao, trường học điện tử, trường học thông minh. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục theo hướng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Phát triển đội ngũ giáo nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng; Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức

giáo viên theo quy định; Đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 139/KH-UBND về Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo. Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục và đào tạo theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và chuẩn hóa. Hoàn thành xây dựng 07 trường phổ thông liên cấp tiên tiến, hiện đại thuộc Chương trình số 06-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ trường mầm non công lập, tiểu học công lập, THCS công lập, THPT công lập đạt CQG đạt 80-85%; năm 2024 công nhận mới tăng thêm 114 trường.

Phát triển hệ thống y tế Thủ đô hiện đại, chăm sóc toàn diện, nâng cao sức khỏe nhân dân. Duy trì tốt hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm. Nâng cao chất lượng tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm y tế và phòng khám đa khoa nhằm thu hút người bệnh đến khám chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở. Phấn đấu Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa đạt trên 70%; Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 45%; Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%. Thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn, bố trí số lượng người hành nghề để đảm bảo hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh tại các trạm y tế, phòng khám đa khoa. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 15,8 bác sỹ/vạn dân. Đẩy mạnh triển khai trạm y tế theo nguyên lý Y học gia đình, thực hiện quản lý các bệnh không lây nhiễm, quản lý sức khỏe người dân (cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử khi có phần mềm của Bộ Y tế). Xây dựng thí điểm bệnh viện đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế JCI (hệ thống tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng dịch vụ y tế). Nâng cao chất lượng công tác dân số; trong đó, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; bảo đảm mức sinh thay thế, đưa tỷ lệ giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Phấn đấu giảm 0,1% tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm 2023. Phát triển các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm các tật, bệnh bẩm sinh, hỗ trợ sinh sản. Phát triển chuyên ngành lão khoa tại các cơ sở y tế; khuyến khích phát triển các cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc người già, người cao tuổi và triển khai các giải pháp nâng cao thể lực, tâm vóc thanh niên Hà Nội. Rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết tại các cơ sở y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh tiếp cận các dịch vụ y tế; triển khai hệ thống Telemedicine (sử dụng công nghệ để chẩn đoán bệnh hoặc theo dõi người bệnh từ xa) giữa các đơn vị trong ngành và xây dựng hệ thống y tế thông minh tại các tuyến...

Thúc đẩy hạ tầng và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ (KHCN) trong xây dựng thành phố thông minh. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho công nghiệp công nghệ số làm nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội. Hoàn thành xây dựng Đề án Thành phố thông minh thành phố Hà Nội; Bổ sung, hoàn thiện Danh mục cơ sở dữ liệu của thành phố Hà Nội. Phát triển Trung tâm dữ liệu chính, Trung tâm dữ liệu dự phòng, hướng tới hình thành trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của Thành phố. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Thành phố, từng bước chuyển đổi hạ tầng công nghệ

thông tin thành hạ tầng số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước của Thành phố. Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển công nghệ lõi, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật;... Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số...; Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đạt trên 50%. Hoàn thiện cơ chế chính sách liên quan đến đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với các chuỗi giá trị nội địa, khu vực và toàn cầu. Phát triển dịch vụ trung gian trên thị trường khoa học công nghệ. Đẩy nhanh phát triển các doanh nghiệp KHCN. Phấn đấu có 170 đơn vị được chứng nhận doanh nghiệp KHCN.

6. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp xã hội. Hỗ trợ nâng cao mức sống, tiếp tục giảm tỷ lệ hộ cận nghèo và thực hiện giảm 300-400 hộ nghèo. Phát triển thị trường lao động, hiện đại hóa nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm. Năm 2024 phấn đấu tuyển dụng 20.000 lao động, đưa 4.000 lao động đi xuất khẩu lao động thông qua tổ chức 230 phiên giao dịch việc làm, giải quyết việc làm cho 165.000 lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%. Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động. Hoàn thành Bộ định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ đào tạo các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74,2%. Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

7. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 05/5/2023 về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH T.Ư Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất; Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao quỹ đất 20%, 25% còn tồn tại để đưa vào khai thác sử dụng theo quy hoạch; Khai thác hiệu quả quỹ đất các dự án hạ tầng kỹ thuật và hai bên tuyến đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô để đấu giá nguồn đất tạo nguồn thu cho ngân sách; các đề án khai thác nguồn lực đất đai, kế hoạch đấu giá đất tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025); Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030. Xây dựng và ban hành Đề án khai thác nguồn lực đất đai. Có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chính sách đất dịch vụ trên địa bàn một số quận, huyện để hoàn thành công tác giao đất dịch vụ cho các hộ dân, cá nhân đủ điều kiện.

Xây dựng phương án thí điểm “Kiểu mẫu về môi trường triển khai công tác phân loại rác tại nguồn đồng bộ với hoạt động duy trì vệ sinh môi trường”, trong đó lựa chọn thực hiện thí điểm 01 phường/xã tại mỗi quận, huyện và Thị xã Sơn Tây. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nhà máy giai đoạn II khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn; xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Núi Thoong; phân đầu đưa Nhà máy điện rác Seraphin vào vận hành quý I/2024; lập đề án phục hồi môi trường tại các khu xử lý Nam Sơn, Xuân Sơn khi các nhà máy điện rác đi vào hoạt động. Hoàn thiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát và thực hiện hậu kiểm công tác hạn chế đốt rơm rạ, chấm dứt việc sử dụng bếp than tổ ong. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ cát theo kế hoạch. Hoàn thành công tác điều tra, khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; thực hiện giải pháp cải trừ lượng, chất nước dưới đất, chống sụt lún. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

8. Quản lý chặt chẽ và phát triển hạ tầng đô thị; triển khai thực hiện các quy hoạch được duyệt

Hoàn thành rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ nay năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe. Hoàn thành Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn Thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông và các tuyến đường sắt đô thị; đưa vào khai thác vận hành đoạn trên cao tuyến Nhổn - Ga Hà Nội; hoàn thành phê duyệt điều chỉnh dự án và triển khai đấu thầu xây dựng tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo. Nâng cao chất lượng, mở rộng vùng phục vụ, hợp lý hóa mạng lưới các tuyến xe buýt. Thay thế các phương tiện vận tải hành khách công cộng sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường sang các phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch để thu hút và khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành giao thông vận tải, xây dựng hệ thống giao thông thông minh, chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu về hạ tầng giao thông và phương tiện giao thông.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch phát triển nhà ở tái định cư thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và các mục đích khác không phải để ở; Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954; Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia thực hiện công tác cải tạo, trùng tu, chỉnh trang các biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác được xây dựng từ trước năm 1954; Quy định bàn giao, tiếp nhận, bố trí và bán nhà tái định cư.

Quản lý chặt chẽ hoạt động sử dụng tạm thời hè phố, lòng đường; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, không để tình trạng chiếm dụng hè phố, lòng đường, lề đường bộ và hành lang đường sắt để kinh doanh, buôn bán và sử dụng vào mục đích khác gây cản trở giao thông; tổ chức giải tỏa, xử lý các trường hợp lấn chiếm lòng đường, hành lang an toàn giao thông.

Tập trung hoàn thành 04 dự án phát triển nguồn cấp nước; thực hiện đầu tư đối với 08 dự án thoát nước, xử lý nước thải; đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá. Làm tốt công tác chỉnh trang đô thị; kiểm tra, khắc phục các điểm úng ngập; trồng cây xanh, cắt tỉa cây bóng mát; cải tạo, nâng cấp công viên, vườn hoa theo quy hoạch; duy trì tỷ lệ chiếu sáng đô thị; hạ ngầm dây điện, cáp viễn thông theo kế hoạch.

Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; triển khai thực hiện các quy hoạch sau khi được duyệt. Hoàn thành quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc, Sơn Tây, Sóc Sơn; quy hoạch xây dựng vùng huyện. Tăng cường lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị riêng các khu vực quan trọng nhà nước cần quản lý theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021 - 2025, các quy hoạch khác được giao từ năm 2023 về trước. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quy hoạch kiến trúc. Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc.

Triển khai nghiên cứu, xây dựng, ban hành Kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026-2030; đẩy nhanh công tác nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư, triển khai bước đầu các tuyến đường sắt đô thị, các công trình giao thông và công trình trọng điểm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố.

9. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Thực hiện tốt Luật tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài, phấn đấu năm 2024 đạt tỷ lệ trên 90%. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Chương trình số 10-Ctr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025”. Tăng cường đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm, thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức chấp hành và thực thi pháp luật. Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức phòng chống tham nhũng ở các cấp, các ngành; quan tâm xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống tham nhũng. Phát

huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông trong công tác phòng, chống tham nhũng.

10. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước; xác định rõ các mục tiêu đối ngoại trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa để chủ động xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép trong các sự kiện đối ngoại; tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên, phù hợp với đối tác, tiềm năng và nhu cầu của Thành phố. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Duy trì tăng cường, phối hợp với các cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại ở Trung ương thiết lập cơ chế cung cấp thông tin hai chiều, nắm bắt cơ hội và thúc đẩy các hoạt động xúc tiến song phương, đa phương. Tăng cường hội nhập quốc tế, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) các cam kết trong WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN.

11. Đảm bảo quốc phòng, quân sự địa phương và trật tự an toàn xã hội

Xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn Thủ đô. Phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lợi dụng khiêu khích động người, đình công, lãn công, các sự kiện chính trị, xã hội nhạy cảm để kích động biểu tình, chống đối chính quyền, gây rối an ninh, trật tự. Đảm bảo quốc phòng thường xuyên; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2024 cùng diễn tập cấp 2 (huyện Chương Mỹ, Quốc Oai, Thạch Thất); Ban hành Chỉ thị về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn Thành phố; hoàn thành chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, huấn luyện dân quân tự vệ cho 100% cơ sở. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự...

Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động; không để hình thành công khai các tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn. Nhất là đấu tranh với các loại tội phạm về tệ nạn xã hội, kiềm chế gia tăng tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội, phấn đấu năm 2024 kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội ít nhất 5%; tỷ lệ điều tra khám phá án chung đạt 75% trở lên; riêng án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 90% trở lên. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phấn đấu 100% công dân trên địa bàn Thành phố đủ điều kiện cấp cấp danh tính số.

Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 20/9/2023 của Thành ủy Hà Nội về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khắc phục các vi phạm, sơ hở về phòng cháy, chữa cháy; xử lý nghiêm các vi phạm; phấn đấu giảm về số vụ và thiệt hại về cháy nổ.

12. Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, các Ban của HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; nâng cao vai trò của mỗi cơ quan trong việc phối hợp công tác, giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, đột xuất; nâng cao hiệu quả công tác tiếp xúc cử tri theo quy định; công tác phản biện xã hội đối với những quyết định lớn của HĐND, UBND Thành phố. Quan tâm tiến độ, chất lượng trả lời và phối hợp giải quyết những vấn đề dân sinh bức xúc. Phối hợp tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nếp sống văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Phối hợp triển khai công tác đảm bảo an sinh xã hội, vận động ủng hộ người nghèo,... phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2024 và những năm tiếp theo

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết
2. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị-xã hội phối hợp tuyên truyền, tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

HĐND Thành phố kêu gọi các tầng lớp Nhân dân, các lực lượng vũ trang, các cấp, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội Thành phố nỗ lực phấn đấu thi đua hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2024 của thành phố Hà Nội.

Nghị quyết đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTƯQH;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP; các Ban HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Các cơ quan thông tấn báo chí của TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2024
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP): 6,5-7%.
2. GRDP bình quân đầu người: 160,8-162 triệu đồng.
3. Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện: 10,5-11,5%.
4. Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu: 4-5%.
5. Chỉ số giá tiêu dùng: dưới 4%.
6. Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước: 0,15%.
7. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước: 0,1%.
8. Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn 100% đạt chuẩn quốc gia về y tế.
9. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 94,5%.
10. Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động: 45%.
11. Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động: 2,5%.
12. Tỷ lệ đối tượng tham gia BH thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động: 40%.
13. Giảm số hộ nghèo so với đầu năm: 300-400 hộ.
14. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị: dưới 4%.
15. Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo: 74,2%; Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 54%.
16. Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia: 78,5% ; Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia được công nhận mới (lần đầu): 114 trường; Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia được công nhận lại: 300 trường.
17. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa": 88%.
18. Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa": 64,5%.
19. Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa: 74%.
20. Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch: Khu vực đô thị đạt 100%; Khu vực nông thôn đạt 95%.
21. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày: Khu vực đô thị đạt 100%; Khu vực nông thôn đạt 95-100%.
22. Xử lý ô nhiễm môi trường: (i) Tỷ lệ CCN có trạm XLNT đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với CCN xây dựng mới: 100%; Với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động: 100%. (ii) Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: 99%. (iii) Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: 100%; (iv) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 40%.
23. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 22-25%.
24. Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm: 40 xã; Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm: 35 xã.